

Truyện Tình Thời Ly Loạn

Tiểu Thuyết Tình Cảm Xã Hội

Lê Văn Hương

Lời Phi Lộ

Quyển sách quý độc giả cầm trên tay được thành hình phỏng theo một cốt chuyện có thật ngoài đời, một sự thật không xảy ra hai lần.

"Truyện Tình Thời Ly Loạn" kể ra nơi đây là một câu chuyện tình cảm xã hội, được trình bày theo hình thức tiểu thuyết. Vì là tiểu thuyết, nên tình tiết, diễn tiến, tên nhân vật, tên địa danh... được thay đổi, sắp xếp theo ý tác giả. Trong nhiều đoạn, chủ ý của người viết là không nêu ra tên người hay địa điểm, nhằm tránh nhận diện người trong cuộc.

Mọi trùng hợp nào là một sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn.

Lê Văn Hưởng

2007

Truyện tình thời ly loạn

Mục Lục

Chương 01: Tuổi vào đời	1
Chương 02:Người đầu gặp gỡ làm chi	12
Chương 03:Tiếng sét ái tình	20
Chương 04:Duyên hay nợ	28
Chương 05:Giây phút già từ	37
Chương 06:Còn đâu Cần Thơ thơ mộng	46
Chương 07:Giang sơn mới	56
Chương 08:Cuộc đua nước rút	68
Chương 09:Ngàn trùng xa cách	81
Chương 10:Người ở lại	91
Chương 11:Lá rụng về cội	101
Chương 12:Châu về hiệp phố	109
Chương 13: Hạnh phúc yêu đương	118
Chương 14: Biển cổ ngày 30 tháng tư	126
Chương 15:Yêu em cho trọn cuộc tình	137

CHƯƠNG 1

Tuổi Vào Đời

Người lính cô đơn

Buổi họp hôm nay vô cùng quan trọng. Tân sĩ quan ồn ào tề tựu trong phòng hội rộng lớn của Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Mỗi người đến phiên lên chọn đơn vị. Tâm lý chung, ai cũng muốn lựa đơn vị tốt: ít nguy hiểm, nhân hạ, gần quê nhà.

Sự lựa chọn căn cứ vào số điểm tổng quát của khóa sinh. Điều lưu ý là người có điểm thấp không nhất thiết là "người dở", vì nhiều lý do: không thích cuộc sống chinh nhân, không hợp với năng khiếu... .

Tên khóa sinh được lần lượt gọi, người lên trước, chọn trước, kẻ đến sau chọn trong danh sách đơn vị còn lại "mà ai cũng chê". Do đó, từ hội trường bước ra, có người hớn hở, có những nét mặt đăm chiêu...

Như bao nhiêu người kém may mắn, đến phiên Tấn, anh chọn một đơn vị bộ binh tại vùng Đồng Tháp Mười. Anh phân trần với bạn bè:

- Tôi không biết chọn đâu, thôi chọn đại, may rủi, miễn trong Nam gần quê tôi là được. Không lẽ ai ra đánh giặc đều chết hết sao?

Tấn lững thững bước về trại mình, sắp đặt hành trang...

Sau khi đi phép một tuần ở Đệ Thiên Đệ Thích cùng với mấy người bạn, anh về thăm quê mẹ ở Bến Tre một tuần trước khi đi trình diện đơn vị mới.

Nhà gia đình Tấn nằm trong một khuôn viên gần một mẫu đất, dọc theo một con kinh vùng ngoại ô thành phố Bến Tre. Chung quanh nhà có trồng dừa, những cây dừa cao ngất, thẳng lối vô tận bên trong xa, ngoài ra còn một số cây trái khác như chuối, mãng cầu, cam, mận, ổi, thơm...

Như bao cảnh đồng quê trong Nam, nhà không thể thiếu gà, vịt, ngỗng, chúng ra bờ mương tự kiếm ăn, như tôm, tép, sâu bọ, rong rêu. Đặc biệt là bầy ngỗng sáu bảy con, mỗi lần có ai đến gần, chúng ngưỡng cổ lên lắc qua lắc lại

cùng âm ỉ hòa tấu bản nhạc "cò kéc, cò kéc... ", và sau cùng vội vã chạy như bay, vươn đôi cánh trắng nhảy qua bờ mương.

Gia đình

Tấn mồ côi cha từ khi lên sáu, bà mẹ Tấn nuôi hai con, Tấn và người anh Hai của Tấn. Gia đình chăm lo làm rẫy và có nhiều công ruộng phía trong xa.

Sống trong một gia đình hiền từ đạo đức, Tấn đi học trường đạo tại tỉnh. Anh là người ngoan đạo, không bỏ sót lễ Misa nào; khi nhà thờ có lễ lộc, anh luôn luôn hăng hái, nhiều khi giúp lễ cho Cha Xứ Nhà Thờ.

Sau khi đậu Tiểu Học, anh sắp sửa qua Mỹ Tho học Trung Học, Cha Xứ cho mẹ anh biết ý của Cha là muốn giúp anh học làm linh mục. Nếu đồng ý, Cha giới thiệu lên một Dòng Tu ở Sài Gòn, anh học và ăn ở luôn trong đó không tốn tiền, như vậy là giải quyết được vấn đề tiền bạc cho gia đình vốn không dư dả gì.

Bà vui lòng, vì nghĩ: "Gia đình mình là đạo dòng, cho con đi tu, nhà mình vẻ vang hơn, hơn nữa, không phải tốn kém, vì mọi chi phí đã có Nhà Dòng lo".

Cha Xứ hỏi ý kiến Tấn, anh rất phấn khởi.

Mấy năm trôi qua, Tấn đậu bằng Thành Chung và tiếp tục học Ban Tú Tài, cũng theo chương trình học của Nhà Dòng, lớp càng cao, học giáo lý càng nhiều. Anh được làm "Anh" (là Frère) theo chương trình học lên linh mục.

Lúc đó, thời cuộc rối ren, Nhứt đảo chánh Tây... , sau đến Việt Minh nổi lên, kêu gọi đình công, bãi trường, bãi khóa... , mọi tầng lớp dân chúng vô cùng xao động.

Một số khóa sinh Nhà Dòng bị lôi cuốn theo thời cuộc... Rồi đến lệnh Tổng Động Viên, kêu gọi người có bằng Thành Chung, Tú Tài đi trình diện Khóa Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức. Bạn bè cùng lớp có người bỏ học vì gia đình không còn tiền nuôi con đi học. Một số khác nhờ cha mẹ có tiền, chạy chọt tiếp tục ở lại học, một ít nhờ trường hợp gia giảm khỏi bị động viên nếu là "con một" trong gia đình. Trường hợp của Tấn, anh phải đi trình diện.

Là một con người được đào tạo trong Nhà Dòng, anh ít tiếp xúc với người đời, ít đùa giỡn hay nói chuyện lớn tiếng, tánh tình chơn thật, hay giúp đỡ bạn bè, do đó, anh được nhiều cảm tình của người quen biết.

Và ngày hôm đó, trong bộ quân phục Thiếu Úy, anh vẫn giữ nét khiêm nhượng, đôi khi còn "e lệ" là khác.

Mấy ngày anh về thăm quê, bà mẹ vui mừng vì thấy mặt con, nhưng lòng bà không vui trọn, bà thích con mình trong lớp áo màu đen linh mục hơn là lớp áo chiến binh. Thương con, ngày nào bà cũng cùng với gia đình anh Hai của Tấn thay đổi món ăn cho anh, nay, gà xé phai ăn với cháo; mai, vịt luộc chấm nước mắm gừng; qua ngày sau, tôm càng nướng, nhưng con tôm xanh nướng; ngày khác, bà cho con ăn món canh mắm đồng với rau sống là món cổ điển nhứt của miền Nam.

Tình mẹ thương con là đó, mặc dầu con đã lớn, nhưng lúc nào mẹ cũng xem con như trong tuổi còn thơ.

Ngày anh giã từ, bà buồn từ buổi sáng:

- Con ơi! Má lo cho con quá! Phải chi con còn ở trong nhà dòng, đâu đến nỗi nào con phải ra trận mạc?

Anh trấn an bà:

- Thôi, má buồn làm chi, con cũng muốn ở trong dòng tu, mà Chúa "chưa gọi" thì làm sao? Má ở nhà có anh Hai chị Hai lo cho má, thỉnh thoảng con về thăm... Má đừng khóc hoài, hai mắt má mờ rồi, má khóc nhiều càng hại thêm!

Bà mẹ lấy chiếc khăn rằn vắt trên vai chùi nước mắt, nói với theo:

- Mỗi đêm nhớ đọc kinh cầu nguyện Chúa nghe con!

Anh Thiếu Úy mới ra trường mang ba lô bước ra con lộ đá gần nhà, đón xe lô chạy ra "bắc" (bến phà) Rạch Miễu. Có lẽ đây là lần đầu tiên người dân quê tại xứ Bến Tre thấy một ông "quan một" Việt Nam trẻ măng, bao nhiêu cặp mắt ngó về anh, hơi lấy làm lạ.

Những gợn sóng đập vào mạn thuyền khi chiếc "bắc" ra giữa dòng sông làm cho đồ đạc lư lên xuống. Anh nhìn xuống dòng nước, dòng nước giống như nhiều năm qua anh đi trên con đò này hồi còn thơ ấu. Vẫn từng đám lục bình trôi lên trôi xuống theo con nước lớn, nước ròng, sóng nước vẫn là sóng nước muôn đời, nhưng làm sao anh tìm lại sóng nước ngày xưa, nó trôi qua cũng như ngày son trẻ của anh không bao giờ tìm lại được!

Thời bấy giờ, anh đâu nghĩ rằng một ngày nào đó, anh phải mặc áo chiến binh? Anh đã ở trong dòng tu, mộng ước trở thành linh mục biến tan vì thời cuộc, và ngày hôm nay, anh là một Thiếu Úy, ngày mai của anh ra sao, anh không thể quyết định, để tuổi đời nổi trôi theo vận mệnh đất nước...

Người lính trận

Anh đến trình diện Tiểu Đoàn Khinh Binh, danh hiệu mới đặt, thật sự là "Garde du Sud", bản doanh đóng tại Cái Vồn (thuộc tỉnh Cần Thơ), nhưng lính rải rác đóng đồn dọc theo trục lộ giao thông chánh, do một Đại Úy người Pháp chỉ huy. Lúc đó, tất cả cấp chỉ huy đều là người Pháp, lính gồm có người Việt, người Miên...

Viên Đại Úy người Pháp là một sĩ quan đã chiến đấu xông pha trên nhiều mặt trận. Tuy vậy, cách nói năng và cử chỉ của ông chứng tỏ ông là người học thức. Ngày Thiếu Úy Tấn đến trình diện đơn vị, ông vui mừng có một sĩ quan Việt Nam, ông đứng ra bắt tay Tấn.

Sau khi hỏi qua về học lực của Tấn, ông khá ngạc nhiên vì Tấn nói lưu loát tiếng Pháp, càng lấy làm lạ hơn khi biết Tấn đã đi tu trong Nhà Dòng trước khi nhập ngũ. Ông an ủi Tấn:

- Bên Pháp chúng tôi cũng có động viên... , về sau này, anh sẽ được giải ngũ, chừng đó, anh đi học lại...

Và muốn cho Tấn yên tâm hơn, ông cho anh biết về trận chiến tại vùng này:

- Ở đây, tình hình không nặng lắm, chúng nó (là Việt Minh) chỉ đánh quấy rầy mình thôi. Tuy vậy, mình phải cẩn thận lắm khi di chuyển, hay khi đi tiếp tế cho các đồn bót.

Thật vậy, thời bấy giờ, ở miền Tây, chỉ có du kích hoạt động khuấy rối. Thường ban đêm Việt Minh tập hợp dân chúng bắt đào đường, đắp mô, hoặc chặn xe đồ thuê, hay thỉnh thoảng phục kích đoàn xe tiếp tế, gây thiệt hại rồi rút lui.

Anh được giao cho nhiệm vụ Phụ Tá một Đại Đội Trưởng người Pháp, cấp bậc Trung Úy, ý của Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng là muốn giúp anh học hỏi thêm về trận mạc.

Công việc của anh không đến nỗi nhọc nhằn: hành quân thám sát với đơn vị nhỏ, cao lắm là cấp Trung Đội... Hoạt động thường của người lính là đi phục kích, ngày và đêm, nhằm ngăn chặn Việt Cộng về thôn xóm tuyên truyền, hay bắt buộc dân làng đi đào xới trục lộ giao thông, phá hoại cầu kỳ.

Cũng có khi hành quân cấp đại đội, tiểu đoàn: cảnh lợi nước, lợi sinh là việc bình thường của người lính, anh không thấy gì phải than van.

Có lần đó, anh tham dự một trận lớn quy mô, có nhiều tiểu đoàn khác tham dự, chiến dịch kéo dài gần một tháng. Đại đội anh được chở trên tàu Hải Quân đến địa điểm, xong phải lội bộ theo bờ kinh hơn cả cây số, mục đích là giải tỏa áp lực của Việt Cộng đã phá sập một cây cầu liên quận. Nhiệm vụ của Đại Đội anh là đóng đồn một bên đầu cầu để hỗ trợ cho đơn vị Công Bình sửa lại cây cầu. Đầu cầu kia, có đại đội khác của Tiểu Đoàn trấn giữ.

Ban ngày, bố trí thám sát quanh khu vực, ban đêm trong tư thế sẵn sàng đối phó với mọi cuộc tấn công.

Trong thời gian đó, có nhiều cuộc chạm súng lẻ tẻ, và một đêm, đại đội anh bị tấn công bằng chiến thuật "tiền pháo hậu xung"¹. Binh sĩ phòng thủ chống trả; với hỏa lực súng cối từ trong đồn bắn ra trúng đích, địch quân rút lui. Đại đội anh không có thiệt hại nào về nhân mạng, chỉ có vài binh sĩ bị thương nhẹ.

¹ "tiền pháo hậu xung": một chiến thuật thường áp dụng trong một cuộc đánh chiếm một cứ điểm, một đồn bót. Trước tiên là từ ngoài pháo kích vào đồn, kế là xung phong vào để chiếm đồn.

Nhờ lòng dũng cảm trong các trận đánh, anh được ban thưởng huy chương anh dũng bội tinh.

Đối với binh sĩ thuộc quyền, anh tỏ ra hòa nhã, nhút là không bao giờ nói nặng ai, chửi mắng càng không có. Vì thấy anh hiền từ, quân nhân trong đơn vị thường tỏ ra thân mật với anh.

Trong một cuộc hành quân thường ngày, đơn vị đến một trạm dừng quân dùng cơm trưa, anh em binh sĩ nói chuyện giỡn với nhau. Thấy Tấn còn độc thân, một anh bạn nói nửa đùa nửa thật với anh:

- Thiếu Úy, em có con em bạn dì, nó học giỏi, dễ thương lắm, nếu Thiếu Úy chịu, bữa nào em làm mai cho!

Tấn trả lời:

- Còn giặc giã, tôi chưa nghĩ tới đó!

Anh bạn trên liền nói thêm:

- Nó cũng đẹp nữa Thiếu Úy, thấy là ông mê liền!

- Đẹp như Tiên Nga, tôi cũng không ham!

Người thứ ba chen vào:

- Nói vậy chớ gặp người nào hạp nhãn, Thiếu Úy mê tíu cho coi!

Một người khác đứng ngoài, nói thêm:

- Thôi cưới vợ mau đi Thiếu Úy, cho em út uống chút rượu cho vui!

Tấn cười đáp lại:

- Đợi đi, cả chục năm nữa không chừng!

Theo quy định trong quân đội vào thời đó, sĩ quan Thiếu Úy sau hai năm được tự động thăng cấp Trung Úy. Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng gán cấp bậc mới cho Tấn, vui vẻ bắt tay anh và nói:

- Anh rất xứng đáng mang cấp bậc Trung Úy, tôi rất hãnh diện có người làm việc như anh!

Ba tuần sau, Trung Úy Tấn có lệnh đổi về phục vụ tại Tiểu Khu Cần Thơ.²

Và đây là một khúc quanh trong cuộc đời tình cảm của anh.

Quê hương bé nhỏ

Nhắc đến Bến Tre là quê hương bé nhỏ của Tấn, tưởng cũng nên biết một vài đặc điểm của "xứ" này.

Là một phần của miền Nam "mưa nắng hai mùa", đặc biệt tỉnh Bến Tre có khí hậu hiền hòa, gió mát trong lành quanh năm. Vì từ thiên niên vạn kỷ, nơi đây được bốn chi nhánh của Sông Tiền Giang tưới nước hằng ngày, đó là sông Mỹ Tho, sông Ba Lai, sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên. Bốn con sông này chia tỉnh ra thành ba đảo, trong đảo lại chằng chịt vô số sông rạch. Đảo này chỉ cách đảo kia bề rộng con sông, tùy khúc rộng hay hẹp, không rộng như biển cả, do đó chỉ đi thuyền nhỏ hay đi đò là qua bên kia sông.

Nhờ đất phù sa của sông Cửu Long đắp vào, cây cối trong vùng mọc lên tươi tốt um tùm, chỉ biết đâm chồi ra nhánh và lớn mạnh, đem nhiều huê lợi cho dân chúng.

Nông phẩm trong vùng rất đa dạng, nào mía, thơm, cam, sầu riêng, khoai lang, khoai mì, vân vân, ngoài hai loại chánh là lúa và dừa.

Chưa kể vô số thủy sản như cá, tôm, cua, sò, ốc, hến...

Khác hơn các tỉnh khác, xứ Bến Tre là xứ dừa.

Cây dừa hàng hàng lớp lớp mọc trên bờ kinh, bờ mương, ngọn xanh cao vút với những quày trái nặng trĩu bám sát ngọn cây.

² Tiểu Khu: một cơ quan quân sự đầu nảo của một tỉnh, cũng có khi gồm hai tỉnh nếu là tỉnh nhỏ

Trong món ăn của người dân miền Nam, không thể thiếu nước cốt dừa: cà ri phải nấu với nước cốt dừa mới béo, chè thiếu nước cốt dừa sẽ thiếu hấp dẫn!

Nếu cây dừa có óc suy nghĩ, nó sẽ tự hào đã sống không vô ích.

Tự hào vì không bộ phận nào của cây dừa bị lãng phí: trái tươi để uống giải khát; trái dừa khô dùng trong kỹ nghệ nấu dầu, chế biến thành mỹ phẩm, xà bông, dầu xức tóc... ; sọ dừa khô làm gáo nước; lá dùng lợp nhà, che vách; sơ dừa quăn thành dây, làm bàn chải, cây dừa khi đổ xuống được dùng làm cầu khỉ thay thế cây tre; thân, trái, rễ cây dừa phơi khô làm củi... Đặc biệt dừa ở đây có rất nhiều trái và lượng dầu cao.

Tỉnh Bến Tre cũng là địa danh nổi tiếng về anh hùng hào kiệt.

Phan Thanh Giản là quan tận trung với nước. Năm 1867, ông có nhiệm vụ trấn giữ ba tỉnh Hà Tiên, An Giang và Vĩnh Long. Vì không thể giữ thành, bị đạo quân hùng mạnh Pháp đánh chiếm, và mặc dầu được người Pháp chiêu dụ hứa tặng nhiều bổng lộc, ông uống thuốc độc tự tử, thà chết chứ không hàng giặc. Quê ông ở làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, Bến Tre.

Cùng thời với Phan Thanh Giản, ông Đồ Chiểu, tức Nguyễn Đình Chiểu, rời Long An về Bến Tre sống những ngày còn lại để viết sách làm thơ. Hiện ở Bến Tre, có hai ngôi mộ của Phan Thanh Giản và Nguyễn Đình Chiểu, sau này được trùng tu rất đẹp.

Quận Ba Tri cũng là quê của bà Nguyễn Thị Xuân Khuê, một nữ văn sĩ nổi tiếng với bút hiệu Sương Nguyệt Ánh.

Nói đến Bến Tre mà bỏ qua một nhân vật được người đời sau này còn nhắc nhở là một thiếu sót lớn. Ông được dân chúng yêu mến nhờ lòng can đảm và tánh kiên cường khi ông đứng ra bênh vực dân lành, trong khi người khác đành chịu bó tay.

Đó là "Ông Già Ba Tri".

Ông Già Ba Tri tên thật là Thái Hữu Kiếm, gốc người Quảng Ngãi, đã mấy đời trước sanh cơ lập nghiệp tại Ba Tri từ thế kỷ 18; ông có công giúp Chúa Nguyễn Ánh và được phong chức Trùm Cả làng An Bình Đông, quận Ba Tri.

Năm 1806, Cả Kiếm dựng chợ Trong nằm bên cạnh rạch Ba Tri, đắp đường sá; chợ càng ngày càng tấp nập. Chợ có trước là chợ Ngoài, cách chợ Trong 3 cây số. Ông Xã Hạc ở chợ Ngoài chơi ép, đắp đập ngăn ghe thuyền từ sông Hàm Luông không vào được chợ Trong. Bị hiếp đáp, Cả Kiếm kiện, Phủ Huyện địa phương xử chợ Trong thua với lập luận: mỗi làng đều có quyền đắp đập trong địa phận làng mình.

Dân chợ Trong không chấp nhận phán quyết bất công trên, cử Cả Kiếm cùng hai kỳ lão Nguyễn Văn Tới và Lê Văn Lợi, đi từ Ba Tri ra Huế, đường dài trên 1000 cây số, để khiếu nại với Triều Đình xin phúc thẩm lại phán quyết của địa phương.

Cả Kiếm và hai bạn đồng hành lên đường. Ai cũng biết thời đó từ trong Nam ra Huế chỉ có hai cách đi, một là đường biển, hai là đường bộ. Có câu ca dao còn truyền tụng đến ngày nay:

*"Đi bộ thì khiếp Hải Vân,
Đi thuyền thì khiếp sóng thần Hàn Voi. "*

Đi đường biển, sợ nhút sóng gió vùng Hàn Voi, nhiều ghe thuyền bị đắm khi đi ngang đó. Đường bộ chỉ có cách dùng ngựa (rất tốn kém) hoặc hai chân người. Đường bộ không phải nguy hiểm vì dốc cao chót vót của đèo Hải Vân, với cây cối chằng chịt cùng núi đá, vả lại, thời đó, chưa có xe cộ, không sợ lật xe xuống đèo, nhưng người ta "khiếp" đèo Hải Vân vì nơi đây có nhiều cọp. Bộ hành đi từng nhóm, trong đó phải có người võ nghệ cao cường mới dám đi.

Không riêng tại đèo Hải Vân, cả trong Nam, khi đi ngang qua Rừng Lá (gần tới Phan Thiết), cũng có nhiều cọp: một số tiểu phu vô rừng đốn củi thỉnh thoảng không thấy trở về. Thế mới biết ngày xưa, khi ra Huế đi thi, các cụ can đảm là dường nào!

Ba ông già Bến Tre đi bộ đến Huế. Vua Gia Long vừa băng hà, Vua Minh Mạng lên ngôi. Vua phán quyết:

"Dù là làng riêng, nhưng rạch là rạch chung, là đường giao thông chung cho cả chợ Trong và chợ Ngoài, Phủ Huyện phải dẹp bỏ đập".

Do lòng cương quyết và ý chí tranh đấu cho lẽ công bằng, phái đoàn do ông Cả Kiểm hướng dẫn làm xong nhiệm vụ là dẹp bỏ đập ngăn chặn rạch Ba Tri từ chợ Ngoài vào chợ Trong. Từ đó, dân Bến Tre gọi ông Cả Kiểm là Ông Già Ba Tri.

Về sau, chữ "Ông Già Ba Tri" được phổ biến rộng rãi trong dân gian mỗi khi nhắc đến một người tuy lớn tuổi mà "dám làm", không quản ngại khó khăn... , đồng nghĩa với chữ: "Ông Già Gân".

Gần đây hơn, một nhân vật danh tiếng khác biến Bến Tre thành một nơi du lịch, khách bốn phương đến xem và tìm hiểu.

Quê ông là Bến Tre, ông là một kỹ sư hóa học từ Pháp về. Với học lực này, ông có thể có một địa vị xứng đáng trong xã hội. Nhưng, thấy cảnh chiến tranh "cốt nhục tương tàn" giữa Quốc Gia và Cộng Sản, ông phản đối chiến tranh bằng cách cạo đầu, ăn chay, mặc y phục nhà tu, leo lên một cây trụ rất cao ở Phú Lâm, Chợ Lớn, ngồi thiền trên đó cả buổi mới xuống, và cứ tiếp tục như vậy trong nhiều năm. Ông chỉ ăn trái cây, rau cải, thường là rau cải sống, và uống nước dừa, vì vậy, người ta gọi ông là "Ông Đạo Dừa". Tên thật của ông là Nguyễn Thành Nam.

Vì việc chống đối của ông có tánh cách bất bạo động, chánh phủ miền Nam không bắt bớ ông, không quản chế ông, ông được tự do hoạt động.

Sau đó một thời gian, ông về Bến Tre, ở trên một chiếc ghe lớn đậu tại Cồn Phụng, vẫn ngồi thiền và uống nước dừa, thức ăn của ông thường là mẩu cầu. Cũng có lúc ông "tịnh khẩu" (không nói), khách thăm viếng hỏi ông điều gì, có người trả lời thế cho ông. Đến giờ ăn, người ta lột mẩu cầu để lên đĩa, dâng lên cho ông ăn, có thể nói một số người sùng bái ông như ông thánh.

Sau này, Cộng Sản chiếm miền Nam. Thấy "Cách Mạng" cướp giật nhà cửa, bắt bớ quân dân miền Nam, áp đặt lên dân chúng nhiều xiềng xích, ông Đạo Dừa tiếp tục phản đối "bất bạo động" như dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Không ngờ Cộng Sản không tha ông, chúng bắt ông vào tù "cải tạo", nhốt trong "conex"

(thùng sắt); có khi cả tháng ông không tắm, chúng đem ông ra, lấy vôi xít nước vào mình ông làm ông té lăn cù xuống đất. Vì không chịu nổi cực hình của cán bộ quản giáo, ông chết trong chốn lao tù mấy năm sau.

CHƯƠNG 2

Người Đâu Gặp Gỡ Làm Chi...

Cơ hội

Tấn được đổi về Tiểu Khu Cần Thơ là do lệnh của Chánh Phủ, theo đó các Tiểu Khu phải mở ra lớp huấn luyện quân sự cho nhân viên dân sự bên hành chánh: công chức phải tham gia để có ý thức về quân sự, biết cách xử dụng súng để có thể tự vệ.

Trung Úy Tấn phụ trách về việc này.

Mỗi tuần một giờ, trong bốn tuần, tại phòng hội của Tòa Hành Chánh tỉnh, anh lên thuyết trình về cách phòng thủ, xử dụng các loại súng, những điều căn bản của một người lính.

Các cấp hành chánh của tỉnh từ trưởng ty, trưởng phòng đều đến tham dự. Mọi người hăng hái đến nghe cách trình bày khúc chiết của một sĩ quan có trình độ học vấn. Nhiều câu hỏi được nêu lên, anh luôn luôn vui vẻ trả lời.

Anh vui vẻ, là vì môi dưới anh hơi xệ xệ, mới nhìn vào, tưởng anh lúc nào cũng sẵn nụ cười mặc dầu anh chưa muốn. Anh không đẹp trai lắm, vóc dáng ốm, nước da ngăm ngăm, lại do đang nắng suốt năm trời khi đi hành quân, càng đen thêm, tăng vẻ uy nghi của người lính chiến trong bộ quân phục.

Có một ngày, anh trình bày các loại súng nhỏ để trên bàn, dạy cách lắp ráp, bảo trì súng, quan khách lên xem và sờ mó, anh rảo vòng vòng trong đám người, tận tình chỉ cách xử dụng, tỏ ra thân mật và hòa đồng với mọi người, khác với khi xưa, ông quan một, quan hai thường hay hách dịch, không kết thân với dân chúng. Do đó, lớp huấn luyện của anh được cảm tình của các cấp dân chính.

Một ngày nọ, anh gặp một người. Đây là một ông đứng tuổi, chớ không phải một người đẹp. Ông là trưởng ty một ngành của tỉnh, ông đến hỏi thăm anh chi tiết về công dụng các loại súng, kể cả các loại mìn bẫy. Vì ông xuất thân từ Trường Kỹ Sư Canh Nông bên Pháp, ông hỏi về sức công phá của mìn đối với các loại đất như đường sá, đê điều, hay đất ruộng.

Lần sau, trong câu chuyện, thân mật hơn, ông hỏi qua về học vấn của Trung Úy Tấn. Thấy ông sĩ quan này là người trí thức, thật thà và cởi mở, ông có ý nhờ Tấn dạy kèm thêm toán và vật lý cho con ông. Tấn trả lời:

- Dạ, được, em cũng ở tại tỉnh, trong Tiểu Khu, nếu ông cần, em có thể đến kèm cho cháu khi nào em rảnh.

Ông mời Tấn đến nhà chơi cho biết.

Nhà ông kỹ sư nằm trong khuôn viên Ty Canh Nông do chánh phủ dành cho gia đình trưởng cơ quan. Ông trưởng ty giữ chức vụ này tại Cần Thơ đã hơn sáu năm, ông có ba trai và một gái.

Ông đề nghị trả một số tiền thù lao dạy học, Tấn có ý từ chối.

- Không được - lời ông nói - đó là chút tiền để trả ơn cho công khó của chú em.

Tấn làm thinh.

Vài ngày sau khi nói chuyện với Tấn, ông kỹ sư nói với cô con gái út của gia đình:

- Mỹ, hôm nay, ba tìm được một thầy đến dạy con học thêm toán lý hóa!

Cô gái giựt mình, tỏ ý không thích:

- Thôi mà ba, con thấy con đâu cần phải học thêm...

Ông kỹ sư rầy con ngay:

- Ba nói là con phải nghe, ba biết con còn yếu mấy môn đó, nay mai qua Mỹ Tho, học Tú Tài, con không theo kịp đâu!

Từ bấy lâu nay, trong chuyện giữa người lớn với nhau, cô thường nghe nhắc nhở đến câu ca dao:

"Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư".

Biết rằng cãi lại cha không được, cô làm thính, miễn cưỡng chấp nhận.

Và đây là bắt đầu câu chuyện tình éo le, đầy nước mắt, giữa một cô gái "khuê môn bất xuất" và một chàng chiến sĩ phong sương...

Gia đình ông bà kỹ sư

Trước khi nói đến mối tình trên, thiết nghĩ nên biết qua về thân thế gia đình ông bà kỹ sư, vì đây là những nhân vật then chốt, có vai trò quyết định trong cuộc tình của hai kẻ yêu nhau.

Quê của ông kỹ sư ở Vĩnh Long, quận Vũng Liêm, gia đình có ruộng đất, tiền của, vì vậy, đã cho ông du học bên Pháp: ông thành tài, với bằng kỹ sư Canh Nông của Pháp. Theo nề nếp gia đình, ông cưới bà vợ, người quê ở Sa Đéc do bà con gia đình môi giới. Nhà bà cũng thuộc hàng khá giả, có ruộng miệt Lai Vung.

Từ khi "Cách Mạng" nổi lên hát bản hùng ca:

"Mùa thu rồi, ngày hăm ba, (1945),

Ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến... ",

ruộng hai bên gia đình cha mẹ ở Vĩnh Long và Sa Đéc không thu hoạch được gì nữa, chỉ còn loanh quanh vài chục công ruộng³ gần quận, mướn người làm và sống nhờ lúa ruộng.

Theo trong Nam, ở vùng Hậu Giang, chủ ruộng cho tá điền mướn ruộng để trồng lúa bằng cách, mỗi năm, tá điền nộp lố 4 hay 5 gạ lúa⁴ cho mỗi công đất mướn tùy theo thỏa hiệp giữa chủ ruộng và tá điền.

Theo lý thuyết Cộng Sản, lúa nộp mỗi năm cho chủ (địa tô) là "thặng dư giá trị", đó là sự bóc lột của địa chủ đối với nông dân, người có ruộng nhiều, khi

³ công ruộng: mỗi công ruộng có diện tích là 300 m²

⁴ gạ: một đơn vị đo lường thể tích, tương đương với 40 lít, thường là cái thúng, dùng để đong lúa.

cho mượn, sẽ nhờ đó giàu lên, vì vậy, "Cách Mạng Vô Sản" phải triệt hạ giai cấp địa chủ.

Nếu so sánh với địa chủ trong Nam, địa chủ ngoài Bắc không thấm vào đâu, tính về số người và bề thế tiền của, vì người ta thường nói "ruộng trong Nam cò bay thẳng cánh". Thế mà sau kế hoạch Cải Cách Ruộng Đất phát động từ đầu thập niên 1950 tại miền Bắc, đã có nhiều gia đình nông thôn ngoài đó bị cho là "địa chủ" để phải bị đấu tố trước "tòa án nhân dân", bị đủ thứ nhục hình và sau cùng theo lời hô hào và xách động của cán bộ, bị dân chúng chọi đá cho đến chết hoặc xử bắn.

Có những làng nghèo quá, cán bộ Cải Cách Ruộng Đất phải tìm cho đủ số địa chủ để báo cáo lên thượng cấp: một gia đình có một mâm thau đồng cũng bị liệt kê vào hàng "địa chủ ác ôn" để bị đem ra tòa án nhân dân xét xử cho đúng với khẩu hiệu "búng tận gốc, tróc tận rễ".

Trong phim "Chúng Tôi Muốn Sống", trình chiếu ở Sài Gòn khoảng năm 1956, 57, có cảnh đấu tố hai vợ chồng một "địa chủ". Một số người đi xem cho rằng nhà đạo diễn phóng đại, nói thêm ra, chớ "làm gì có". Sau này mới biết đó là sự thật đã xảy ra trên đất Bắc. Đảng sau này có nhìn nhận "sai lầm", tuy nhận sai lầm, nhưng người chết và gia đình nạn nhân không bao giờ được phục hồi danh dự hay bồi thường.

Nếu đấu tố địa chủ xảy ra trong Nam, chắc chắn cả ngàn người phải chết oan uổng; may thay, Cộng Sản chưa có cơ hội để thi hành chánh sách đó.

Tuy trong Nam không có phát động phong trào "đấu tố" địa chủ, nhưng từ cuối năm 1947, đã có làn sóng ngấm ngầm chống địa chủ khi Việt Minh lập "chiến khu" ở các vùng nông thôn hẻo lánh, vì vậy, đã có nhiều người bị giết với tội danh "địa chủ", "cường hào ác bá", "Việt Gian". Cách giết của họ ở vùng Hậu Giang được gọi là "cho đi mò tôm", nghĩa là du kích Cộng Sản ban đêm đến nhà bắt và giết chết bằng dao găm hoặc bằng súng lục rồi cột đá thả trôi sông hoặc cũng có thể quăng xác xuống đìa, ao, rạch. Danh từ "mò tôm" rất phổ biến trong dân gian vào thời đó: nghe đến chữ "mò tôm", ai cũng kinh hoàng.

Hai bên cha mẹ ông bà trưởng ty đều bị liệt vào thành phần địa chủ, may là vào năm 1945-1947, gia đình đã kịp bỏ chạy lên tỉnh trước khi "Cách Mạng Mùa Thu" lan tràn vào thôn xóm, nhờ đó, mới bảo toàn được mạng sống.

Trong gia đình, ông kỹ sư không uống rượu, hay cờ bạc, không bao giờ có "cô này cô nọ" để bà kỹ sư phải ghen tuông như một số công chức thời trước. Ông kỹ sư luôn luôn giữ đúng tư cách người chồng, người cha; trong việc làm của một công chức, ông rất liêm chính, không bao giờ để cho bà nhà xen vô chuyện của sở; ông thường nhắc nhở bà:

- Chuyện trong sở mà để mấy bà vợ chen vô là "hư bột hư đường" hết, bà nên đứng ngoài!

Tuy học cao hiểu rộng, nhưng tánh ông khiêm nhượng, không phô trương... Ông không có bạn bè nhiều, và đối với bà con cô bác trong gia đình, ông giúp đỡ không một tiếng than van. Ngày lễ giỗ, bà con từ miền quê đến phụ gia đình nấu nướng, vì họ thương mến ông bà. Trước khi ra về, mỗi người đều có món quà của ông bà tặng, khi thì quần áo, lúc thì tiền bạc, thuốc men.

Theo nề nếp gia giáo của gia đình, ông kỹ sư cho con đi Tây, nhờ vậy, đã có ba cậu đang học ở Pháp. Ông bắt con trai, con gái phải học lên ít nhất Đại Học, lấy bằng bác sĩ, kỹ sư hoặc luật sư, và phải là cấp bằng của Pháp mới có giá trị, do đó lễ giáo trong gia đình rất nghiêm khắc.

Bà vợ ông là người có học. Với bằng tiểu học vào thời đó, bà cũng có hạng nếu so với phần đông phụ nữ không được cha mẹ cho cấp sách đến trường. Theo quan niệm cổ xưa, cha mẹ muốn con gái ở nhà để giữ đúng "Công Dung Ngôn Hạnh", sợ cho "con gái đi học, nó viết thư cho trai".

Lối giáo dục tại trường hồi thời Pháp thuộc rất nghiêm và kỷ lưỡng, cả về trí dục lẫn đức dục. Nhờ đó, bà kỹ sư có đủ kiến thức và khả năng để dạy dỗ con cái trong gia đình, ngoài ra còn có đủ "vốn liếng văn hóa" trong việc giao thiệp ngoài đời, cả đối với người Pháp.

Phụ giúp cho bà kỹ sư trong công việc nhà còn có Dì Tư. Dì là con một tá điền hồi xưa có làm ruộng trong đất gia đình bà. Sau khi có chồng được hai năm, chồng Dì đi làm ruộng, bị rắn cắn chết. Cảnh sống ở thôn quê khó khăn, Dì đến

tìm nhà ông bà kỹ sư xin làm việc trong nhà và ở đó từ mười mấy năm qua. Tuy Dì không phải là bà con ruột thịt, nhưng ông bà kỹ sư rất thương Dì, xem Dì như người trong gia đình, nhờ tánh Dì thật thà, và rất chịu khó.

Bà Nội

Trong nhà còn có bà nội (mẹ ông kỹ sư). Ông rất kính nể bà, bà không phải là một bóng mờ trong gia đình: khi có việc gì trọng đại, ông thường hỏi ý kiến bà. Nhiều khi bà nội trách móc ông vì có lúc ông nóng tánh, ông dịu xuống ngay. Ông không bao giờ cãi lại bà, ông thường nói với vợ và các con:

- Gia đình mình chỉ còn có bà nội, chịu khó chiều bà, đừng để Nội buồn lòng. Nội muốn ăn món gì, phải lo cho bà đầy đủ, nhớ mua trầu cau ngon cho Nội!

Nhớ có lần, cách hai, ba năm về trước, một chú tài xế của sở lấy xăng đi bán, nhân viên sở báo cáo cho ông biết. Ông cho điều tra cẩn thận, kết quả là chú tài xế có bán lổi năm can xăng (cộng khoảng 100 lít). Ông cho thợ ký làm giấy sa thải người phạm lỗi. Vợ chú vô sở khóc lóc, vì nhà có đến sáu, bảy cháu còn nhỏ:

- Bẩm ông kỹ sư, mấy tuần nay các cháu đau quá, không có tiền chạy chữa cho con nên chồng em mới làm vậy, xin ông kỹ sư tha cho chồng em, để chồng em làm việc lấy tiền nuôi con...

Ông kỹ sư là người tôn trọng kỷ luật, muốn phạt để làm gương cho kẻ khác. Trong lúc đó, có người mách với vợ chú tài xế nên lén đến gặp bà nội, năn nỉ bà thương xót cho hoàn cảnh gia đình để xin ông kỹ sư tha tội.

Qua chiều ngày sau, ông kỹ sư đi làm về.

Tới giờ ăn cơm tối, mâm cơm đã dọn sẵn. Lên bàn ăn, bà nội buồn buồn, ông kỹ sư hỏi có sự. Bà vô đề ngay, bà nói cho ông kỹ sư biết là vợ chú tài xế có đến gặp bà, tả cảnh nhà có sáu, bảy đứa con nheo nhóc, lại thêm hai đứa bệnh ban của nặng, bao nhiêu đồ đạc đem cầm thế, vì tiền không đủ lo cho các cháu, xong bà nói tiếp:

- Con à, má biết việc con làm là đúng luật, nhưng con cũng nên lấy lòng thương người, thằng đó nó nghèo quá, mấy đứa nhỏ của nó đau ốm liên mien...

Ông kỹ sư lặng thinh...

Bà nội vừa nói vừa rơm rớm nước mắt:

- Nó lỡ dại lấy xăng bán, nó có lỗi thiệt, nhưng con cũng nên lấy đức mà ở đời, hồi nào tới giờ nhà mình giúp đỡ bà con nghèo khó, má xin con phạt nó thôi, đừng "đổ nồi cơm" nhà người ta, tội nghiệp lắm con!

Qua ngày sau, khi vô sở, ông kỹ sư không ký lệnh sa thải, thay vì đó chỉ làm giấy khiển trách cho có lệ.

Ngoài ra, bà nội rất theo xưa, những ngày lễ lộc trong gia đình, theo lệ chưng bàn thờ trong đồng quê miền Nam, bà không để thiếu mấy loại trái cây như Trái Dừa, Trái Đu Đủ, Trái Xoài. Ông kỹ sư dặn trong nhà phải làm đúng theo ý bà.

Có lẽ một số người thắc mắc về tục dị đoan này? Không ngờ cách đọc sai chữ này của người miền Nam nói lên thuyết sống đơn giản của họ: "Vừa Đủ Xài".

Với cuộc đời bình dị, không đua đòi, họ chỉ mong sao cho "Vừa Đủ Xài" là quá tốt. Ba loại hoa quả trên là tượng trưng cho lối sống đó.

Quan niệm "sống đủ", sống nhàn" cũng được Nguyễn Công Trứ nói trong bài thơ "Chữ Nhàn" của ông:

"Tri túc tiện túc, dãi túc, hà thời túc... "

Tri nhàn tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn?"

với nghĩa như sau:

Biết đủ là đủ, đợi cho đủ, biết bao giờ mới đủ,

Biết nhàn là nhàn; đợi cho nhàn, biết bao giờ mới nhàn?

Người dân quê, với cuộc sống mộc mạc, không học hỏi lý thuyết cao xa, vẫn mong sống an nhàn, khỏi mọi lo âu.

Hình thức trên đã ăn sâu đậm vào tâm khảm của người dân từ mấy trăm năm nay, không thể thay đổi đầu hôm sớm mai.

Nhiều tập tục dị đoan khác vẫn còn tồn tại sau này tại miền quê, câu chuyện sau đây là một.

Một sĩ quan "tù cải tạo" mới được thả về, nhà anh ở khu Bàn Cờ, Sài Gòn, nhưng có lệnh quản chế, anh phải đi "kinh tế mới". Là dân Sài Gòn, anh bơ vơ không biết đi vùng kinh tế nào, ở đâu, vì anh có nghe câu chuyện của một anh bạn bỏ trốn vùng kinh tế mới của "nhà nước" về kể lại:

- Trời ơi! Nó thả gia đình mình xuống một đám rừng chồi, nó biểu tự khai khẩn mà ăn, không có dụng cụ gì cả, chỗ ở thì tự tước chặt tre, chặt cây làm lầy; còn đồ ăn, nó cho mấy bao bo bo.

Anh sĩ quan "tù cải tạo" sợ quá, thời may, có người bà con thương tình anh vì lúc trước được anh giúp đỡ khi vợ con bệnh hoạn:

- Anh Ba về dưới em ở đi - lời người bà con - em có đất vườn nhiều gần quận Châu Thành Sóc Trăng, anh Ba cứ trồng trọt mà sanh sống!

Anh sĩ quan cùng vợ con về Sóc Trăng.

Tánh chịu khó, anh trồng nhiều loại rau cải, vợ anh đem ra chợ bán, cuộc sống gia đình thoải mái hơn. Anh có trồng nhiều bí đao, thấy bán có lời dễ dàng hơn và tin tưởng nơi số người tiêu thụ trong suốt năm, anh quyết tâm đem vốn liếng để tăng thêm diện tích trồng bí đao, mong trúng mỗi to vào dịp Tết năm sau.

Điều gì xảy ra?

Anh bị lỗ vốn nặng, vì người dân không phân biệt cách viết chữ ĐAO (bí đao) với chữ ĐAU (đau ốm), họ tin là ăn "bí đao" trong ngày Tết sẽ bị "ĐAU" suốt năm, họ không mua "đau ốm" (bí đao) đem về nhà.

CHƯƠNG 3

Tiếng Sét Ái Tình

Chuyện thường tình

Trong xã hội Việt Nam vào thời trước 75, một số gia đình giàu tiền của, thương con, lo cho con, rước thầy về dạy tư cho con gái mình, nhiều khi không để ý đến tình cảm của tuổi trẻ, lắm lúc phải gánh chịu hậu quả không hay.

Mẫu chuyện sau năm 1975 dưới đây tại nước Mỹ là một thí dụ.

Một gia đình thuyền nhân tị nạn đến Mỹ, gồm có hai vợ chồng và hai con, con trai 20 và con gái 18 tuổi. Cô gái rất duyên dáng, đã học xong Trung Học Đệ Nhứt Cấp của Việt Nam Cộng Hòa. Cha mẹ cưng con ra mặt, nhất là cô gái, vì ngoài vẻ đẹp tự nhiên, tánh tình cô cũng thùy mị, dễ thương.

Theo lẽ đến tuổi đó, cô có thể lấy bằng lái xe tại xứ Mỹ, nhưng người cha sợ con không rành đường đi nước bước, mỗi lần cô muốn đi đâu, có cha đưa đi. Có mấy bạn trai cùng học lớp Anh Văn ESL (English as a second language) sẵn lòng đưa đón cô, nhưng ông cha không chịu, ông muốn tự ông đưa đón con cho "chắc ăn", ông không muốn "giao trứng cho ác", sợ rắc rối về sau.

Ý là ông muốn cho con ông làm quen với người học cao, chớ mấy "cậu tị nạn" này, chưa ai có "nghề ngỗng" gì cả. Nghĩ ông cẩn thận như vậy cũng là điều tốt. Trong lớp ESL của cô, có nhiều người sắc tộc khác nhau, nào là Cuba, Đức, Ru Ma Ni, Pháp, Ý... , ông lo sợ cô có chồng ngoại quốc, ông nhất định người rể của ông phải là người Việt Nam, và có địa vị.

Thường lớp học là vào chiều tối, từ bảy giờ đến chín giờ đêm. Ông đưa con đến trường và về nhà, sau đó, trở lại gần chín giờ rước con. Bãi đậu xe Đại Học USF (University of South Florida) rộng lớn mênh mông, vì vậy kiếm chỗ đậu xe gần lớp học rất khó. Và sinh viên các môn vô ra nườm nượp, ông chịu khó ngồi trên xe, mắt hướng về cửa ra của cô con gái.

Chuyện học ra sớm, ra trễ là việc bình thường, có lúc ông đợi trễ đến mười, mười lăm phút.

- Bữa nay, con ra hơi trễ, vì làm bài không kịp! - cô con gái cứng nói với ông già.

Theo đà đó, lần nào ông già cũng ngồi đợi "hụt hơi", có lúc buồn quá, ông lấy cái nhíp từ trong túi ra nhổ râu cảm cho qua thời giờ.

Càng ngày cô con gái càng ra lớp trễ hơn, ông già ngồi đợi cảm thấy quá sốt ruột.

- Ba à!- cô gái nói với cha- Thầy giáo nói con có căn bản tiếng Anh, thầy sẽ hướng dẫn con thi Tú Tài rồi vô Đại Học...

Ông cha nghe nói mừng cho tương lai của con, và suốt lục cá nguyệt vừa qua, ông vẫn đưa đón con đều đều, và bao giờ cô con gái cũng ra trễ.

Có nhiều khi bà vợ cắn nhằn ông:

- Con nó lớn rồi, có bạn bè chịu chở con đi học chung, tại sao ông không chịu, để lo đưa đón đêm hôm hoài vậy?

- Có cực gì đâu - ông trả lời - bà để cho nó tự do chơi với bạn bè, không được, lại còn có tụi Mỹ, tụi ngoại quốc học chung, tôi phải canh chừng con mới được...

Rồi xem như chưa hết câu chuyện, ông nói tiếp:

- Tôi kỵ nhứt là nó có chồng ngoại quốc, thành ra phải ráng canh chừng nó!

Ông cha đâu có ngờ... trong khi ông ngăn chặn các nẻo đường không cho cô con gái giao du với bất cứ cậu nào, từ tị nạn Việt Nam đến sinh viên ngoại quốc cùng lớp, nhưng ông không sao bít hết lối, ông đâu biết rằng ông còn để một kẽ hở, và kẽ hở đó là dành cho ông thầy người Mỹ dạy Anh văn của con ông chui vào, mặc dầu thầy giáo hơn cô những mười hai tuổi!

Kết quả: sau đó, cô con gái nghỉ học để làm lễ cưới "bất đắc dĩ" với thầy dạy mình, không có người cha tham dự.

Lửa gần rơm

Trở lại việc dạy học của Trung Úy Tấn. Anh được giới thiệu với Mỹ, một cô gái đẹp thuộc hàng "chim sa cá lặn" tại tỉnh Cần Thơ. Người trong Nam thường nói, có hai nơi con gái đẹp nhất trong Nam, một là gái Sa Đéc, hai là gái Cần Thơ. Tuy nhiên, từ lúc đầu, Tấn không để ý lắm đến vẻ đẹp mỹ miều của Mỹ.

Tấn nói với cô học trò:

- Ngày mai bắt đầu, cháu đem bài vở của cháu ra cho chú coi, để chú biết trình độ cháu học tới đâu, cháu cần cho chú biết môn nào cháu còn yếu kém.

Tỉnh Cần Thơ thường được xem là Tây Đô của miền Nam. Tuy là một thành phố lớn, nhưng so với Sài Gòn vào thời đó, Cần Thơ vẫn bị xem như "nhà quê". Vì tâm lý chung, người dân Cần Thơ xem mình thua kém "dân Sài Gòn".

Mỹ quanh năm suốt tháng ở nhà, lo đi học, ít chung đụng với bên ngoài. Bạn bè thường tới nhà chơi là bạn gái cùng học chung trường, hoặc có thể là bà con từ miệt vườn hay trong quê đến thăm ông bà kỹ sư trong ngày lễ giỗ gia đình, có thể nói cô ít có dịp tiếp xúc với người lạ, lại thêm nề nếp đạo đức trong gia đình, sự giao thiệp cũng rất hạn chế.

Nay, bỗng nhiên có người khách lạ, như thổi vào một luồng gió mới.

Mấy ngày qua, sau khi Mỹ học buổi đầu với Trung Úy Tấn, cô thấy hăng hái hơn trong việc học hành. Nhìn qua bóng dáng của thầy, không hiểu sao cô thấy kính nể thầy mình một cách khác thường: dáng dóc thầy ốm, hơi cao, da sạm nắng... , nói năng mực thước...

Riêng phần Tấn, anh vẫn giữ tư cách đứng đắn, làm đúng phận sự một nhà mô phạm. Sau các buổi đến dạy học, Tấn rất cảm động vì nhận thấy gia đình ông bà kỹ sư đối đãi rất lịch sự đối với mình: mọi người nhìn anh với nụ cười khả ái. Có khi ông kỹ sư về sớm, ông ra ngồi nói chuyện, hỏi han anh về công việc làm ăn và gia đình.

Thỉnh thoảng, có bà nội Mỹ ra ngoài ngồi trên bộ ván gỗ, bà vừa ngoáy trầu vừa nhìn ra, đôi khi mỉm cười vì thấy cô cháu nội mình chịu khó nghe lời giảng dạy. Có lúc thầy giảng bài bằng tiếng Pháp, bà không hiểu nhưng tỏ ra thích thú nghe cháu mình chăm chú đến bài học.

Một ngày nọ, anh cho Mỹ biết:

- Tuần sau, chú vắng mặt trong một tuần vì bận đi công tác. Mỹ ở nhà, xem lại bài vở!

Mỹ nhìn thầy, tỏ ra lo lắng:

- Mà chú đi đâu?

- Nếu xong công tác, - Tấn trả lời - chú về sớm, nhưng không biết được.

Ý thầy không muốn Mỹ phải bận tâm, mặc dầu thầy biết lần hành quân này lớn hơn mấy lần trước. Thầy vui vẻ hẹn sau một tuần trở lại.

Từng đợt xe nhà binh chạy ngang qua thành phố. Lúc trước, bao lần xe quân đội chạy ngoài đường, Mỹ không để ý, nhưng từ khi quen với "chàng chiến sĩ", cô thấy con tim mình không dừng dưng như trước. Cô nhớ đến hình bóng một chàng trai hiên ngang, vì trong vài câu chuyện đi hành quân của Tấn, cô thấy anh xem thường nguy hiểm, xem cái chết "nhẹ tựa lông hồng", Mỹ cảm thấy mến phục hơn.

Một tuần lễ trôi qua, bóng dáng chinh nhân không thấy trở về theo như thầy cho cô biết. Cả nhà Mỹ cũng lo lắng cho thầy, không biết điều gì xảy ra. Ngày đó, đi học về, cô ghé vào Tiểu Khu hỏi thăm tin tức thầy, được biết là thầy chưa xong công tác.

Hai ba ngày sau, thầy trở về, thầy cũng nóng lòng gặp lại gia đình cô học trò, lật đặt lái xe Jeep đến thăm trong bộ quân phục tác chiến. Cả nhà mừng rỡ, riêng Mỹ, lòng thêm thổn thức: tối hôm đó, cô không ngủ được, nhớ người chiến sĩ và trông đợi đến ngày sau có lớp học với thầy. Cô tỏ ra nồng nhiệt hơn trước trong việc học hành và thầy cũng thấy con tim mình rung động trước sắc đẹp của Mỹ.

Đối với thầy sau đó, hai mắt bồ câu của Mỹ xem tròn và đen láy hơn trước, lông mi dài nhấp nháy khi nghe thầy giảng càng thu hút hơn, má núm đồng tiền làm cho thầy ngẩn ngơ hơn, nhứt là lời nói dịu dàng của nàng.

Tình trong như đã...

Bốn, năm tháng trôi qua kể từ khi Mỹ bắt đầu học thêm với thầy giáo...

Trong khi thầy trò tiếp xúc với nhau mỗi tuần hai lần, mỗi lần hai tiếng đồng hồ, mối tình manh nha bắt đầu chớm nở, nhưng chỉ bằng ánh mắt trêu mếu, sau đó, lời nói bắt đầu dịu dàng hơn, đôi khi như to nhỏ tâm tình. Lần lần, trong giờ dạy học, cử chỉ có chiều thân mật hơn. Có thể hiểu theo như câu thơ của Nguyễn Du:

"Tình trong như đã, mặt ngoài còn e".

Một đêm nọ, sau buổi cơm chiều, Mỹ lên nhà trên học bài, bà nội mở đầu câu chuyện với hai vợ chồng ông kỹ sư:

- Tụi bây coi lợi coi, tao thấy không được rồi đó...

Rồi bà liếc quanh quần xem Mỹ có mặt hay không, bà nói nhỏ tiếng lại:

- Lúc rày, tao thấy sao hai đứa nó cứ nhỏ to với nhau thường hơn là học, tụi bây phải coi chừng đó nha!

Ông kỹ sư giựt mình, lặng thinh, bà vợ nói vào:

- Má nói con mới nhớ, là lúc sau này, con thấy cũng hơi lạ, con Mỹ bắt đầu sửa soạn hơn trước, còn ngồi đâu thì nó ngó mong ra đường...

Bà chưa dứt câu, bỏ sang đề tài khác, ngó qua ông kỹ sư:

- Ông thiệt là kỳ, tôi không hiểu, ai mà như ông vậy... , tự nhiên, người ta ở đâu, ông mời về dạy học cho con... , thiệt khổ tâm hết sức!

Tối hôm đó, ông kỹ sư nằm thở ra nhiều hơn ngủ, ông lăn qua trở lại nhiều lần, ông không ngờ bức tường lễ giáo trong gia đình không thể là tấm chắn ngăn lửa tình yêu tuổi trẻ bốc cháy. Nhớ lại cảnh của ông, "cha mẹ đặt đâu con ngồi đó", ông đâu có nghĩ rằng con mình dám ra ngoài phạm vi lễ giáo gia đình, vì ông rất nghiêm. Đến gần sáng, ông khê kêu bà vợ:

- Bà à! Mình phải tính chứ không để như vậy được!

Bà vợ chập chờn trong cơn ngủ, hỏi lại ông.

- Chuyện gì chứ?

- Thì còn chuyện gì nữa - ông trả lời - không lẽ nói chuyện trâu ruộng lúa?
Bà tính sao về việc con Mỹ với ông thầy của nó?

Bà cố ý bình vực cho con gái:

- Thì để thùng thỉnh coi lại coi!

Hai ông bà tiếng qua tiếng lại một hồi lâu, bà thở ra, ông bỏ ra phòng khách, đi lên đi xuống. Suy nghĩ giây lâu, ông trở vào phòng, nói với bà vợ:

- Chuyện này, mình còn bán tín bán nghi, hay là bà lựa lời hỏi lại con coi có đúng là nó có tình ý gì với thầy giáo của nó hay không?

Nước Mắt

Mỹ vừa dẫn xe đạp vào nhà:

- Thừa má, con đi học mới về!

Sau khi Mỹ thay quần áo xong, bà mẹ vô đề:

- Mỹ, ngồi xuống đây, má hỏi con việc này!

Tuân theo lời mẹ, Mỹ lật đặt ngồi xuống ghế, ngó về phía mẹ.

- Mỹ!- bà mẹ mở lời - con biết là ba má có mình con là gái, ba má thương con, lo cho con lắm, lo cho tương lai của con, năm nay con 17 tuổi rồi, ba má muốn cho con học một nghề, sau này con lo cho con, cho gia đình con, nhà mình là nhà danh giá, con có làm hay tính việc gì, con nên nghĩ tới ba má, đừng làm chuyện gì hổ danh gia đình mình, má muốn hỏi con việc này...

Bà chưa vội nói ra, nhìn con từ trên xuống dưới, chờ xem phản ứng của con, Mỹ bối rối, nhưng cố giữ bình tĩnh.

- Con có hứa hẹn gì với thầy giáo con không? - bà hỏi tiếp.

Mỹ cúi mặt xuống đất, lặng thinh. Bà mẹ chờ đợi câu trả lời, hồi lâu nóng ruột, bà hỏi tiếp:

- Nếu con có tình ý gì, con cho má biết để ba má lo liệu!

Mỹ vẫn làm thình. Không thể chờ, bà mẹ thúc hối:

- Con nói cho má biết để ba má tính cho con!

Không có tiếng trả lời, nhưng nước mắt Mỹ chảy dài từ hai khóe mắt. Bà kỹ sư vội ôm con vào lòng, Mỹ gục đầu trên vai bà, thổn thức khóc, bà không còn biết gì hơn là xoa lên mái tóc con, lấy khăn lau nước mắt con, mắt bà cũng đầm ướt, bà lắc đầu thở dài, nói một mình: "Thiệt là đất bằng sóng dậy mà!"

Bà buồn nhiều, đến trước bàn thờ Phật, đốt nhang, lâm râm khấn vái:

- Xin Phật Trời giúp cho con, cho gia đình con, hồi nào tới giờ, gia đình con ăn hiền ở lành, mà sao hôm nay gặp cảnh ngang trái này, xin Phật Trời phù hộ cho gia đình con!

Tối hôm đó, sau khi cơm nước xong, ông bà kỹ sư vào phòng sớm. Ông kỹ sư vô đề:

- Sao? Má nó có hỏi con Mỹ chưa?

Bà buồn rầu, làm thình; ông kỹ sư hỏi tiếp, bà trả lời yếu ớt:

- Có hỏi nó rồi, nó không trả lời gì hết, nó chỉ khóc sụt sùi, tôi thấy thương con quá, nó đâu có làm nên tội tình gì?

Im lặng hồi lâu, bà nói tiếp:

- Mà cũng tại ông hết, ép con học, nó học một mình chưa đủ sao, ông còn rước thầy về dạy nó, "lửa gần rơm", chớ con có đi tìm đâu mà trách móc nó?

Sau vài phút suy nghĩ, bà tiếp theo:

- Nói cho cùng, thằng đó cũng là dân có học, nó cũng hiền lành...

Ông kỹ sư nổi nóng lên:

- Bà nói sao? Bà lại theo phe nó hả?

- Không phải, ý tôi muốn nói là mình phải từ từ, mà nếu không được, nếu hai đứa nó thương nhau, thằng đó cũng không đến nỗi nào! Nó mới thương yêu nhau bằng tình cảm chớ có làm điều gì trái đạo đâu?

Ông kỹ sư càng bức dọc:

- Không được, không được, tôi với bà ở với nhau mấy mặt con rồi, mà bà cũng chưa biết tánh tôi? "Phi cao đẳng bất thành phu phụ", không có bằng cấp cao là không cưới con tôi được, bà biết nó là con út, tôi thương nó ra sao, tôi phải lo cho nó, con tôi phải lấy chồng có cấp bằng đảng hoàng, tôi không muốn nó có chồng nhà binh!

Suy nghĩ giây lâu, ông dịu tiếng nói xuống:

- Tôi cũng mến ông thầy, ông là người có học, nhưng chưa đủ cho gia đình mình...

Ông cau nét mặt, dần từng tiếng một:

- Được, để tôi tính... ngày mai, tôi sẽ lựa lời nói cho ông thầy nghĩ, không cho thầy lui tới nhà mình nữa, tôi cấm con Mỹ liên lạc với thầy nó, vậy là xong.

Là người hấp thụ nền đạo đức cổ xưa, ông kỹ sư nghĩ rằng khuôn vàng thước ngọc Nho Giáo vẫn còn áp dụng được, theo như hai câu:

"Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung,

Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu".

Theo đó, vua xử quan chết, quan không chết là không trung với vua, cha bắt con chết, con không tuân lời là bất hiếu với cha mẹ. Nhưng ông không đo lường được tình cảm của tuổi trẻ, cũng không để ý đến ngọn lửa yêu đương của lớp thế hệ sau này.

Vậy, khi ông nói "cấm con liên lạc với thầy", ông có dập tắt được "tiếng sét ái tình" hay không?

CHƯƠNG 4

Duyên Hay Nợ?

Dứt đường tơ...

Tối hôm nay, trời mưa rỉ rả không dứt hột. Tiếng ễnh ương quanh nhà kêu "quên quang, quên quang" nghe não nuột. Thỉnh thoảng Mỹ nghe tiếng xe chạy ngoài đường, nhiều xe lắm, Mỹ đoán biết là xe nhà binh đang chạy từng đoàn.

Từ hai tuần nay, nàng không gặp thầy mình, sau khi cha nàng cho ông nghỉ dạy. Tiếng xe nhà binh làm cho nàng xót xa quá, nàng thấy "ngổn ngang trăm mối bên lòng", rồi tự hỏi:

"Trên đoàn xe đó, có thầy của mình không? Tại sao mình gặp cảnh ngang trái này? Đối với thầy, mình chỉ có cảm tình thôi, sao mà vắng thầy, mình lại nhung nhớ? Tại sao ta để ý đến thầy? Thầy không đẹp trai, hơn mình đến tám tuổi, nhưng sao tư cách và dáng vóc của thầy có sức thu hút ta mãnh liệt; những câu chuyện hành quân gian khổ, lội nước tới ngực, ngủ bờ ngủ bụi, thầy kể lại với giọng trầm buồn và chơn thật, mình thích nghe và tưởng như chuyện thần thoại "Một Ngàn Lẻ Một Đêm", không ngờ mình phục thầy quá!"

Rồi cô nghĩ đến cha mình: "Một người cha lo lắng cho gia đình, lo cho con ăn học đến nơi đến chốn, mấy anh mình học cao, toàn là người khoa bảng, cha muốn mình theo con đường đó, mình sẽ đi, còn chuyện của lòng mình, cha có quá nghiêm khắc không?"

Nàng thao thức đến gần sáng, đến khi mệt quá ngủ lúc nào không hay.

Trong lúc đó, chàng chiến sĩ phiêu bạt nơi nào?

Đời sương gió

Tối nay, Đại Đội của Tấn đóng dọc theo Rạch Cùn, gần mép rừng chạy dài vô xóm trong xa.

Theo lệnh hành quân, Trung Úy Tấn phân chia nhiệm vụ:

- Anh em lo cơm nước sớm, rồi mình chia ra năm phục kích tại đây, nhắm về phía con rạch, hướng tụi nó thường đi tới. Như thường lệ, mình để hai trung đội phục kích, một trung đội trừ bị, nhớ đào hố cá nhân cẩn thận! Xem kỹ lệnh hành quân!

Đây là một cuộc hành quân quy mô ven Đồng Tháp Mười, gồm nhiều đơn vị phối hợp, có Không Quân yểm trợ và Pháo Binh Cái Vồn hỗ trợ hỏa lực.

Tiểu Khu Cần Thơ có nhiệm vụ trấn giữ khu đồng lác cạnh con rạch.

Bốn bề im lặng. Lâu lâu, có tiếng đẽ gậy đầu đố; trên cành cây, vài con chim lạc lỏng cựa mình nghe xào xạc. Sao trời thật sáng trong đêm tĩnh mịch. Thỉnh thoảng, có chiếc Morane (máy bay trinh sát, còn được gọi là "bà già"), bay lên với tiếng máy rè rè, thả hỏa châu soi sáng, ánh sáng bùng lên rồi lần lần rơi xuống để lại làn khói lửng lơ.

Trung Úy Tấn nhìn lên, bỗng nhớ đến mối tình mình như ánh hỏa châu, vụt cháy lên rồi tàn lụi.

Anh suy nghĩ: "Tình ta sớm nở tối tàn! Mấy tháng quen nhau, không ngờ tình yêu của mình đối với Mỹ quá sâu đậm, có thể là "tiếng sét ái tình".

Anh nhớ lại câu của nhà văn hào Pháp Alfred de Musset:

"Không nên đùa giỡn với ái tình" (On ne badine pas avec l'amour).

Anh không đùa giỡn, anh yêu chơn thật mặc dầu hoàn cảnh hai bên khác nhau. Cũng vì tình yêu dang dở này, anh buồn lắm, có hành quân nơi đâu, anh đều xung phong đi, đi cho quên nỗi sầu, nhưng mỗi lần đi, nỗi buồn không vơi, trái lại, anh càng nhớ thương hơn trước.

Anh liên tưởng đến bài thơ "Một Mùa Đông" của Lưu Trọng Lư:

Em là gái trong khung cửa,

Anh là mây bốn phương trời...

Rồi anh đọc lại từ đầu đến cuối, anh cảm thấy nhẹ nhàng hơn, vì tìm được người đồng cảnh với mình.

Ngày chia tay với Mỹ, anh không nói được một lời, sau khi ông kỹ sư cho anh biết "đừng đến nữa". Anh cảm ơn rồi lặng lẽ bước ra khỏi nhà.

Từ ngày lớn lên trong cuộc đời, anh chưa bao giờ dấn dút một ai, anh cũng không đi tìm ai, vì anh nghĩ đến thân phận mình, gia đình mình và đời người chiến binh với cuộc sống đổi dời, chưa phải lúc nghĩ đến yêu thương ai. Sống độc thân còn lo chưa trọn, nói chi yêu đương cho "rắc rối" cuộc đời? Và anh tự hỏi "sao con Tào rắc rối làm chi" đưa anh đến gặp nàng, một cô gái dịu dàng "trong khung cửa"?

Nhớ lại, mấy lần về thăm mẹ, mẹ anh có nhắc anh về việc cưới vợ:

- Con có gặp ai, chọn người làm bạn, nhớ gia đình mình là đạo dòng, con cưới đứa nào, phải lựa người cùng đạo. Luôn luôn mỗi tối, bận việc gì, con cũng phải nhớ đọc kinh Kính Mừng, kinh Lạy Cha rồi mới ngủ.

Trớ trêu thay! Gia đình Mỹ lại là đạo Phật, cả nhà ăn chay hai lần trong tháng, rằm và mừng một. Lễ lớn nào của chùa, luôn luôn có mặt bà nội, bà kỹ sư và có Mỹ tháp tùng. Ông kỹ sư tuy không đi chùa, nhưng là một người rất mẫu mực, lo lắng cho gia đình.

Đang suy nghĩ vấn vợ, lúc đó đã khuya, thành linh, hàng trình sát báo cáo có vài bóng đen xuất hiện, đơn vị được đặt trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Lại có tiếng máy bay "bà già" bay lên thả hỏa châu... Bóng đen từ từ rút lui.

Thế là qua một đêm yên lành.

Đường tơ chưa dứt...

Tại Trường Trung Học Phan Thanh Giản, trước khi vào lớp học, Hà, bạn Mỹ, nói nhỏ vào tai Mỹ:

- Hôm qua, Hà vô thăm cậu mình trong bệnh viện, Hà gặp thầy Tấn của Mỹ trong đó!

Mỹ hoảng hốt:

- Thiệt vậy sao, Hà đi hỏi nào, thầy mình có sao không, có nói chuyện gì với Hà không?

Hà kể lại cho Mỹ:

- Sau khi Hà thăm cậu mình rồi, cậu mình cũng nhẹ thôi, mình đi ra, Hà thấy ai giống thầy Tấn của Mỹ cũng nằm trên giường bệnh, Hà giật mình. Thầy ngó theo Hà, có lẽ nhớ mấy lần Hà đến chơi nhà Mỹ, Hà ngờ ngợ, quay trở lại hỏi: "Xin lỗi chú, chú phải là thầy dạy Mỹ không?" Chú giật mình, ngồi dậy, ngó Hà, chú trả lời "Phải", rồi không hiểu sao, chú nằm xuống, úp mặt xuống gối. Hà hỏi tiếp về thương tích của chú, chú làm thinh không trả lời, trong lúc đó, má Hà thúc hối về, Hà không hỏi gì hơn nữa.

Sau khi nghe bạn kể câu chuyện, Mỹ bối rối, nàng mong cho tới giờ tan học, về nhà cho mẹ biết.

Biết việc không may xảy đến cho thầy, bà kỹ sư lo lắng, vì biết tại đây thầy không có người thân thuộc.

Ông kỹ sư vừa về sau giờ tan sở. Nghe nói, ông cũng xốn xan trong lòng, ngồi yên lặng... , ông cũng là người có nhiều tình cảm, tuy luôn luôn nghiêm khắc trong lễ giáo. Ý ông muốn cho vợ mình và con đi thăm thầy mà không tiện nói rõ ra, vì chính ông đã cắt đứt đường giây liên lạc. Nhưng trong hoàn cảnh đáng thương của thầy giáo, ông nghĩ không lẽ gia đình ông biết mà làm ngo? Ông gọi ý:

- Má nó có tính đi thăm thầy giáo không?

Nghe câu nói của chồng, bà kỹ sư vội vã trả lời:

- Thì tôi đang bàn với con Mỹ đây!

Bà nội đang ngồi, cho ý kiến:

- Dầu gì đi nữa, nó cũng dễ thương, hiền lành, người ta đi đánh giấc chó có đi chơi đâu? Nhớ có đi thì đem theo đồ ăn cho thầy, sẵn sau nhà có mấy cây cam sành, bày ra bẻ vài trái cho thầy vắt nước uống cho khỏe!

Mỹ hớn hở trong lòng, nhưng không dám tỏ ra mặt. Trong khi bà mẹ cùng với Dì Tư lo bới cơm, lấy thịt ướp mặn, mấy trái chuối khô ép, nàng ra ngoài sân sau hái cam, hái mận bỏ vào rổ và đem rửa cẩn thận để chuẩn bị chuyển đi thăm.

Gặp lại

Xe lôi vừa đậu lại trước cửa nhà thương, Mỹ lật đặt bước xuống cùng mẹ, đi thẳng đến văn phòng. Nhân viên bệnh viện cho biết Trung Úy Tấn nằm trong dãy Ngoại Thương, Mỹ hơi vững lòng vì biết Khu Ngoại Thương chỉ dành cho thương tích bên ngoài mà thôi.

Trung Úy Tấn đang nằm, mặc đồng phục nhà thương màu trắng, chân băng từ đầu gối xuống đến bàn chân, trong khi cô y tá chăm lo bệnh nhân các giường gần đó. Bà kỹ sư cùng với Mỹ đi tới, Mỹ nói với mẹ:

- Kìa má! Giường số 32 của Thầy đằng kia kìa!

Giây phút hồi hộp cho Mỹ! Bỗng nhiên, nàng khựng lại, chờ cho mẹ đi tới và để mẹ đi trước.

Đang nằm, Trung Úy Tấn giựt mình ngồi dậy:

- Thưa bác! Thưa bác đi đâu đây?

- Bác nghe cháu bị thương, bác với con Mỹ vô thăm cháu đây!

Mỹ sững sờ nhìn thầy, nàng đứng yên lặng ở góc giường phía chân thầy, không nói một lời.

Bà kỹ sư hỏi dồn dập:

- Mà cháu nằm đây bao lâu rồi, bệnh tình ra sao, tại sao bị vậy cháu, mà có ai thăm nuôi cháu không?

Bằng giọng buồn buồn, Trung Úy Tấn kể lại sự việc. Anh cho biết bị mìn nổ khi đi hành quân trở về, anh cùng vài đồng đội bị thương nhưng không nặng lắm. Phần anh, chân bị mảnh mìn, máu chảy nhiều, bác sĩ cho biết gân, xương không bị thiệt hại, chỉ bị thương nơi bắp thịt... Anh nằm tại đây đã hơn một tuần và bác sĩ sẽ cho về đơn vị trong vài ngày sắp tới. Lời anh:

- Thưa bác, gia đình cháu không biết, cháu cũng không muốn cho má cháu hay, sợ bà lo, hơn nữa, thương tích của cháu cũng không đến nỗi nào, nay mai, cháu cũng sẽ làm việc trở lại như trước, không sao! Sau khi ra nhà thương, cháu sẽ xin phép vài ngày về Bến Tre thăm má cháu cũng không muộn.

Trong khi bà kỹ sư và Mỹ lấy từ trong giỏ thức ăn và trái cây, Trung Úy Tấn nhìn Mỹ:

- Mỹ mạnh giỏi, lúc rày học ra sao?

Rồi anh ghen ngào không nói nữa.

Mỹ ngó xuống đất, lại hai dòng nước mắt tuôn rơi.

Thử thách

Từ khi gặp lại nhau tại bệnh viện, chàng và nàng càng thêm quyến luyến. Lửa yêu đương được dịp bùng cháy trở lại, mặc bức tường lễ giáo.

Thỉnh thoảng sau các cuộc hành quân về, Tấn đến trước cửa trường đón Mỹ, hai người đi bộ một khúc đường, tỏ tình thương nỗi nhớ.

Mỹ trấn an Tấn, nói cha nàng không phải là người cay nghiệt, hoặc đòi hỏi "môn đăng hộ đối", cha nàng chỉ theo truyền thống gia đình là muốn người chồng của nàng có bằng đại học cho xứng với anh em trong nhà. Mỹ cũng nói nhiều câu ngây thơ làm Tấn đôi lúc phải buồn cười:

- Anh à! Em không có thương anh, mà sao mỗi lần vắng anh là em cảm thấy nhớ nhiều lắm, vậy là gì hở anh?

Tấn cười cười:

- Vậy là tình yêu đó em!

- Thiệt vậy sao? Không phải đâu!

Có lẽ khi nghe mấy câu này, chàng trai hiên ngang phải cảm động lắm!

Sau ba điều bốn chuyện không đâu đâu, Mỹ lên xe đạp về nhà, chàng đứng nhìn theo, cho đến khi chiếc nón lá che mái tóc thề của nàng khuất sau hàng cây sua dừa.

Một ngày khác, chàng trao cho Mỹ một bức thơ, Mỹ vội đạp xe nhanh về nhà, lật đật xé phong thơ.

Ngày 6 tháng 10 năm 1954

Mỹ, lẽ sống của đời anh,

Em có biết chẳng từ ngày xa em, anh càng nhớ thương em nhiều hơn trước. Anh muốn quên, quên em, quên hình dáng cùng lời nói dịu dàng của ai đó. Anh đã cố tìm quên lãng bằng cách tình nguyện đi vào lửa đạn, may chẳng tiếng pháo nổ đạn bay có giúp cho anh tỉnh lại để quên em. Anh không hiểu tại sao tạo hóa trớ trêu, cho anh gặp em làm chi cho lòng anh đau khổ!

Anh biết có nhiều ngăn cách giữa chúng ta, anh biết lắm, nhưng anh vẫn yêu em. Yêu nhau là phải tiến tới hôn nhân, chúng ta mới chia xẻ với nhau cả cuộc đời, yêu nhau mà lén lút, thấy nhau mà giả làm lơ, thì còn gì là tình yêu nữa? Lỗi không phải của em, anh hiểu tình em đối với anh, nhưng làm sao anh đáp ứng lại ý muốn của ba em là phải có bằng đại học?

Chúng ta yêu nhau trong mùa binh lửa; nhờ có binh lửa, anh mới gặp em, tình yêu chúng ta nở mầm trong khói lửa, ta phải chấp nhận.

Nếu không may, đôi ta không thành duyên nợ, anh vẫn yêu em suốt đời,

Anh yêu mến của em,

Tấn

Hai tháng sau.

Một ngày nọ, sau khi đi làm về, ông kỹ sư kêu bà vợ vào phòng:

- Tôi nghe người ta nói con Mỹ thường đi với thầy của nó sau giờ tan học, tôi không thể chịu đựng lời dèm pha của thiên hạ, bà phải tính sao cho dứt khoát, kéo dài dai như vậy hoài, gia đình mình mang tai tiếng lắm!

Bà kỹ sư cũng biết, nhưng vì thương con gái, bà hiểu tình yêu của con đối với ông thầy, bà bỏ qua, nhưng lần này, ông kỹ sư nhắc đến, bà nói lên cảm nghĩ của bà:

- Việc này khó lắm ông à, để lần lần giải quyết, ông làm mạnh quá, có thể con mình nó quên sanh đó!

Nghe đến chữ "quyên sanh", ông kỹ sư hơi giựt mình, ông lặng thinh, suy nghĩ...

Không để ông trả lời, bà tiếp tục:

- Ông đâu có hiểu con gái ông bằng tôi, là mẹ, tôi gần gũi với con, tôi hiểu nó hơn ông. Hôm bữa tôi với nó vô nhà thương thăm thầy nó, nó không nói một lời, nó nhìn thầy nó mà nước mắt nó chảy ròng ròng, còn thằng kia cũng vậy, chỉ biết hỏi nó mạnh giỏi rồi ghen lời, thấy vậy, tôi buồn hết sức!

Bà chưa chịu ngưng:

- Con mình nó thương người ta một cách trầm lặng, thương bằng nước mắt, mỗi lần nhắc đến chuyện đó, nó chỉ làm thinh mà khóc. Có lúc, nó nói với tôi nó muốn đi tu!

Nghe đến chữ "đi tu", ông kỹ sư hết hồn; vì tình thương đối với cô con gái như biển rộng, ông không muốn con ông "gởi thân nơi Cửa Phật". Mặc dầu người ta thường nói "Tu là cội phúc, tình là dây oan", nhưng ông nghĩ đó là câu nói của những kẻ chán đời, người bị thất bại trên tình trường. Theo ông, đã là con người, phải sanh con đẻ cháu để nối dõi tông đường. Ông ngồi suy nghĩ, tìm cách nào đối phó bằng cách êm dịu hơn.

Bà kỹ sư nhìn ra phía ngoài, thấy bóng dáng bà nội đi ngang:

- Bây giờ, ông ở đây, để tôi ra mời bà nội, xin Nội cho ý kiến.

Bà nội thông thả bước vào. Sau khi nghe bà kỹ sư trình bày đầu đuôi câu chuyện, bà thở ra, rồi lên tiếng:

- Tao thấy mình nên giải quyết sớm thì tốt hơn, thằng đó tuy nó không có cấp bằng cao, mà tao thấy nó được lắm, nó có hiểu với má nó, còn tánh tình của nó, tao coi cũng được, nó không hút thuốc, không uống rượu, nói chuyện đàng hoàng, không nói lời thô lỗ, có thằng rể như vậy cũng khó kiếm đó.

Thừa cơ hội thắng thế, bà kỹ sư nói thêm:

- Ông thấy hôn, chính ông đi lựa thằng rể cho ông chớ có ai đâu? Có lẽ đó là duyên số của con Mỹ mà...

Bà chưa dứt câu, ông chồng quay về phía vợ, nói với vẻ cau có:

- Tôi kiếm là kiếm thầy dạy cho nó học, chứ có tìm chồng cho nó đâu? Tôi không muốn con tôi lấy chồng nhà binh, tôi không muốn nó góa chồng sớm, tôi không muốn cháu ngoại tôi mồ côi cha... Đời nhà binh mà, sống nay, chết mai, có gì chắc chắn đâu? Tôi lo cho con là lo chỗ đó, bà không thấy xa hơn tôi đâu! Một điều bà phải nhớ, phải giữ nề nếp gia đình nhà mình như từ trước tới nay!

Nhớ sực lại vấn đề tín ngưỡng, ông quay sang bà nội, giải thích thêm:

- Không biết má biết không, thầy giáo nó là đạo Thiên Chúa, còn mình là đạo Phật, con Mỹ vô đạo thì con từ nó luôn!

Thấy bầu không khí căng thẳng, bà kỹ sư dịu giọng:

- Vậy ông tính làm sao bây giờ, hai đứa nó đang thương nhau đó? Thí dụ bây giờ nó có bằng đại học, ông có gả con Mỹ cho nó không?

- Chưa đủ - ông đáp ngay.

Bà vợ và bà nội nóng lòng muốn biết tại sao chưa đủ, ngó chằm chằm về phía ông, ông nói tiếp:

- Chưa đủ đâu má! Nó phải bỏ bộ đồ nhà binh ra!

Bà nội lo lắng:

- Ơ ơ! Con nói nghe sao dễ quá, làm sao được bây giờ?

Tiếng than thở của bà vợ tiếp theo:

- Trời! Bộ ông tưởng dễ lắm sao, người ta đang động viên rần rần mà ông biểu nó xin giải ngũ? Ý tôi muốn nói là bây giờ, nói với nó đi học trở lại mặc dầu còn trong nhà binh, chừng nào nó đỗ đạt rồi, mình sẽ cho làm đám cưới!

Ông kỹ sư khẳng định với bà vợ:

- Không nói dài dòng, tôi đồng ý gả con với hai điều kiện: cho tôi coi, một là tờ giấy giải ngũ, hai là giấy máy bay đi Pháp, có hai giấy đó, là có thể làm đám cưới được. Phải có bằng đại học của Tây, bằng Việt Nam không được!

CHƯƠNG 5

Giây Phút Giã Từ

Phi cao đẳng

Như mấy lần trước, Tấn đứng nép vách trước cổng trường chờ Mỹ. Vừa thấy Tấn, Mỹ vội vã nói cho chàng biết là cha mẹ nàng đã biết hai người thường gặp nhau sau giờ tan trường:

- Anh đừng đến đón em nữa, ba má em biết chuyện mình rồi, chừng nào cần lắm, anh viết thư đưa cho Hà, bạn em đây. Hôm nay, em có thư này cho anh.

Tấn vội vàng chạy về phòng, nóng lòng đọc mấy hàng chữ.

Đọc xong, Tấn thần thờ để lá thư rơi nhẹ trên bàn, anh nhìn qua khung cửa sổ, lòng tê tái. Đọc lại kỹ hơn, anh không ngờ ông kỹ sư quá nghiêm khắc. Ngẫm nghĩ lại, anh thấy cha nàng cũng có lý của ông, và đứng vào địa vị ông, anh hiểu ông là người được đào tạo trong nề nếp khoa bảng, lấy học vấn làm đầu.

Anh đọc thư lần nữa:

Anh yêu mến,

Hôm nay, em có vài dòng viết cho anh rõ, không biết là tin buồn hay tin vui. Ba em cho biết là anh với em phải dứt khoát với nhau, không thể gặp gỡ ngoài đường ngoài sá hoài, tiếng thiên hạ đồn, ba má em khổ tâm lắm, riêng em cũng khổ, vì em không biết chuyện của mình sẽ tới đâu?

Mới đây, ba em đưa ra hai điều kiện: là anh phải bỏ cuộc đời nhà binh và phải đi Pháp học lấy bằng thì ông mới chịu tác thành cho hai chúng mình.

Em thấy hai việc đều khó, thôi thì nếu thật tình anh nghĩ đến tương lai chúng mình, anh suy nghĩ tìm cách nào để làm vừa lòng ba em.

Anh cho em biết sớm,

Em yêu dấu của anh,

Mỹ

Suy đi nghĩ lại, anh xét rằng đây là tin vui: vì ít nhứt, cha Mỹ cũng chấp nhận cho hai người được kết thành vợ chồng với điều kiện. So với lúc trước, ông nhứt định không cho hai người gần nhau. Đó là một bước tiến, cánh cửa hé mở, tuy rằng chưa có lối thoát cuối đoạn đường.

Hai điều kiện ông đưa ra, may chăng anh chỉ có thể thỏa mãn một phần, nhưng không phải trong hiện tại. Mặc dầu còn trong quân ngũ, anh sẽ cố bỏ thời giờ dồi mài kinh sử, học lại để lấy một cấp bằng đại học, tuy nhiên không phải một sớm một chiều. Đây chỉ là bằng Việt Nam, không thể làm khác hơn.

Còn việc bỏ bộ quân phục, hiện giờ anh đang trong ngạch trừ bị, có thể vài năm sau, anh sẽ tìm cách xin giải ngũ. Cả hai điều kiện, hiện giờ, anh không thể thỏa mãn được, chắc chắn cha Mỹ không bằng lòng.

Trong khi chờ đợi, nếu có người đến "hỏi" Mỹ thì sao? Toàn là những bài toán nhúc óc, không có đáp số.

Ủy lạo chiến sĩ

Sân vận động Cần Thơ được trang trí rực rỡ. Cờ tung bay theo gió từ bờ sông Cửu Long thổi tới, biểu ngữ nhún lên nhún xuống. Binh sĩ đứng sắp hàng thẳng lối, trang nghiêm. Ba hàng thiếu nữ đứng kế bên, mỗi cô đeo nơ xanh da trời trước ngực trên chiếc áo dài trắng. Trên khán đài, đông đủ quan khách văn võ, có tướng tá cao cấp từ Sài Gòn đến tham dự.

Hôm nay là ngày mừng chiến thắng cho cuộc hành quân táo thanh vừa qua trong đó có Tiểu Khu tham dự. Sau nghi lễ chào cờ, là lễ gắn huy chương cho quân nhân có công trận. Huy chương anh dũng bội tinh, chiến thương bội tinh lần lượt được gắn lên ngực cho quân nhân hữu công.

Trung Úy Tấn được gắn Chiến Thương Bội Tinh.

Sau đó, đến màn các cô thiếu nữ đến đeo vòng hoa cho chiến sĩ. Trong số thiếu nữ đó, có Mỹ. Cô hồi hộp và hãnh diện khi thấy người yêu mình đứng trong hàng người được gắn huy chương.

Tấn cũng hồi hộp không kém, anh thấy Mỹ hôm nay thật đẹp, dưới mắt anh, thật là sắc nước hương trời, đúng không hổ danh bạn bè thường đặt cho cô

là "Hoa Khôi Cần Thơ". Tuy không son phấn, nhưng vẻ đẹp hồn nhiên của cô nổi bật với lưng ong eo thắt, dáng dấp người cao ráo, lại thêm nụ cười duyên dáng với hai hàm răng trắng đều đặn và má núm đồng tiền.

Có người sẽ nghĩ Cao Xanh sao quá bất công, để có tiếng than phiền: "Em là con gái Trời bắt xấu"; trường hợp của Mỹ, người ta sẽ nói: "Em là con gái Trời cho đẹp".

Vì chỗ đó, anh chàng chiến sĩ si mê cô, càng si mê hơn vì tình yêu của anh được đền đáp. Mỹ yêu anh không vì anh đẹp, mà vì phục người chiến sĩ phong sương, dũng cảm, xem thường nguy hiểm, đức tính không phải ai cũng có.

Buổi lễ kết thúc sau khi binh sĩ diễn hành trước khán đài nhịp nhàng theo tiếng trống, tiếng kèn quân nhạc.

Hai ngày sau, Đại Úy Tiểu Khu Trưởng Cần Thơ mời Trung Úy Tấn lên văn phòng:

- Trung Úy Tấn! Anh đổi về đây hơn một năm nay, tôi rất mến anh, anh làm việc giỏi giẩn, anh là một sĩ quan can đảm, binh sĩ đều thương anh, nhưng tôi tiếc không giữ anh ở lại được để giúp Tiểu Khu.

Tấn ngồi lặng thinh, không hiểu lý do vì sao anh phải ra đi một cách đột ngột. Ông Đại Úy nói tiếp:

- Anh nhớ hôm rồi có Thiếu Tướng ở Sài Gòn xuống không?

Tấn hơi ngạc nhiên:

- Dạ có phải ông Tướng xuống dự lễ gắn huy chương đó không?

- Thì còn ai?

Đại Úy Tiểu Khu Trưởng cười, nói tiếp:

- Ông Tướng muốn tìm một Sĩ Quan Tùy Viên cho ông, ông căn dặn tìm một người đảng hoàng, có học lực, có kinh nghiệm chiến đấu ít nhất hai năm, tôi tìm mãi trong sổ sĩ quan tham mưu của Tiểu Khu mình, không có ai đủ điều kiện như anh. Tôi tính đề nghị anh lên ông Thiếu Tướng, ý anh thế nào?

Tấn bối rối vì câu hỏi bất thành linh của Đại Úy Tiểu Khu Trưởng:

- Thừa Đại Úy... Đại Úy - anh nói cà lăm vì việc quá bất chợt - Đại Úy cho tôi suy nghĩ lại ngày mai tôi trả lời!

Anh nói câu trên, vì anh nghĩ ngay đến Mỹ: anh không muốn xa nàng.

- Anh Tấn à! - ông Đại Úy nói tiếp - tôi hỏi ý anh, chứ sự thật là tôi đã điện thoại cho Thiếu Tướng rồi, tôi còn nói thêm là anh vừa được Chiến Thương Bội Tinh, ông mừng được có một sĩ quan có thành tích như anh... , anh không cần suy nghĩ, tôi cho anh nghỉ phép hai tuần để chuẩn bị về thăm nhà, sau đó lên Sài Gòn trình diện.

- Nhưng, nhưng, thưa Đại Úy... tôi... tôi...

Ông Đại Úy không để cho Tấn dứt câu:

- Bao nhiêu người muốn được đổi về Sài Gòn mà không được, anh còn "nhưng, nhưng" gì? Về đó, anh khỏi phải đi đánh giặc, khỏi lội sinh lội ruộng, không bị đạn, bom, mìn bẫy, lại được gần Mặt Trời, anh sẽ được mau thăng quan tiến chức, anh còn ngần ngại gì nữa? Anh về lo sửa soạn đi!

Anh đứng dậy, nghiêm chào, lặng lẽ bước ra, uể ải đi từng bước một, vừa suy nghĩ: "Mỹ, anh không muốn xa em, em là lẽ sống của đời anh, anh sẽ yêu em mãi mãi". Ý nghĩ đó cứ vẩn vơ trong trí anh, anh buồn quá, không lẽ đem chuyện lòng mình phô bày cùng ông Tiểu Khu Trưởng?

Đêm hôm đó, anh trần trọc suốt đêm. Hình ảnh Mỹ chiếm tất cả tâm hồn anh, anh không nghĩ gì khác hơn là cố nắm níu ở lại gần Mỹ càng lâu càng tốt. Tình yêu đã làm mờ mọi ý nghĩ khác.

Qua ngày hôm sau, anh lên gặp Đại Úy Tiểu Khu Trưởng.

- Mời anh ngồi! - ông Tiểu Khu Trưởng vừa nói vừa cười cười - lại có chuyện gì đây?

- Thừa Đại Úy! Đại Úy có thể hoãn lại ít lâu... , tôi chưa sẵn sàng lắm...

Ông Tiểu Khu Trưởng cười, hôm nay ông rất vui tánh:

- Anh Tấn à! Giữa nam nhi mình với nhau, tôi hiểu anh lắm, anh có mê cô nào đó phải không?

Tấn giựt mình, tỏ ra lúng túng, tự hỏi sao ông biết chuyện của mình, chưa khai mà ông đã biết. Sự thật, ông không biết về tình cảm riêng tư của anh, ông chỉ "đoán mò" cho vui câu chuyện.

- Anh Tấn à! Tôi chỉ lớn hơn anh vài tuổi, tôi coi anh như người em của tôi, tôi hiểu tuổi trẻ chúng mình lắm... , đời nhà binh mà anh, anh đi đâu, anh còn nhiều dịp gặp gỡ, không cô này, còn cô khác, mà đâu anh có yêu cô nào ở đây đi nữa, anh vẫn còn có dịp gặp lại, đường đời còn dài, anh sao lo xa quá! Không lẽ cả đời nhà binh của anh, anh chỉ ở Cần Thơ này hay sao? Và nếu cấp trên đổi anh đi tác chiến ở vùng Cao Nguyên, Pleiku - Kontum hay vùng khỉ ho cò gáy nào thì sao?

Tấn lặng thinh, sau đó, ông kể sơ qua về binh nghiệp của ông:

- Tôi học Khóa Đà Lạt đầu tiên, ra đơn vị đóng ở Hoàng Triều Cương Thổ, nghe nói mừng lắm, xứ vua mà, Hoàng Triều, nghe nói vua Bảo Đại đi săn bắn hoai trên đó... , mình tính lên đó đi săn bắn chơi, đâu dè đổi ra Tiểu Đoàn Người Thượng, Bataillon Montagnard, ở Cheo Reo, vùng đèo heo hút gió phía bắc Ban Mê Thuột, suốt ngày lội núi băng rừng, toàn là đồi núi, buồn lắm anh ơi! Đúng là "Hoàng Triều Đau Khổ" theo như một số bạn bè chế diễu! Có lần đi hành quân, tôi bị bắn sể, may là viên đạn chỉ lướt qua cánh tay, máu chảy có giọt, chỉ băng lại thôi. Sau đó vài tháng, tôi bị phục kích gần đèo M' Drak, bị thương nơi ngực tưởng chết, phải chở về nằm bệnh viện Nha Trang điều trị hơn cả tháng, đây anh coi ngực của tôi nè...

Nói xong, ông cởi áo cho anh xem vết sẹo dài gần một tấc trên ngực.

- Anh không nên bỏ lỡ cơ hội - ông nói tiếp - anh về Sài Gòn, bao nhiêu con gái đẹp, tha hồ lựa chọn, anh mê cho coi, anh lại có dịp đi ngoại quốc với ông tướng, còn gì hơn?

Nói xong, ông cho anh hay là sẽ có công điện từ Sài Gòn gửi xuống nay mai, ông sẽ cấp giấy phép cho anh nghỉ hai tuần, cùng lúc làm Sự Vụ Lệnh cho anh đi trình diện.

Ông bắt tay Trung Úy Tấn:

- Chúc anh may mắn! Mà nhớ, trước ngày đi, anh em Tiểu Khu mình sẽ làm một tiệc trà tiễn anh đó!

Hai ngày sau, anh báo cho Mỹ biết tin buồn...

- Anh sẽ phải xa em!

Anh kể lại cho Mỹ nghe câu chuyện trên, hai người thần thờ...

Ngăn Cách

Gió từ dòng sông bến Ninh Kiều thổi nhẹ nhẹ, tiếng cười giòn vang ra từ mấy quán ăn dọc bờ sông chật khách, vì nơi đây có bán đủ món ăn lạ: ngoài cá, tôm, cua là bình thường, còn có rắn, rùa, sò, ốc... những sản phẩm của vùng Hậu Giang.

Trên sông, cảnh tấp nập không kém, ghe xuồng bán dạo thấp đèn dầu qua lại. Trên bờ, người bán dạo rao in ỏi:

- Khoai lang nấu!

- Chuối nướng! Chuối nướng!

- Mía ghim! Ai mua mía ghim?

Mặc cảnh nhộn nhịp, trong bóng tối xa xa, kế bên gốc cây dừa, Trung Úy Tấn ngồi một mình, trên bàn có chai rượu bia. Mặc dầu không uống rượu, nhưng tối hôm nay, anh quyết uống cho say, vì ngày mai, anh sẽ rời bỏ nơi này, một nơi rất dễ thương, nơi đó anh để lại một mối tình không lối thoát.

Nhìn vào bóng tối âm u, anh nhớ khi xưa có nghe ca sĩ nổi tiếng Toni Rossi hát:

"Adieu Hawaii... , où je laisse... mon coeur!"

Đêm nay, anh thấy câu hát trên hợp với hoàn cảnh anh, anh đổi lại:

"Giã từ Cần Thơ... , nơi đó tôi để lại... trái tim tôi"

Anh hồi tưởng lại buổi chia tay người yêu ngày hôm qua.

Hôm qua gặp Mỹ, anh cho biết tin anh phải rời khỏi xứ Cần Thơ này, nàng lặng lẽ đưa tay áo lên chùi nước mắt, dường như nàng linh cảm từ lâu hai người phải xa nhau, rồi nàng quá cảm động, gục đầu vào vai anh, khóc sục sùi.

Có lẽ, nàng tự nghĩ: "Ôi bức tường nho phong lễ giáo!"

Anh thành linh xúc động quá, cúi đầu hôn lên trán nàng. Chàng, nàng ôm nhau hồi lâu, rồi cũng phải chia tay.

- Anh sẽ viết thư thăm em... , anh sẽ tìm mọi cách để được gần em!

Nàng gật đầu im lặng, rồi từng tiếng nho nhỏ:

- Ráng đi nghe anh, làm sao cho ba em vui lòng!

Giờ này, ngồi đây một mình, anh lập lại trong trí nhớ tối hậu thư của ông già: "Phải có giấy giải ngũ và giấy máy bay đi Pháp".

Làm sao bây giờ? Anh không tìm ra lối thoát, tự nhủ lòng đành nhắm mắt để cho số mạng đẩy đưa, cũng như cuộc đời nhà binh của anh, anh không thể làm chủ nó. Trên bờ tuyệt vọng, anh tìm câu an ủi: "Tình yêu của ta với nàng không thể dừng bước nơi đây, tình yêu sẽ là động cơ có sức mạnh vô song để giúp ta tiến tới".

Trong lúc tâm tư rối như tơ vò, anh nhìn ra, thấy từ đằng xa một người chống nạng lang thang đi hóng mát. Người đó đi về phía sau lưng anh, miệng hút gió. Anh lấy làm lạ, càng chú ý hơn, tự nói: "Tay này tàn tật mà có vẻ yêu đời quá?" Khách lạ đi lần lần tới; anh nhìn kỹ, qua ánh đèn đường mờ mờ, thấy quen quen, anh đứng dậy, kêu lên:

- Trung Sĩ Bằng, phải Bằng không?

Trong tranh sáng tranh tối, hai người nhận ra nhau: đúng người chống nạng là Trung Sĩ Bằng lúc trước làm việc với anh ở Cái Vồn.

- Thiếu Úy, Thiếu Úy, ông thầy làm gì ở đây?

Tấn không vội trả lời, mời Trung sĩ Bằng ngồi và kêu cho Bằng một chai bia. Thấy anh chống nạng, Tấn hỏi thăm, được anh cho biết là bị thương ở chân trái trong một cuộc giao tranh với Việt Cộng:

- Một trái đạn súng cối nổ gần bên em, may nhờ có bờ ruộng che, em không chết; em được chở vô nhà thương, mảnh đạn làm chân trái em bị liệt gân, bây giờ muốn đi phải chống nạng... , em đã giải ngũ, em về Cần Thơ là quê vợ em. Mà buồn quá thầy ơi, sống trong quân đội quen rồi, mặc dầu có nguy hiểm, nhưng bạn bè anh em sống chết có nhau, giờ đây ra ngoài đời, thấy xa lạ, lẻ loi quá! Rồi lần lần, em thấy có nhiều người thương em, giúp đỡ em, em vui lên.

- Vậy bây giờ, anh sống bằng cách nào? - Tấn vừa hỏi vừa chăm chú nhìn Bằng.

- Dạ em có lãnh trợ cấp thương phế binh, nhưng làm sao đủ sống, vợ em phải đi bán rau ngoài chợ, còn em phụ với vợ em...

Tấn ngạc nhiên, hỏi tiếp:

- Anh đi chống nạng làm sao giúp vợ được?

- Không nói dấu thầy, cây nạng này giúp em nhiều việc lắm đó thầy!

Tấn mở tròn đôi mắt, chờ Bằng nói tiếp:

- Thầy biết sao không, cứ hai ba bữa, em ra bến ghe, chờ ghe đánh cá về, vui lắm thầy ơi, bạn hàng cá họ lợi rần rần, họ cân cá đem ra chợ bán, lúc đó, nhiều bà con đi mót cá còn sót trong ghe, em cũng nhập chung với mấy người đó đi mót, đem về cho vợ em, khi thì kho, khi thì nấu canh chua, cũng đỡ khổ lắm đó thầy!

Tấn chưa hết ngạc nhiên:

- Đi phải có nạng, làm sao mót kịp với người khác?

- Cây nạng này có thớ lắm nha thầy, không phải em dùng nó đánh ai, nhưng bà con thấy em tàn tật, họ chia cá cho em. Lâu lâu, có ông chủ ghe tốt, nhằm bữa đánh được nhiều cá, ổng cho em riêng một, hai con cá ngon.

Thấy Bằng nói chuyện vui vẻ một cách hồn nhiên, Tấn cười cười, hỏi tiếp:

- Cây nạng này còn giúp anh việc gì nữa?

- Ý, còn nữa thầy, mấy lần em đi bộ nắng chang chang ngoài đường, có mấy ông xe lam, ông xà xe vô lễ, cho em quá giang một khúc đường!

Bằng sực nhớ chưa hỏi thăm cấp chỉ huy cũ của mình, vội vã nói:

- Còn Thiếu Úy, giờ này ra sao? Mà xin lỗi, Thiếu Úy lên Trung Úy chưa?

Tấn cười cười, cho biết cấp bậc hiện giờ là Trung Úy, và anh sắp sửa về Sài Gòn làm việc. Nghe đến đây, Bằng giật mình:

- Cha, như vậy là nhứt rồi đó thầy! Em nhà quê quá, muốn lên Sài Gòn một lần cho biết với người ta mà chưa đi được. Nghe nói thành phố trên đó đẹp lắm, phải không thầy, thầy về đó mặc sức đi chơi! Sao thầy ngồi có một mình vậy, hay là đang tương tư cô nào? Xin lỗi thầy, tách em ưa nói giỡn cho vui!

Không ngờ câu nói đùa của Trung Sĩ Bằng lại trúng "tim đen" của Tấn, gọi lại vết thương lòng của anh, anh trả lời lơ lửng:

- Mình ở nơi nào một thời gian, khi đi, mình cũng nhớ chớ!

Sau khi chia tay với Trung Sĩ Bằng, Tấn nghĩ lại rất thán phục sức mạnh tinh thần của anh bạn: mặc dầu thân thể bị tàn tật, cảnh sống thiếu thốn, Bằng vẫn giữ nụ cười.

CHƯƠNG 6

Còn Đâu Cần Thơ Thơ Mộng

Sài Gòn!

Sau mấy ngày tạm trú tại nhà vợ chồng một người bạn, Tấn đi thăm bạn bè và sau cùng đến thăm Linh Mục Dòng Chúa Cứu Thế. Linh mục mừng rỡ gặp lại Tấn, vì trước khi nhập ngũ, anh ở đây, sau đó, vì không có "cơ duyên", anh xin ra khỏi dòng tu; nhưng thương tình anh là người hiền lành, Cha vẫn để anh ở tại đó.

- Con đi đâu lâu quá, mấy năm nay, con ở đâu, sao bây giờ con về đây?

- Thừa cha! - Trung Úy Tấn đáp - dạ, con được đổi về Sài Gòn!

Cha mừng rỡ:

- Ôi cha! Như vậy thì hay lắm, Chúa thương con đó! Rồi bây giờ con ở đâu? Con có gia đình chưa?

Anh cho biết còn độc thân, được nghỉ phép 15 ngày, anh tính lên Sài Gòn trước vài ngày, tìm nhà ở, may có vợ chồng người bạn cho anh ở đậu, khi xong chỗ ở rồi, anh sẽ về Bến Tre thăm mẹ, sau cùng đến trình diện đơn vị mới. Khi nghe anh nói ở trọ nhà vợ chồng người bạn, Cha đề nghị:

- Hay là con trở về ở đây đi, phòng con ở lúc trước bây giờ còn trống, con ở chung chạ với người ta bất tiện lắm!

Thế là anh dọn về ở trong khuôn viên Nhà Dòng Chúa Cứu Thế tại Đường Kỳ Đồng.

Biết tin anh về thăm quê, bà mẹ vui quá đổi:

- Con ơi! Mỗi đêm, má hằng đọc kinh cầu nguyện cho con, cầu nguyện cho con tai qua nạn khỏi, bây giờ, nghe con nói được về Sài Gòn, má vui lắm đó con!

Mặc dầu biết là "Chúa thương anh", theo như Cha Nhà Dòng và mẹ anh nói, việc về Sài Gòn là điều anh không mơ ước: anh không muốn xa Cần Thơ, không muốn xa "người đẹp của lòng mình".

Nếp sống của anh thay đổi hẳn từ ngày đảm nhận chức vụ "Tùy Viên" cho ông tướng. Anh được cấp cho một xe Jeep riêng biệt với tài xế, một bàn giấy riêng cạnh phòng ông tướng. Bộ quân phục hành quân nay xếp vào ngăn tủ, thay vào đó là quần áo ka ki vàng ươm, giày đánh bóng sáng chói, có thể nói "ruồi đậu phải trượt chân", đầu đội mũ cát kết; khi có lễ lộc, trên ngực thường lấp lánh huy chương.

Nhờ "hơi" ông tướng, nhiều người kính nể anh hơn, nhiều sĩ quan có cấp bậc cao, gặp anh đều tỏ ra khả ái, tìm cách làm thân với anh, còn cho anh quà này quà nọ. Có người hỏi nhỏ anh:

- Ông tướng hôm nay ra sao, vui hay buồn?

- "Mặt trời" bữa nay nóng hay mát? (mặt trời là ông tướng).

Có người khác tỏ ra thân mật hơn:

- Hôm nay mình ở Nha Trang mới vô, có món quà tặng anh!

Một sĩ quan cấp tá khác căn dặn anh như quen với anh từ lâu:

- Khi nào toa ra Huế, nhớ cho moa hay trước, moa sẽ dành cho toa nhiều ngạc nhiên!

Nói xong, ông nheo mắt nhìn Tấn, cười cười nói thêm:

- Toa nên nhớ là con gái Huế đa tình lắm đó! Toa muốn cưới gái Huế, moa sẽ giới thiệu cho toa mấy cô em vợ của moa!

Tấn cũng thường đi theo ông tướng trong các cuộc thám sát. Đi đến đâu, anh được tiếp đãi nồng hậu, được ăn ngon, ngủ lịch sự trong phòng ấm cúng.

Anh nhớ lại cảnh lội sinh, lội nước cùng bạn đồng đội, ăn uống thất thường, bữa đói bữa no, nghĩ lại ông Tiểu Khu Trưởng Cần Thơ có lý. Nhưng anh nhớ đồng ruộng xanh, nơi đó có người yêu của anh. Anh thấy cuộc đời tại Sài Gòn có "lên hương" đó, nhưng anh không còn bay nhảy tự do như trước.

Thời giờ không còn là của anh, anh phải theo giờ ông tướng. Chiều, anh em bạn ra về, anh còn ngồi chờ ông... giờ giấc của anh đều do ông định đoạt. Có

ngày anh về tối, có ngày anh đi dự tiệc với ông đến khuya mới về, cả ngày lễ nghỉ, anh vẫn phải túc trực xem có thể bị gọi lên gặp ông bất cứ lúc nào.

Anh được nhẹ bớt công việc khi nào ông tướng đi công tác xa.

Ông tướng rất thương anh, vì anh làm việc đàng hoàng, không bao giờ chểnh mảng. Đôi khi rỗi rảnh, ông ra nói chuyện với anh, biết anh có người yêu ở Cần Thơ nhưng không rõ chuyện tình rắc rối, nhắc anh:

- Chú em lấy máy bay đi cho khỏi mất thời giờ, Không Quân mình thường lên xuống Sài Gòn-Cần Thơ như đi chợ, cứ gọi qua Không Quân.

Lát sau, ông gọi Thiếu Tá Chánh Văn Phòng:

- Lúc nào Tấn đi Cần Thơ, em kêu qua Không Quân coi giờ nào có Cessna đi Cần Thơ, cho Tấn quá giang, nhớ dặn Tiểu Khu Cần Thơ cho chú chiếc Jeep để di chuyển.

Nhờ đó, mỗi lần về Cần Thơ, anh thường dùng Cessna của Không Quân, không đi đường bộ như trước.

Trong lúc đó, tình hình chiến tranh vô cùng rối rắm, Pháp thất trận Điện Biên Phủ, đất nước chia đôi lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Pháp rút quân về xứ, bỏ miền Bắc cho Cộng Sản, giao quyền miền Nam cho chánh phủ miền Nam.

Trong tình thế đó, Việt Nam không có đủ người đảm trách chức vụ do quân đội Pháp để lại. Việc đào tạo các ngành, các cấp trong quân đội là vấn đề khẩn thiết nhất. Phải động viên thêm, người người nhập ngũ, công chức hành chánh bị động viên, giáo chức cũng bị gọi đi học quân sự.

Bộ Quốc Phòng và Bộ Tổng Tham Mưu vô cùng bận rộn. Tấn làm việc nhiều hơn trong nhiệm vụ tùy viên, đôi khi anh nghe ông tướng la hét trong điện thoại:

- Phải ra chỉ thị động viên thêm, không ai được trốn tránh... , tăng cường cảnh sát xét giấy tờ...

Sau ngày làm việc mệt nhọc, thường chín, mười giờ tối, Tấn mới về tới nhà. Nhiều khi, anh suy nghĩ: "Trong tình thế này, làm sao xin giải ngũ được, đi lính muôn năm! Mỹ biết được, sẽ buồn lắm!"

Sông Hương Núi Ngự

Có một lần ông tướng ra thăm Huế, có anh cùng đi. Anh mừng lắm, vì đây là lần đầu tiên anh ra xứ Huế.

Đến nơi một hai ngày, anh nhận thấy thành phố Huế là nơi cổ kính, người Huế còn theo phong tục vua chúa ngày xưa. Anh cũng ngạc nhiên là Huế có nhiều chùa chiền, nhiều đền hay am dọc theo đường anh đi.

Nhơn dịp ít công việc, ông tướng cho anh được tự do một ngày.

Từ sáng, mấy người bạn dẫn anh vô chợ Xếp ở cửa Đông Ba, đãi anh ăn bún bò Huế. Anh hơi e ngại ngồi ăn ngoài chợ, nhưng một anh bạn giải thích:

- Trung Úy à! Ở Huế, bún bò bán trong mấy tiệm lớn không ra mô tê chi cả, phải tìm mấy bà bán gánh mới có bún bò ngon!

Thật vậy, anh ăn thật ngon miệng, nhưng sặc mấy lần, chảy nước mắt vì ớt quá cay.

Nhơn cơ hội này, anh được hướng dẫn đi thăm lăng. Anh bạn giải thích:

- Lăng Minh Mạng, lăng Gia Long xa lắm, mình không đủ thì giờ, xem lăng Thiệu Trị và lăng Khải Định là đủ.

Sau đó, anh trở về thăm hoàng cung trong Thành Nội, từ Điện Thái Hòa, đến Hồ Tịnh Tâm, cùng Tam Cung Lục Viện. Anh thích nhất là hồ Tịnh Tâm, nơi đó khi xưa vua ngự để tìm sự yên tịnh, do đó có tên là "Hồ Tịnh Tâm". Nhìn lá sen xanh tươi thắm và hoa sen nở màu hồng lợt, màu trắng, trên mặt nước hồ phẳng lặng, anh cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng hơn.

Khi đến chợ Đông Ba, anh thích thú thấy thuyền bè tấp nập ven bờ sông Hương. Rảo vô trong chợ, anh lấy làm lạ là mấy bà bán hàng mặc toàn áo dài. Họ bán nào là mè xừng, bánh in và nhang đèn thờ cúng... Thấy mấy cô gái Huế

bán hàng, da trắng mịn, tóc đen huyền, anh nhớ đến hình ảnh Mỹ. Nhớ đến nón lá Mỹ đội đi học hằng ngày, anh ngừng lại gian hàng nón lá bài thơ.

Anh đứng lựa nón và đọc mấy bài thơ dán trong nón, trong đó mấy câu thơ, anh đọc tới đọc lui:

"Cầu Tràng Tiền, sáu vài mười hai nhịp, thương nhau rồi, xin kịp về mau",

"Sông An Cựu, hè đục, mưa trong".

Anh bạn cùng đi vui vẻ nói với anh:

- Nón lá ở đây có tiếng lắm đó Trung Úy, nên mua vài cái tặng bồ, ai ra đây cũng mua nón lá về tặng bạn bè, bà con!

Anh chọn một cái dành tặng cho Mỹ.

Ra đến cầu Tràng Tiền, anh càng lạ mắt hơn.

Nhìn mấy cô nữ sinh Đồng Khánh sau giờ tan học đạp xe trên cầu Tràng Tiền về Thành Nội, với tà áo dài trắng tung bay, mái tóc thề phất phới trên lưng, anh cảm thấy lòng lâng lâng, vì cảnh đó nhắc nhở anh đến một hình ảnh đang ở xa xôi, đó là "cô gái Cần Thơ" của anh.

Ngủ dò

Tối hôm đó, anh cùng hai người bạn đến bến Vân Lâu. Nghe tiếng hò vọng lên từ dòng sông Hương, anh không hiểu, hai người bạn nhắc lại câu hò:

"Chiều chiều trước bến Vân Lâu,

Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm,

Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông?

Một người bạn nói:

- Câu thơ trên nghe buồn lắm Trung Úy, nhứt là câu chót, nghĩ đến nước non mà chạnh lòng, nhưng Trung Úy phải nghe hò mới thấm thía. Sẵn đây có thuyền cho mượn, hôm nay lại 16 trăng rằm, mình xuống dò dạo trên sông Hương chơi!

Nói xong, anh bạn đưa tay ra gọi một chiếc đò. Thật ra, bạn bè tại đây đã sắp xếp và dành cho anh một sự ngạc nhiên: là "ngủ đò trên sông Hương".

Vô tình và không để ý, anh vui vẻ bước xuống đò. Cây đèn dầu trong khoang đò được vận sáng hơn, anh thấy có mâm thức ăn bày sẵn, có hai ba chai rượu mạnh và bia kê bên.

Anh giựt mình:

- Hồi chiều, mấy bạn đãi tôi cơm "âm phủ", ăn cơm hến, no quá mà cay quá, làm tôi chảy nước mắt quá trời, sao giờ này lại ăn nữa?

- Không, - hai bạn trả lời - đây là nhậu lai rai cho nóng máy để anh em mình nhìn trăng, trong khi đò sẽ chèo lên Chùa Thiên Mụ sau đó trở ra Cửa Thuận.

Tấn tử vẻ không vừa ý lắm về việc ăn uống, nhưng thích được xem phong cảnh hữu tình trên sông Hương dưới ánh trăng rằm.

Đò bắt đầu rời bến. Cảnh thật gọi cảm, trăng sáng vằng vặc chiếu trên dòng nước lững lờ của sông Hương, chỉ có chút gợn sóng lăn tăn khi con thuyền lướt tới bằng hai mái chèo với tiếng ru êm xào xạc. Khi đến gần chùa Thiên Mụ, anh thấy cảnh thật thơ mộng: mấy hàng liễu rủ bên bờ sông làm tăng thêm vẻ mờ mờ ảo ảo, đối chiếu với nóc cao của tháp bảy tầng cao vút phía sau chùa; tận chân trời, dãy núi Ngự Bình hùng vĩ ẩn mình trong bóng đêm. Anh cảm thấy tâm trí như thoát mùi tục lụy.

Ghe quành trở lại nhắm về hướng biển, bỗng nhiên anh nghe tiếng phụ nữ the thé mời mọc anh với giọng nói nhiều dấu nặng:

- Kính chào Trung úy, mời Trung úy uống chút rượu với em!

Anh giựt mình, hỏi nhỏ:

- Sao có cô gái nào đây?

- Không sao - có tiếng anh bạn trả lời - cô đến để hò Huế cho mình nghe.

Anh cảm thấy khó chịu, cho biết anh không uống rượu, nhưng không lẽ từ chối nghe hò, anh miễn cưỡng chấp nhận. Hồi lâu, cô gái ngả người vào anh, âu

yếm vuốt ve anh, anh chợt nhớ đến Mỹ, anh không muốn phạm lỗi với nàng dù chỉ là trong ý nghĩ, anh nhích ra xa và nói nhỏ vào tai hai người bạn.

Thấy không thể mời mọc Tấn hơn nữa, và thể theo lời của anh, hai người bạn kia ra dấu ông lão chèo đò vô lại bến Vân Lâu. Trước khi từ giả cô gái, Trung úy Tấn móc bóp tặng cho cô một trăm đồng.

Chuyến bay từ Phú Bài về Sài Gòn mất gần ba tiếng đồng hồ.

Trên đường về, ông tướng tươi cười, có lúc ông kể chuyện đời nhà binh khổ nhọc của ông cho anh nghe. Ông hỏi Tấn thấy Huế ra sao, anh kể lại cho ông những điều nghe thấy:

- Em lấy làm lạ là mấy bà buôn gánh bán bưng, làm rầy họ cũng bận áo dài, mấy bà bán bún bò cũng vậy, còn con gái thì ít thoa son đánh phấn hơn con gái trong Nam; em thấy mấy người vô gặp Thiếu Tướng, khi trở ra, họ đi thụt lùi...

Tấn chưa nói dứt câu, ông tướng cười lên:

- Đúng vậy, ở Huế còn theo nghi lễ quan lại hồi xưa lắm; à mà chuyến đi của mình có năm sáu ngày, chú cũng quan sát nhiều dữ đề! Chú có đi thăm lăng chớ?

- Dạ em đi thăm lăng suốt buổi sáng, lăng Gia Long, lăng Minh Mạng xa quá chưa đi tới, em chỉ có xem lăng Thiệu Trị với lăng Khải Định... lăng Khải Định rất đẹp nhưng tốn kém quá!

Ông tướng hỏi anh sao gọi là tốn kém, anh chậm rãi trả lời:

- Dạ, em thấy dân mình nghèo, mà lăng thì chạm toàn bằng sành nổi tiếng từ bên Ý, từng miếng vụn sành như chén kiểu đập bể nát cần lên toàn thể ngôi mộ, từ nhà mát, đến cột chung quanh mộ, cả đường lát chung quanh, cũng toàn miếng sành mua từ bên Ý, em thấy xót xa quá, phải chi để dành tiền đó lo cho dân có lẽ tốt hơn!

Ông tướng khen anh:

- Chú có lòng từ bi, lo cho người nghèo khó là tốt lắm đó!

Sẵn lúc ông vui, Tấn kể chuyện từng chi tiết cuộc tình giữa anh và Mỹ, và hai điều kiện do ông kỹ sư đưa ra.

Ông tướng gật gù, tỏ ra thông cảm cho hoàn cảnh của anh:

- Chuyện tình của chú rắc rối dữ lắm chứ không dễ đâu!

Tiếp theo, ông cho biết là việc giải ngũ và cho đi Pháp học là thuộc quyền Bộ Quốc Phòng và Bộ Giáo Dục, Bộ Tổng Tham Mưu không có thẩm quyền. Ông còn nhấn mạnh:

- Chú không thấy sao, Tây nó rút về hết, mình đâu đủ người thế, phải động viên thêm từng lớp dân chúng, vậy mà còn thiếu... , bây giờ mà nói xin giải ngũ, tôi nghĩ còn quá sớm, Bộ Quốc Phòng không chấp nhận đâu! Chú ráng chờ đợi vài năm nữa xem sao!

Thế là Tấn cụt hứng luôn. Anh không còn hy vọng gì để nhờ ông giúp đỡ anh trong việc này. Chuyện của lòng anh là chuyện gấp rút, mỗi ngày trôi qua là một ngày anh bồn khuân lo sợ, sợ có chàng trai nào khác "tiến tới" thì đời anh sẽ đau khổ vô cùng! Từ đó anh buồn bã luôn, tự nói: "Mình làm việc với ông tướng, ông không thể giúp mình được thì biết nhờ cậy ai?"

Tuần sau, sau chuyến công du đó, Trung Úy Tấn cảm thấy ngứa, nhứt là chỗ kín, anh lo quá, vô phòng ông tướng mà vẫn lén lút "gãi cho đã ngứa". Anh đến phòng mạch một bác sĩ bạn.

- Anh bị rận rồi! - lời bác sĩ.

Suy tới nghĩ lui không hiểu lý do bị rận trong mình, anh được ông giải thích:

- Có lẽ anh đi ngủ dạo ở đâu đó, giường, chiếu chỗ đó có rận, rận bò qua mình anh.

Tấn cho biết là ngày đi Huế có đi ngủ đò, bác sĩ cười cười:

- Đúng rồi, tôi có ở Huế tôi biết, nhưng không phải đò nào cũng có rận, tùy chiếc, tại anh xui đó thôi! Tôi chỉ cần cho anh xúc bột trừ rận trong một tuần thì hết ngay.

Tấn hú hồn, một lần "đi Huế ngủ đò", anh nhớ tới già.

Đổi đời

Trong thời gian Tấn về Sài Gòn được gần một năm, trung bình anh trở về Cần Thơ gặp Mỹ ba bốn tháng một lần, anh muốn thăm nhiều hơn, nhưng vì bận công việc "tù viên", anh không thể làm hơn.

Lần nào gặp, buồn hơn vui, nước mắt thay lời, vì cha nàng lúc sau này kiểm soát nàng ráo riết hơn, do đó, những bức thơ xanh thay lời nói. Đã vậy, thơ phải gửi về địa chỉ cô Hà, bạn Mỹ và sau đó mới trao lại cho Mỹ.

Một ngày nọ, anh nhận được một bức thơ của Mỹ, anh lật đặt xé ra xem... Mỹ báo tin cho anh biết là cô đã đậu Bằng Thành Chung và ba má cô sẽ cho cô qua Mỹ Tho học hết Ban Tú Tài:

"... Em nghe ba má tính cho em qua Mỹ Tho ở nhà người bà con để đi học, em cũng lo lắng. Hồi nhỏ tới lớn có bao giờ em xa ba má em đâu, ở nhà bà con đâu bằng ở nhà cha mẹ?"...

Anh ngó ra ngoài, lòng mừng khắp khởi, vì sẽ có dịp gặp nàng dễ dàng hơn để thỏa tình mong nhớ.

Nghĩ tới con đường Sài Gòn - Mỹ Tho chỉ có 72 cây số, không qua đò nào cả, xe Jeep chạy mất hai tiếng đồng hồ, anh thấy hớn hở trong lòng. Anh lật đặt viết thơ trả lời cho Mỹ, trong đó có câu:

"... .. anh rất vui mừng biết tin em tốt nghiệp Trung Học Đệ Nhứt Cấp, anh sẽ có món quà thưởng cho cô sinh viên mới ra trường, và nhiều dịp thăm em hơn, vì đường bộ Sài Gòn - Mỹ Tho chỉ cần hai tiếng đồng hồ... "

Rồi anh bắt đầu "dệt mộng":

- Mình có thể xin ông Tướng cho nghỉ một buổi sáng chủ nhật là có thể phóng xuống gặp nàng, chà vui biết mấy, mình sẽ dẫn nàng đi ăn hủ tiếu Mỹ Tho... , còn hai điều kiện của ông già, đành đợi chớ biết làm sao hơn?

Tháng sau, anh lại nhận tiếp một bức thơ khác của Mỹ. Trong thơ nàng có viết một câu làm anh bối rối:

"... em tin có lẽ là duyên số đã định rồi đó anh à!"

Anh không hiểu ý của Mỹ khi nàng nói "duyen số đã định rồi" là gì, anh tự hỏi:

- Rồi là sao, là dứt khoát mãi mãi xa nhau hay được gần nhau?

Anh nóng lòng đọc tiếp đoạn dưới: thơ cho biết là cha nàng có lệnh đổi về Sài Gòn và gia đình sẽ rời Cần Thơ trong vòng hai tháng tới.

Theo đó, Mỹ sẽ không qua Mỹ Tho để học Tú Tài.

Một niềm vui lóe ra trong ý nghĩ của anh: sẽ có nhiều dịp gần gũi với người yêu hơn khi gia đình nàng đổi về Sài Gòn, trong khi vẫn còn canh cánh bên lòng "phi cao đẳng bất thành phu phụ".

CHƯƠNG 7

Giang Sơn Mới

Căn Nhà Ven Đô

Ông bà kỹ sư mượn được một căn phố lâu vùng Tân Định.

Suốt ngày, ngoài giờ làm việc, ông bận tâm lo trang trí nhà cửa, chăm sóc mấy chậu kiểng, mấy con chim nuôi trong lồng.

Đặc biệt, đối đi làm việc ở tỉnh nào, ông cũng không quên đem theo tượng Con Cò mà ông đã mua hồi còn đi học Canh Nông bên Pháp.

Số là sau khi ông gần thi tốt nghiệp bằng Kỹ Sư Canh Nông, ông có đi thăm viếng một hãng phân nổi tiếng của Pháp tại Alsace, gần biên giới miền Đông giáp với nước Đức, ông ngạc nhiên thấy có rất nhiều cò trắng làm ổ dưới mái các cao ốc. Dân cư vùng này lấy hình con cò trắng là tiêu biểu cho địa danh Alsace. Hình, tượng con cò, ổ trứng con cò... được trưng bày tại các cửa tiệm bán đồ vật lưu niệm.

Hãng phân Engrais d'Alsace này lấy hình Con Cò làm nhãn hiệu, có hình con cò trắng trên bảng hiệu và trên mỗi bao phân. Phân này được người Pháp cho nhập cảng vào Việt Nam vào thời đó, và các nhà trồng tía Việt Nam dùng để bón vườn trà, vườn cà phê, các loại cây khác... , nhà nông thường dùng chữ "phân cò" hay "phân con cò", do đó, một số người lầm tưởng đó là phân làm từ "phần" của con cò.

Khi đi dạo quanh thành phố Alsace, ông kỹ sư có mua về vài hình tượng con cò, ông rất trân quý và chưng trong nhà; đó là kỷ niệm ngày ông thăm viếng hãng phân Alsace.

Lúc tuổi còn thơ, ông rất khâm phục con cò, vì ông vẫn nhớ lời thầy giáo giảng giải về "Con Cò" trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư với bài thơ:

"Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao... "

Ngày nay, ông còn man mác nghe lời thầy khen con cò là gương siêng năng, cần cù, suốt ngày lặn lội theo bờ hồ, bờ ao để kiếm ăn. Lớn lên, ông kỹ sư muốn lấy gương con cò áp dụng vào cuộc sống của ông, đó là tiêu biểu cho tánh chăm lo làm việc, cần mẫn.

Ngoài ra, trên tường treo giữa nhà, là một bức tranh trong đó nổi bật hình con trâu đi trên bờ ruộng, với một con cò trắng đứng trên lưng trâu, phía xa, đám lúa chạy dài đến tận lũy tre xanh. Ông thích hình này lắm, vì đó là hình ảnh quê hương của ông, theo như ông thường khoe với bạn bè khi đến chơi nhà ông.

Ông cũng thích nuôi chim yến, nhồng, kéc để tiêu khiển.

Chàng và Nàng

Từ khi dời về Sài Gòn, ông kỹ sư bận rộn hơn trước với việc sở, việc nhà, tuy nhiên, ông vẫn lo lắng cho việc học của con, ông đi dò hỏi xem trường trung học tư nào dạy có tiếng để xin cho Mỹ học, vì đã quá kỳ thi tuyển vào trường công Nữ Trung Học Sài Gòn.

Cuối cùng, Mỹ ghi học ban Tú Tài ở Trường Lê Bá Cang.

Cảm giác đầu tiên của Mỹ khi bước vào trường mới là rất ngỡ ngàng. Nàng không tìm được bầu không khí thân thiện như ở trường Cần Thơ. Mỹ nhận thấy nam nữ cùng lớp ăn mặc chải chuốt hơn, cười nói lanh lợi hơn bạn bè tại quê nhà.

Nữ sinh chải tóc theo thời trang, uốn quăn ngắn lên trong khi Mỹ chỉ thả tóc thẳng dài xuống ngang vai, có người còn thoa kem, tô phấn, vẽ chơn mày. Nam nhi mặc áo quần ủi thẳng, có người đeo đồng hồ vàng, xài viết Parker, một loại viết mắt tiền và đúng thời trang vào lúc đó. Nàng đi học bằng chiếc xe đạp cũ kỹ lúc trước, trong khi đa số bạn khác đi xe màu sơn bóng lộn.

Mỹ cảm thấy vô cùng lạc lõng.

Sau đó, nàng tìm cách liên lạc với Tấn. Thấy chàng "chiến sĩ phong sương" của lòng nàng bây giờ "oai phong" hơn trước với bộ quân phục kaki vàng, đầu đội kết, có khi chàng mặc bộ lễ phục trắng với huy chương màu sắc rực rỡ trên ngực, nàng cảm thấy hãnh diện hơn.

Tuy nhiên, nàng không phải yêu anh khi thấy anh ăn mặc sang trọng trong ngày đại lễ, nàng yêu anh vì anh là người chiến sĩ phong sương, theo như bài hát do Ngọc Cẩm - Nguyễn Hữu Thiết song ca vào thời đó:

"Em chỉ yêu chàng vì chàng là trai chiến đấu,

Em chỉ yêu chàng vì đời chàng là hiên ngang".

Nàng bắt đầu lo lắng, đôi lúc suy nghĩ: "Tại Sài Gòn, có nhiều cô gái đẹp, chung diện đúng thời trang, học giỏi hơn mình, văn minh hơn mình, mình chỉ là một cô gái nhà quê".

Do tự ti mặc cảm đó, nàng nghĩ đến hai điều kiện của cha mình, thấy lòng vô cùng bối rối, không hiểu chuyện của lòng mình có lối thoát ra sao? Hay sẽ là "anh đi đường anh, tôi đường tôi", nàng sẽ rất đau khổ khi nghĩ đến. Vì thể thống gia đình, nàng cũng không thể bỏ cha mẹ ra đi theo tiếng gọi con tim, giáo huấn trong gia đình không cho phép nàng bất hiếu với cha mẹ, do đó, nàng luôn luôn tỏ ra là một cô gái dễ dạy, để tránh cho cha mẹ mọi buồn phiền.

Nàng tự nhủ: "Thôi, nếu mệnh không thành, mình sẽ ở giá suốt đời vậy!". Cũng có thể, nàng sẽ tìm lãng quên nơi Cửa Thiền, đó cũng là một thái độ để may ra cảm hóa được cha nàng?

Mỗi lần gặp lại chàng, nàng vẫn nhắc:

- Anh ơi, còn hai điều kiện của ba em, anh có cách gì chưa? Đời em không thể thiếu anh!

Tấn ngần ngừ cả người, tối hậu thư của ông già đã dày vò tâm tư anh từ lâu. Nghĩ đến "giấy giải ngũ và vé máy bay đi Pháp", anh cảm thấy rất khổ sở vì việc quá tầm tay, nhưng đôi lúc, anh lấy thêm can đảm: "Ta phải tiến tới, ta phải cùng nàng nên duyên chồng vợ!"

Khi nói câu trên, thật sự Tấn rất sợ mất nàng.

Từ ngày Mỹ theo cha về Sài Gòn, anh càng lo hơn trước. Anh sợ là tại các trường tư ở Sài Gòn, kỷ luật học đường lỏng lẻo, cô gái Cần Thơ của anh một ngày nào có thể sẽ quên cảnh sống mộc mạc của đồng xanh, đua đòi theo bạn bè, dễ sa ngã...

Anh nghĩ rằng Sài Gòn là nơi tập trung "trai thanh gái lịch", biết đâu có chàng nào đẹp trai, con nhà cao sang quyền quý, có bằng cao đẳng đến "nộp đơn" xin cưới Mỹ thì sao?

Cha nàng sẽ không do dự chút nào, trong khi anh chỉ là một quân nhân tầm thường, gia đình nghèo, với lối sống bấp bênh của người lính chiến!

Anh không dám nghĩ đến cảnh tượng một ngày nào trong tương lai, anh sẽ buồn bã nhìn nàng lên xe hoa, chắc không còn can đảm để hát lên câu trong bài ca "Tôi đưa em sang sông":

"... Giờ phút cuối đến tiễn em, nhìn xác pháo vương gót chân... "

Người khách lạ

Điều suy nghĩ của Tấn không phải là không tưởng, việc này có thể xảy ra...

Gia đình ông kỹ sư dọn về Sài Gòn chưa được bao lâu, một ngày nọ, có một bà ăn mặc sang trọng đến gõ cửa nhà. Dì Tư giúp việc ra mở cửa, khách lạ mừng quá, lên tiếng:

- Té ra là dì Tư còn ở với ông bà kỹ sư đây hả?

Dì Tư nhớ lại đây là một người quen trong gia đình, nhưng lâu quá không gặp, liền hỏi lại:

- Dạ bà phải bà Đốc Phủ không?

- Đúng rồi, dì còn nhớ dai quá há!

Nhìn quanh quẩn, bà hỏi tiếp:

- Có bà kỹ sư ở nhà không dì Tư?

Dì Tư nhớ lại lúc trước, ông bà Đốc Phủ Sáu lâu lâu từ Sài Gòn xuống Cần Thơ có đến chơi với gia đình ông bà kỹ sư.

- Dạ có, bà đang ở phía sau, để tôi vô mời bà ra, mời bà Đốc Phủ vô ngồi chơi!

Theo cách giao thiệp thường lệ trong Nam, dân gian kỵ kêu tên, chỉ gọi nhau bằng ngôi thứ trong gia đình. Riêng đối với người cần kính nể, vợ người có chức tước được gọi theo chức vụ của chồng, thí dụ như bà Chủ Quận, bà Giáo Sư, bà Bác Sĩ, bà Đại Úy, bà Kỹ Sư... , thường không thể hiểu là chức của chính mấy bà, hay là chức của chồng. Cách xưng hô này thường thấy trong giới thượng lưu và trung lưu.

Bà Đốc Phủ là vợ ông Đốc Phủ Sáu, quen biết nhiều với gia đình ông bà kỹ sư, vì hai bà cùng quê ở Lai Vung; năm năm về trước, ông bà Đốc Phủ Sáu thỉnh thoảng có lui tới thăm Cần Thơ mặc dầu nhà ở Sài Gòn. Kể từ khi ông Đốc Phủ qua đời cách nay bốn năm, bà không còn lai vãng nữa, nhưng hôm nay, bà có một nhiệm vụ quan trọng.

Bà kỹ sư từ nhà sau bước ra, vừa thấy bà Đốc Phủ Sáu, bà mừng rỡ:

- A, chị Phủ (Đốc Phủ)! Chèn ơi, lâu quá mới gặp lại chị!

Hai người tay bắt mặt mừng, chủ nhà hỏi tiếp:

- Ủa, mà sao chị biết tôi ở đây?

Bà Đốc Phủ:

- Dạ tôi đâu có biết! Tôi về Cần Thơ, mới biết anh chị đổi về trên này, họ cho tôi địa chỉ, tôi mới kiếm được đây chớ!

Sau khi chủ, khách an tọa, bà Phủ mở lời:

- Chắc anh đi làm rồi, phải không chị?

- Dạ, giờ này, ở nhà, chỉ có tôi, bà nội với dì Tư giúp việc, bà nội đang tụng kinh niệm Phật trên lầu, còn con Mỹ đi học.

- Còn mấy cậu trai đâu rồi?

- Dạ, tụi nó còn bên Pháp, đang học!

Hai bà vui vẻ nhắc lại chuyện xưa, hồi còn đi học ở trường quận mặc dầu khác lớp, tỏ ra tương đắc lắm. Trong lúc đó, dì Tư bưng khay trà để lên bàn. Bà kỹ sư vội nói:

- Mời chị Phở uống chút trà, trà này thơm lắm, trà Blao đó chị Phở!

Với kiến thức thông minh sẵn có, bà kỹ sư cũng đoán được ý của bà Đốc Phở Sáu. Bà nghĩ trong bụng: "Không biết đợi tới chừng nào thằng Tấn mới xin giải ngũ được, nếu nó không giải ngũ được, không lẽ cứ kéo dài tình trạng này hoài? Con gái mình tới tuổi có chồng, có nhiều mối, mình dễ lựa chọn, chớ có sao đâu?"

Bà Phở hôm nay vui tánh, cười nhiều, mắt bà sáng rõ trong chiếc áo dài màu sắc lộng lẫy, lại có khăn quàng cổ thả xuống gần đến đầu gối.

- Thôi, giữa chị em mình, - bà Đốc Phở mở đầu câu chuyện, vừa bưng tách trà nhấp nhấp - nói gần nói xa không qua nói thiệt... chị Hai có nhớ gia đình thằng em trai của tôi không? (bà gọi bà kỹ sư là chị Hai).

Trong câu chuyện, bà nhắc lại gia đình của cậu em bà. Em bà là dược sĩ Tâm, vợ là cô giáo, ý bà muốn cho biết đó là một gia đình đáng hoàng, có tiền bạc, địa vị. Gia đình này có một trai đầu lòng, và một gái đang học dược. Cậu con trai vừa đậu ra giáo sư và hai vợ chồng người em muốn tính chuyện vợ con cho cậu con trai, là cháu kêu bà bằng cô. Lời bà:

- Năm nay, thằng cháu tôi 23 tuổi rồi, mà nó hiền lắm chị Hai à! Tánh tình nó dễ thương, nó "chân chỉ hạt bột" ⁵ (1). Cũng may cho nó, tôi nhớ tới anh chị, nhớ tới con gái chị, hồi trước mấy lần lợi thăm anh chị, tôi thấy Mỹ mồm mĩm dễ thương quá, chắc bây giờ nó cũng 18, 19 tuổi rồi, phải không chị?

Bà kỹ sư cười:

- Chị Phở đoán đúng đó, năm nay nó 18 tuổi, mới thi đậu bằng Thành Chung cách đây gần nửa năm...

Bà Phở cắt lời:

- Cha! vậy cháu nó giỏi quá, mà có nơi nào ngắm ghé nó chưa vậy chị?

⁵ Người "chân chỉ hạt bột" là người ít nói, ít giao tiếp với ai, chỉ chăm chú làm việc

- Chưa đâu chị! Nó còn đi học chị à!

Bà Phủ bót lo lắng, vì biết rằng chưa có ai đi dạm hỏi Mỹ: một bước đầu khó khăn đã vượt qua. Bà nói rõ thêm về người cháu mới đậu ra giáo sư:

- Thời buổi này, thanh niên đều bị động viên, cũng khổ thiết, mà thằng cháu của tôi nó không đi lính là điều phước đức quá!

Bà kỹ sư ngạc nhiên:

- Ủa, nó không bị động viên sao chị?

Với vẻ đắc chí, bà Phủ tiếp lời:

- Dạ không chị à! Cái hay là chỗ đó, trong khi lớp tuổi của nó đều bị kêu đi trình diện, mà nó khỏi đi... , chị Hai biết sao không, vì nó là con trai độc nhứt trong gia đình nên được miễn!

Nói đến đây, bà ngừng lại, chờ xem phản ứng của bà kỹ sư. Thấy bà kỹ sư chăm chú nghe, bà Phủ tiếp tục nở nụ cười:

- Bởi vậy, thấy gia đình mình biết nhau từ lâu, nhà anh chị là nhà danh giá, tôi cũng muốn gởi gắm thằng cháu tôi có nơi đàn ông, nếu cháu chưa có nơi nào, thôi để dành cho tôi đi!

Nói đến đây, bà ngập ngừng... , trong khi bà kỹ sư làm thinh giây lâu rồi cho ý kiến bằng một câu lửng lơ:

- Cháu Mỹ coi nó lớn vậy mà tánh tình nó còn con nít lắm...

Bà Phủ giả bộ như không thiết tha:

- Việc dựng vợ gả chồng đâu phải gấp rút được, mình còn thời giờ thư thả, miễn anh chị đồng ý thì lúc nào chẳng được!

Suy nghĩ giây lâu, bà thêm vào:

- Nhưng con gái lớn rồi, được nơi nào nên gả nó, cho cha mẹ yên lòng!

Bà kỹ sư vui vẻ:

- Chị có ý vậy, tôi cảm ơn chị lắm, tôi sẽ nói lại cho nhà tôi biết, mình còn thời giờ, phải không chị?

Bà Phủ cũng không muốn tỏ vẻ quá vội vàng, vì biết rằng việc mai mối này còn trong tình trạng chờ đợi, còn phải có ý kiến của nhiều người, bà đứng dậy cáo từ:

- Thôi, để tôi xin kiếu chị Hai, nhà tôi cũng ở chỗ cũ trong Chợ Lớn, tháng sau, tôi trở lại thăm anh chị, không sao, chờ thông thả anh chị cho tôi biết cũng không muộn. Coi vậy mà không phải dễ, còn coi tuổi, phải cho hai đứa giáp mặt nhau, rồi mới tính thêm nữa... Cho tôi kính lời thăm bà nội, kính lời thăm anh!

Bà kỹ sư tiễn khách ra cửa:

- Cảm ơn chị Phủ lắm! Để tôi bàn lại rồi có gì sẽ cho chị biết sau!

Ngay vừa lúc đó, Mỹ đi xe đạp về.

- A! con gái tôi về tới đây rồi! - bà kỹ sư vui vẻ cho biết - và quay lại con, bà hỏi:

- Mỹ con, con có nhớ ai không?

Mỹ cúi đầu chào, ngập ngừng, không nhớ rõ khách là ai, hơi lúng túng. Trong lúc đó, bà Đốc Phủ nhìn Mỹ từ đầu xuống chân vừa nói:

- Cha, con gái lớn lên coi đẹp quá, xem dáng cháu thật là dễ thương!

Bà vồn vã hỏi tiếp:

- Cháu có nhớ dì không, dì là dì Phủ nè!

Mỹ cố nhớ lại, nhìn về phía mẹ:

- Phải dì Phủ lúc trước có xuống nhà mình mấy lần, lần nào cũng cho con bánh ăn đó, phải không má?

Bà Phủ mừng quá:

- Cháu nói một câu làm dì mát ruột quá, cháu có trí nhớ giỏi thiệt! Nói chuyện có duyên quá! Hồi tôi thấy nó sau cùng là cháu 13, 14 tuổi gì đó mà...

Ngay sau khi khách ra về, bà kỹ sư lên lầu gặp bà nội, tường trình tự sự và hỏi ý kiến bà.

- Việc này cũng khó chớ không dễ đâu con! - lời bà nội - Không biết con Mỹ nó có chịu hay không? Mình cũng không biết nó quên thằng Tấn chưa nữa chớ? "Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên"?

- Bởi con biết vậy, con đâu có hứa hẹn gì với chị Đốc Phủ! Tối nay, con nói cho nhà con biết, xin má giúp ý kiến luôn.

Tối hôm đó, sau khi cơm nước xong, Mỹ lên lầu học bài, ông bà kỹ sư và bà nội ngồi trong phòng khách chờ nghe hát cải lương của Đài Phát Thanh Sài Gòn. Bà kỹ sư vô đề, ông kỹ sư vặn tắt đài. Việc bàn luận kéo dài gần một tiếng đồng hồ. Sau cùng, ông kỹ sư kết luận:

- Mình tính như vậy cho tiện: Cháu chị Phủ có bằng Đại Học mà lại khỏi bị đi lính, là tốt lắm, đúng ý tôi lắm, nó chỉ thiếu phần đi học Pháp, nếu sau này, nó đi tu nghiệp được bên Tây thì càng hay. Mặt khác, mình có hứa với thằng Tấn gả con Mỹ cho nó khi nào nó làm xong hai việc yêu cầu, khi mình hứa là phải giữ lời. Vậy thôi hãy đợi cho đến khi nào con Mỹ thi xong Tú Tài, hai năm nữa, tới chừng đó nếu thằng Tấn không làm được, mình xoay qua cháu chị Phủ. Má nó trả lời cho chị Phủ biết là con Mỹ còn đi học, chờ cho nó thi xong Tú Tài rồi hãy tính tới.

Trong một xã hội "trọng nam khinh nữ", việc hôn nhân cho con gái đều do cha mẹ định đoạt. Hôn nhân là quan trọng, nhưng người quan trọng nhất trong đó không có tiếng nói, không có mặt, đó là cô gái.

Cũng có nhiều bậc cha mẹ không lo cho con, hoặc kén chọn quá, để con phải than phiền, thể hiện qua câu hát ru em:

"Thôi thôi, buông áo em ra,

Đặng em đi bán kéo hoa em tàn,

Hoa tàn vì bởi mẹ cha,

Khi búp không bán để tàn ai mua?"

Một Tin Bất Thường

Hai tuần lễ sau đó...

Nhà ông kỹ sư sắp sửa dùng cơm chiều. Một chiếc xe tắc xi chạy đến đậu trước nhà, Tấn vội vã đi vào. Cả nhà ngạc nhiên vì từ lâu nay anh không dám đến, anh chỉ lén lút gặp Mỹ hoặc ở vườn chơi hay trong quán kem. Mỹ cũng hết hồn. Lần này, anh đến với vẻ trịnh trọng, ông kỹ sư miễn cưỡng chào anh.

Anh vô đề ngay:

- Dạ thưa bác! Hôm nay, cháu có giấy giải ngũ...

Ông kỹ sư chưa tin hẳn lời anh nói, nhìn anh chăm bẵm, bán tín bán nghi, nói nhỏ vừa đủ trong gia đình nghe: "Lạ kìa! Làm gì mau quá vậy"?

Trong khi cả nhà đang sửng sốt với tin vô cùng chấn động trên, anh nói tiếp:

- Dạ cháu cũng có mua giấy máy bay đi Pháp rồi nữa!

Ông kỹ sư càng giựt mình hơn, bà kỹ sư cũng ngạc nhiên, nhưng vui ra mặt:

- Đâu ba nó xem kỹ lại coi!

Tấn đưa sắp giấy tờ cho ông, ông đeo kiếng vào mắt, vặn sáng đèn điện trên bàn, đọc tới đọc lui, nhìn kỹ chữ Air France màu xanh dương với hình chiếc máy bay:

- Ủa, như vậy là còn sáu ngày nữa cháu đi rồi à?

- Dạ phải- anh bình tĩnh trả lời - dạ, cháu làm theo lời bác dạy.

Lần đầu tiên từ ngày ông kỹ sư cho thầy giáo nghỉ, Tấn được mời ở lại dùng cơm gia đình, nhưng anh xin phép được miễn vì có hẹn đi thử quần áo. Tuy vui mừng, nhưng anh vẫn còn tỏ ra dè dặt, giữ khoảng cách với Mỹ; Mỹ hồi hộp nhiều, nhưng trước mặt cả gia đình, nàng ráng giữ khế theo đúng lễ giáo.

Riêng ông kỹ sư tỏ ra bối rối hơn. Tối hậu thư ông đưa ra "phải có giấy giải ngũ và giấy máy bay đi Pháp" đã được thỏa mãn, ông không còn lý do nào

để ngăn cản việc hôn nhân. Nhưng ông là người quân tử, giữ lời hứa, ông vừa vui vừa lúng túng.

- Chà! Như vậy, mình phải tính gấp, - lời ông, - mà sao cháu mua giấy máy bay sớm quá vậy, làm sao đủ thời giờ làm đám cưới?

- Dạ thưa bác, cháu thương Mỹ lâu quá rồi, cháu muốn tính càng sớm càng tốt.

Anh phân trần tiếp:

- Dạ thưa bác, bác dặn sao, cháu phải làm theo lời bác...

Bà kỹ sư còn lo hơn nữa, mặc dầu bà là người vui sướng nhứt sau Mỹ, bà cắt đứt lời của Tấn:

- Thôi, tôi hiểu rồi, tại nó sợ mất con Mỹ mà!

Ngừng một giây, bà nói tiếp:

- Cháu cũng thiệt tình quá! Cháu khờ quá, chuyện đâu còn có đó, trước khi ghi chỗ lấy giấy máy bay, theo lẽ cháu cho gia đình bác biết để góp ý kiến với cháu ngày nào hãy đi. Bây giờ gấp rút quá, làm sao cho bà con hay kịp?

Vì thời gian cấp bách, chỉ còn sáu ngày, ông kỹ sư quyết định cho làm lễ cưới vào ngày trước khi Tấn lên đường.

- Tối nay - ông nói với Tấn - để hai bác bàn tính, ngày mai, cháu trở lại, bác cho cháu biết chương trình làm lễ cưới.

Sau khi Tấn ra khỏi nhà, ông kỹ sư vừa lắc đầu, vừa cười cười, nói với gia đình:

- Tôi cũng phục thằng này quá, người ta bị kêu động viên không còn một móng, không hiểu bằng cách nào, nó lại được giải ngũ, lại được cho đi Pháp, đâu phải dễ?

Bà kỹ sư được trớn, nói móc ông:

- Chuyện khó khăn như vậy mà ông biểu con người ta làm... , đó, ông thấy nó thương con mình tới mức nào chưa?

Ông kỹ sư gật gật đầu, tỏ vẻ đắc chí, rồi ông quay sang cô con gái:

- Vậy mà nó có nói gì với con về việc giải ngũ không?

- Dạ mấy lần con hỏi, anh nói phải chờ, không biết có được không?

Đêm đó, ông bà kỹ sư thao thức sáng đêm...

Riêng Mỹ, nàng cảm thấy lòng rộn rã...

CHƯƠNG 8

Cuộc Đua Nước Rút

Trước Ngày Lễ Cưới

Năm giờ sáng ngày N là ngày máy bay Air France cất cánh từ phi trường Tân Sơn Nhứt bay qua Paris. Tấn có tên trong danh sách hành khách.

Chiều ngày N-3, tức là còn ba ngày nữa Tấn lên máy bay, anh đến nhà ông bà Năm, thương gia ở Gia Định:

- Dạ thưa hai bác, xin bác giúp con, con không có bà con thân thích nào ở Sài Gòn... mà hai ngày nữa, con cưới vợ, xin bác chỉ giùm con phải làm gì?

Anh mở đầu câu chuyện với ông bà Năm, lúc đó ông bà vừa xong bữa cơm chiều. Ông bà Năm vui vẻ:

- Cháu là bạn của thằng Tư, (con của ông bà Năm, sĩ quan đang đóng ở Vùng Cao Nguyên), bác xem cháu như con trong nhà, cháu muốn gì, hai bác sẵn sàng giúp cho.

Tấn kể cho hai ông bà từ ngày ra trường đối đi đơn vị chiến đấu và gặp Mỹ, cùng những khó khăn gặp phải khi cha của nàng không đồng ý và ra điều kiện cho anh, anh kể tiếp:

- Con xin hai bác làm đại diện cho gia đình con, vì má con ở tận Bến Tre, không thể làm gì hơn là lên đây cho có mặt, con đã đánh điện tín cho má con hay để dự lễ cưới. Con cũng không có bạn bè hay bà con ở đây!

Bà Năm với vẻ chơn tình, trách Tấn:

- Làm đám cưới mà có hai, ba ngày, làm sao cho kịp cháu?

Tấn lắc đầu:

- Dạ, con cũng không biết làm sao hơn, xin bác giúp đỡ cho con! Từ khi nhận được giấy tờ đi Pháp, con chạy tối mày tối mặt, nào lo đi khám sức khỏe, đến Sở Hối Đoái đổi tiền, vô Tòa Đại Sứ Pháp xin giấy nhập cảnh, lo đặt quần áo, đi mua sắm...

Bà Năm kêu mấy đứa con lớn ra, vui miệng cho hay:

- Anh Tấn tụi bây tính cưới vợ nè, ngày mốt làm đám cưới, tụi bây phụ với ba má một tay để giúp nó.

Nhắc lại bốn năm về trước, Tấn và con bà cùng học chung Khóa 1 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, Tấn có ghé nhà ông bà Năm chơi nhiều lần, nên được xem như con cháu trong nhà. Lúc đó, em cháu trong nhà biết Tấn có đạo (Thiên Chúa) và thấy Tấn hiền lành nên thường chọc phá anh:

- Sau này, anh cưới vợ, vợ anh phải vô đạo không?

Tấn không chút ngập ngừng:

- Vợ anh phải theo đạo anh, không thì anh không cưới!

Mấy cô em không vừa:

- Khi cha mẹ bắt chàng rể phải lạy bàn thờ ông bà, anh làm sao?

- Nhứt định không lạy đâu - anh khẳng định.

Thời gian trôi qua, sau khi ra trường, con ông bà Năm và Tấn đối đi xa, mỗi người mỗi ngả. Không ngờ hôm nay, Tấn trở lại nhờ ông bà Năm giúp anh trong lễ cưới.

Muốn hiểu rõ để làm theo đúng phong tục, vì biết anh có đạo, bà Năm hỏi:

- Vậy mà cháu cưới vợ, có làm lễ ở nhà thờ không vậy cháu?

Tấn ấp úng, hơi ngượng ngùng:

- Thừa bác, gia đình bên nhà gái là đạo Phật, chắc là lễ phải làm theo đạo Phật!

- A, như vậy thì mình phải lo mua sắm cặp đèn, hoa quả, nói chung là lễ vật cúng bàn thờ tổ tiên.

Nghe bà Năm nói, Tấn thấy giựt mình, đâu nghĩ rằng lễ cưới khó khăn và rắc rối như vậy. Ông Năm từ nãy giờ ngồi nghe, thêm vào một câu làm anh chới với:

- Theo tục ông bà, phải lạy trước bàn thờ gia tiên nữa đó cháu...

Tấn càng bối rối thêm, nhìn ông Năm như cầu cứu:

- Thưa bác, lạy dễ mà bác, con thấy người ta cứ quỳ xuống đứng lên mấy cái là xong...

Ông Năm vụt cười lớn tiếng:

- Lạy không dễ đâu cháu, phải học cho đúng cách, lúc nào cung tay trước ngực, đưa lên trán, lúc nào đưa đầu gối lên, lúc nào quỳ xuống, lạng quạng té trước bàn thờ, không nên đó nghe cháu! Ngày đó là ngày quan trọng, người ta cứ lằm, rủi xiểng niểng cũng không được đâu!

Ông còn "dọa" thêm:

- Khi lạy, cô dâu chàng rể đứng trước bàn thờ, con còn phải liếc mắt qua vợ con, chờ vợ con, để hai người lạy cùng một lượt!

Tấn ngó qua ngó lại, thấy thân phận mình lẻ loi quá, đi đâu cũng gặp toàn bức rào lễ giáo, nhưng đã "lên lưng cọp rồi", anh không thể xuống, nhút là vì nàng mà anh phải hy sinh tất cả.

Nghĩ lại, anh thấy khó khăn lớn nhất là tối hậu thư của ông kỹ sư, anh đã vượt qua, bây giờ, đến nước này, chỉ còn vài "chuyện lẻ tẻ", anh tự an ủi: "Ráng tiến tới".

- Thưa bác - anh nói tiếp - xin bác dạy con lạy luôn, nhưng để mai hay mốt, giờ cũng tối rồi, xin hai bác cho con biết hai bác giúp được gì cho con, còn phần con, con phải làm gì?

Bà Năm phân công: ông bà lo phần cặp đèn cầy, mâm quả, khay trầu rượu, mâm trầu cau; còn phần bánh, trái, trà, rượu, ông bà chỉ cách cho Tấn đi mua. Bà Năm còn dặn kỹ:

- Cháu mua mỗi thứ phải có cặp đi đôi với nhau, không được mua lẻ vì trong đám cưới, ông bà mình kỵ con số lẻ lắm. Cháu phải lo phần nữ trang nữa, mọi việc phải xong xuôi trước ngày cưới, tức là nội trong ngày mai. Mình chỉ còn ngày mai để mua sắm, cháu ráng lo đi!

Bà Năm cho biết thêm là ông bà sẽ đem mọi vật dụng sẵn sàng đến nhà anh trong khuôn viên Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế sáng ngày lễ cưới.

Sau khi Tấn ra về, ông Năm hỏi bà Năm, vì ông cũng thắc mắc như ông kỹ sư:

- Người ta bị kêu đi lính mà sao thằng Tấn lại được giải ngũ kìa?

Bà Năm chột nhót:

- Phải rồi, vậy để mình sẽ hỏi nó coi làm sao! Mà cũng ngộ, tiền đâu nó có để đi Tây?

Hôm Nay, Ngày Cưới Em...

Sáng sớm năm giờ, gia đình ông bà Năm cùng một cậu trai và bốn cô gái trong nhà đã đến căn phòng Tấn ở, lo sắp đặt lễ vật vô bốn quả, một khay trầu rượu, một mâm trầu cau với cặp đèn.

Anh mừng lắm, nhưng cũng quá mệt.

- Tối hôm qua - lời anh than thở - con đi chợ Sài Gòn để mua đồ do hai bác dặn, 12 giờ khuya, con còn ở ngoài đường!

Anh là một người thành thật, lại ít chung đụng với đời, vì từ nhỏ cho đến lớn, anh ở trong dòng tu, do đó, trong cách xử sự ngoài đời, anh không lanh lợi lắm. Khi đi mua đồ hôm qua, mấy cô, chú bán hàng có lẽ được lời khá nhiều: ai nói giá bao nhiêu, anh đều đồng ý, anh không quen mặc cả, hơn nữa, trong tình thế gấp rút này, anh chỉ muốn cho xong việc.

Trong khi mọi người lo sắp xếp mâm quả, Tấn nói với ông Năm:

- Xin bác dạy con lạy!

Ông Năm liền kêu anh đến chỗ trống để dạy cách lạy. Khi anh quỳ xuống, cong lưng, đứng lên tay chắp lên trán, lên ngực, con cháu ông bà Năm đứng núp trong góc phòng cười lén với nhau vì nhớ mấy năm về trước anh cho biết là anh không bao giờ chịu lạy khi cưới vợ. Thế mới biết tình yêu có sức mạnh vô song, tình yêu hoán chuyển cuộc đời sang một lối khác. Anh tự nhủ: "Vì yêu nàng, mình không sợ khó khăn".

Theo chương trình:

- 10 giờ sáng, lễ cưới tại nhà gái;
- 12 giờ trưa, tiệc do nhà gái đãi tại nhà;
- 6 giờ chiều, nhà trai đãi hai họ tại nhà hàng Đồng Khánh, Chợ Lớn.
- 4 giờ sáng đêm đó, chàng rể phải có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhứt để làm thủ tục xuất cảnh, 5 giờ, máy bay cất cánh.

Trong nhà đang sửa soạn, ngoài đường có một chiếc xe tắc xi đến đậu trong sân nhà dòng. Từ trong xe, anh Hai của Tấn dìu bà mẹ bước ra, bà bị mù lòa, phải nhờ con dẫn đi từng bước một. Tấn mừng quá, lật đật chạy ra phụ:

- May quá, má với anh Hai tới vừa đúng lúc.

Anh Hai kể lại hành trình vất vả, thức 3 giờ khuya từ nhà, đi xe lam ra bến bắc Rạch Miễu, từ đó qua Mỹ Tho, và đợi xe đò để lên Sài Gòn, khi đến Sài Gòn, phải nhờ tắc xi tìm đến Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế.

Anh Hai kể tiếp:

- Má không thấy đường, vì vậy, đi rất chậm, anh tưởng trễ giờ rồi đó chớ!

Gần 10 giờ, nhà trai ra xe, vồn vện mười người: chàng rể, mẹ và anh chàng rể, ông bà Năm cùng bốn cô gái; cậu con trai làm rể phụ. Một chiếc tắc xi và xe nhà ông bà Năm chở số người trên cùng đồ cưới, mâm quả, chạy đến nhà ông bà kỹ sư.

Trên đường đi, Tấn cho biết có đặt tất cả ba bàn tiệc tại nhà hàng Đồng Khánh trong Chợ Lớn vào buổi tối, đủ cho 36 thực khách. Vì gia đình nhà gái cũng chỉ chiếm khoảng hai bàn (mỗi bàn 12 người), Tấn xin ông bà Năm kêu giùm em cháu trong nhà đi dự tiệc tối cho thêm đông người. Bạn bè của Tấn, anh không mời ai cả, kể các sĩ quan cùng làm chung với anh, có thể hiểu sự thiếu vắng này là do tánh rụt rè của anh, ít chơi với bạn và cũng vì gấp rút quá.

Theo lễ, lễ cưới phải được tổ chức linh đình vì đây là lần đầu tiên có đám cưới và là lễ vu quy cho con gái út duy nhứt, nhưng vì không rộng thời giờ, bên nhà gái chỉ có thể trang trí trên bàn thờ mà thôi. Không có cổng kết tua kết tuôi

bằng lá dừa và giấy đồng đình, chỉ có tiếng pháo nổ vang để đón nhà trai và đó cũng là báo hiệu ngày vui cho hai họ.

Điểm nổi bật là bàn thờ được chưng dọn rực rỡ, đèn thấp sáng, hoa quả đầy đủ màu sắc, không thể thiếu ba loại trái cây của bà nội là Trái Dừa, Trái Đu Đủ và Trái Xoài. Họ hàng nhà trai bước vào, đặt lên bàn dài trước bàn thờ mâm quả cưới có lưạ đỏ phủ lên trên. Đàng trai và đàng gái đứng ra hai bên; chú rể phụ rót rượu ra hai cái chung, bưng khay trầu rượu đi với đại diện nhà trai là ông Năm. Đến đối diện với ông kỹ sư, ông Năm xin họ đàng gái nhận lễ vật và xin phép cho làm lễ cưới.

Kế đến, ông kỹ sư đốt cặp đèn cầy cưới, vái trước bàn thờ, gắn lên chân đèn, xong ông đốt nhang khấn vái. Tiếp theo, ông Năm xin cho cô dâu ra trình diện.

Lễ trao nhẫn cưới và quà cho cô dâu tiếp liền sau đó. Cô dâu chàng diện rất xinh, trong chiếc áo dài gấm đỏ có thêu hình long phụng, tóc xỏa qua một bên để lộ làn da trắng mịn sau ót. Chiếc áo dài này, cô mới đặt may cấp tốc cho kịp lễ cưới.

Chàng rể và cô dâu đến lạy trước bàn thờ, trong bầu không khí trang nghiêm và lặng lẽ. Ông Năm vốn là người rất rành về thủ tục cưới hỏi, ra đứng gần cô dâu chàng rể, và quay về phía hai họ, ông nói:

- Kính thưa hai họ, lễ lạy bàn thờ gia tiên vừa xong, xin phép hai họ cho cô dâu chú rể đến lạy bà Nội là bậc trưởng thượng nhất trong lễ cưới này!

Bà nội hôm nay mặc áo dài nhung đen bóng mượt, tay đeo vàng vòng, trông bà rất vui; thấy hai cháu bước đến gần sắp lạy mình, bà thối thác:

- Thôi con, tội nghiệp con, Nội cho miễn lạy đó, xá Nội đủ rồi!

Ông Năm còn tiếp theo đúng nghi lễ:

- Thôi, bà Nội miễn cho hai con, bây giờ, còn đấng sanh thành, hai con phải lạy lạy cha mẹ nữa!

Bà mẹ của Tấn và ông bà kỹ sư quay về phía con mình, như cùng một ý kiến, là miễn cho chàng rể và cô dâu lạy:

- Xá đủ rồi con!

Sau nghi thức đó, ông kỹ sư mời hai họ ngồi vào bàn. Tiệc trưa hôm nay do nhà gái khoản đãi tại nhà. Thật ra, thực khách không đông, chỉ có mười mấy người, kể cả nhà trai và nhà gái, ngồi hai bên một bàn dài. Sau khi hai họ ngồi đầy đủ, ông kỹ sư cất tiếng:

- Tôi rất cảm ơn bà con cô bác, xin lỗi bà con vì thời giờ gấp rút, không thể mời thêm cho đông đủ, không thể làm lễ cưới linh đình hơn!

Nói xong, ông kêu con gái và chàng rể lên đứng cạnh ông ở đầu bàn.

Mỹ cùng Tấn bẽn lễn bước lên; nhìn về phía con gái, ông hỏi:

- Ba hỏi con việc này: con có thương thằng Tấn không?

Gái Việt Nam thời đó không dạn dĩ như gái Âu Mỹ để nói "I do", Mỹ đỏ mặt, bối rối, ngó xuống đất, không trả lời... ; cô liếc mắt nhìn Tấn và hai họ rồi nhếch miệng mỉm cười để lộ hàm răng trắng. Với vẻ e thẹn, cô chớp đôi mi lên xuống, bỗng nhiên, hai dòng lệ từ từ chảy dài trên má.

Ông kỹ sư nói tiếp:

- Thôi, con không nói, nhưng ba biết rõ tình thương của hai đứa con...

Vừa nói, ông móc trong túi ra một cây viết máy Parker thật đẹp, loại mắc tiền, rồi quay qua chàng rể, ông nói tiếp:

- Ba tặng cho con cây viết này, chùng nào qua Pháp, con dùng cây viết này để viết thư thăm vợ con!

Trong số bà con thân thiết của ông, chỉ có Dì Dượng Tám Ô Môn (nhà ở Ô Môn) và hai bác Hai Phụng Hiệp (nhà ở Phụng Hiệp) kịp lên tham dự. Lên bàn ăn, Dì Tám Ô Môn tâm tình với cô dâu:

- Ba con làm đám cưới gấp quá, dì dượng không kịp may đồ mới để bạn đi đám cưới con!

Nói xong, Dì móc ra trong bóp xách tay một bao thơ:

- Thôi dì dưỡng có chút này, tặng hai con, chúc hai con "đầu năm sanh con trai, cuối năm sanh con gái"!

Ai nấy đều bật cười vì lời chúc "nhiều con" của Dì Tám. Nhờ đó, bầu không khí trở nên nhộn nhịp hơn. Ông kỹ sư nổi lời:

- Nghe dì Tám nói "đầu năm con trai, cuối năm con gái" mà tôi mệt luôn!

Đến phiên bác Hai Phụng Hiệp, ông là người có học Hán tự nên lời chúc của ông phảng phất đạo Nho:

- Đi đám cưới mà bận đồ lôi thôi như vậy, hai bác đâu muốn đi, nhưng thương tội cháu quá, nhứt là thương ba má con, hai bác phải ráng đi, bỏ lúa đang phơi ở nhà cho đám nhỏ nó coi.

Rồi ông dài dòng văn tự, khuyên cô dâu phải giữ "tam tùng tứ đức", phải phụng dưỡng nhà chồng, phải phục tòng chồng, sau cùng, ông kết luận:

- Hai bác chúc cho hai cháu "Loan Phụng Hòa Minh, Sắc Cầm Hảo Hiệp, Bách Niên Giai Lão"!

Mọi người vỗ tay, vừa cười thầm sau khi nghe bài học luân lý về bốn phận con gái sau khi có chồng.

Cảm động nhứt là lời chúc mừng của dì Tư giúp việc. Hôm nay, mặc dầu phụ lo cho bữa tiệc, dì mặc tươm tất hơn mọi ngày trong chiếc áo dài bằng the đen. Đã lâu lắm rồi, dì chưa có dịp mặc áo dài, do đó, lần xếp áo còn hiện ra thấy rõ. Thừa lúc bà con chấm dứt chúc tụng cô dâu chú rể, dì bước đến gần cô dâu vừa nói vừa rưng rưng nước mắt:

- Dì Tư thương cháu quá, mấy mươi năm nay ở trong nhà ông bà, dì mền tay mền chân với cháu, hồi cháu nhỏ dì tắm rửa cho cháu, lo từ chút cho cháu, bây giờ cháu có chồng, dì làm sao lo cho cháu được nữa...

Nói đến đây, dì nghẹn lời, môi rung rung, mắt đầm ướt. Giây lâu, dì nói tiếp:

- Dì sợ cháu cực khổ mà hồng có dì ở gần để lo cho cháu như hồi đó tới giờ... , thôi đây, dì có chắt mót chút ít để tặng cho cô dâu chú rể, đây là tấm lòng của dì, của ít mà lòng nhiều!

Nói xong, dì choàng tay lên ôm hôn cô dâu, nước mắt của dì làm ướt một bên má nàng.

Tiệc tàn, Tấn lật đật đưa mẹ trở về nhà nghỉ ngơi để còn dự buổi tiệc tối. Anh có nhiều mối lo, vì vậy, nụ cười hạnh phúc của anh không che lấp được nét bơ phờ trên khuôn mặt.

Đêm Tân Hôn

Trở về nhà, ông bà Năm kêu thêm nhiều người đi dự đám cưới buổi tối, vì bà con trong gia đình bà rất đông. Phần Tấn, anh chẳng có bà con hay bạn nào ở Sài Gòn. Do đó, vài em cháu lớn tuổi trong gia đình ông bà Năm đều bị "động viên" đi ăn tiệc cưới miễn phí. Bà Năm nói với con cháu:

- Tụi bây đưa nào muốn ăn tiệc cưới, sửa soạn quần áo tối nay đi!

Nhờ đó, buổi tối, bên đàn trai có tất cả 12 người; nhà gái chiếm hai bàn. Phí tổn cho tiệc tối này do nhà trai trang trải, tức là Tấn phải chi hết.

Trong số bà con ruột trong gia đình, ông bà kỹ sư chỉ có thể mời được hai bác Hai Phụng Hiệp và Dì Dượng Tám Ô Môn, kỳ dư quan khách khác là bạn bè trong sở mới của ông tại Bộ Canh Nông.

Bữa tiệc diễn ra trong niềm hân hoan của mọi người, nhứt là quan khách trẻ trong sở làm của ông. Vào thời đó, việc đi du học Pháp là một ước mơ của tuổi trẻ, và đối với mọi người, đó là điểm phúc cho gia đình. Nhiều bậc phụ huynh mong mỏi có con cháu đi Tây mà không được. Một số khách đến hỏi han Tấn, chúc sớm thành tài, có người nói đùa với Tấn:

- Làm gì làm chớ đừng quên vợ nhà nghe cháu, coi chừng mấy con đầm nha!

Có người còn "phá" cô dâu:

- Cháu có sợ mấy cô đầm bắt cóc chồng cháu không?

Một ông đứng tuổi hơn, lại gần Tấn hỏi thăm về việc giải ngữ:

- Bác có thằng cháu cũng đi sĩ quan Thủ Đức, cháu làm sao mà được giải ngữ, có thể mách nước cho bác để bác lo cho nó hay không?

Tấn giựt mình, nghĩ trong bụng "chuyện này là bí mật của mình, đâu dám nói ra", anh làm thinh vì chưa tìm được câu trả lời thỏa đáng. Ông kia hỏi tiếp:

- Tốn tiền nhiều không cháu?

Suy nghĩ giây lâu, anh tìm được câu "nói láo", nhỏ nhẹ trả lời:

- Dạ thưa bác, gia đình cháu có người làm lớn trong chánh phủ, người đó giúp cháu, chớ không tốn tiền bạc gì hết!

Tiệc cưới kéo dài gần đến 12 giờ khuya, Tấn là người vui nhứt và là người vất vả nhứt, vui nhứt vì cưới được người anh yêu, qua bao cay đắng mùi đời, vất vả nhứt vì lo lắng quá độ từ khi nhận được giấy tờ giải ngữ và xuất ngoại, lại còn sửa soạn đêm nay lên đường vượt trùng dương.

Lúc ra về, Tấn hớt hơ hớt hải chạy lại hỏi ông Năm:

- Bác ơi, bây giờ con về nhà con được không bác?

Ông Năm là người hiền lành, ít khi mắng rầy ai, tối nay, ông nói lớn tiếng:

- Không được, con mới cưới vợ, mệt cũng phải ráng chịu, về nhà vợ ở, rồi khuya con mới ra phi trường!

Lúc đó, Tấn trở thành con người máy, ai nhận nút đâu, người máy làm theo đó: anh lật đặt đưa mẹ và anh Hai về nhà Nhà Dòng Chúa Cứu Thế, rồi trở lại nhà vợ mới cưới, để hơn một giờ sau lại trở về nhà sắp sửa hành lý lên phi trường cho kịp giờ máy bay cất cánh.

Người ta thường nói, đời người có những lần vui sướng nhứt, "Động Phòng Hoa Chúc Dạ" (Đêm Tân Hôn) là một trong số đó.

Nhưng đêm tân hôn này là một cuộc đua nước rút với thời gian, giống như chạy giặc, do đó, Tấn chỉ được gần gũi với người vợ mới cưới trong giây phút ngắn ngủi, trong khi đó, mắt anh nhìn đồng hồ nhiều lần, vì sợ trễ chuyến bay.

Với một thân thể mệt mỏi rã rời và đầu óc rối như tơ vò, làm sao anh tận hưởng được nét "sắc nước hương trời" của người đẹp từng mong đợi đã mấy năm qua?

Giây phút hạnh phúc ngắn ngủi trôi qua quá nhanh, lại đến giờ chia tay, đôi uyên ương bịn rịn không muốn rời nhau. Mỹ đầm đìa nước mắt, nước mắt hạnh phúc và nước mắt chia ly!

- Thôi, can đảm lên đi em - Tấn an ủi nàng mà cũng tự an ủi mình - vài năm sau mình sẽ gần nhau...

Và để trấn an vợ, anh vỗ về:

- Cũng nhờ ơn ba mình đó em, nhờ ba mình đưa ra điều kiện, anh mới được giải ngũ, qua Pháp học, lại cưới em; ơn ba, anh sẽ nhớ suốt đời!

Mỹ âu yếm:

- Mà cũng tại anh hết, ai biểu ghi giấy máy bay gì gấp quá vậy, phải để một tháng sau ghi có hay hơn không? Sao không hỏi ý người ta trước?

- Người ta là ai?

- Là em chứ ai?

Tấn buồn buồn nhận lỗi:

- Đúng là anh khùng thiệt, tại vì anh quá thương em, tại vì anh sợ mất em!

Lại ôm nhau một hồi lâu nữa, mỗi giây phút kéo dài là muốn nắm nín lại thiên đường đang rời khỏi tầm tay!

Trở về với thực tế, anh dặn dò:

- Anh về nhà sửa soạn rồi lên phi trường trước, em với ba má đến sau gặp lại trên đó, anh sẽ nói cảm ơn ba!

Mặc dầu là 3, 4 giờ khuya, phi trường Tân Sơn Nhứt vui như ngày đại hội: đèn điện sáng trưng, khách và gia đình tiễn đưa rộn rịp trong phòng đợi. Bên ngoài khung cửa kính, chiếc máy bay Air France đậu sẵn ngoài bãi, chung quanh có người của hãng máy bay lao xao đồ xăng, đem thức ăn và hành lý lên.

Ông bà kỹ sư và Mỹ vừa mới đến, đảo mắt nhìn quanh tìm Tấn.

Có tiếng loa của hãng Air France kêu tên Tấn đến bàn giấy lập thủ tục lên phi cơ, soát hành lý, khai báo với sở quan thuế... Sốt ruột, Mỹ chạy lên chạy xuống tìm chồng, trong khi ông bà kỹ sư cũng đảo mắt cùng khắp.

Tiếng loa kêu Tấn lần thứ hai. Ông kỹ sư chắc lưỡi lắc đầu:

- Chà, không chừng nó dám trễ máy bay lắm!

Năm phút sau, lại tiếng loa của phi trường kêu tên Tấn lần thứ ba và lần chót. Cửa phi trường mở cho lối ra máy bay, hành khách sắp hàng dài hơn hờ bước tới. Ngoài kia, chỗ máy bay đậu, đã có sẵn nhân viên phi hành đứng chờ đón tiếp khách ở cầu thang.

Ông bà kỹ sư cùng với con gái càng lo hơn nữa, ông quay nhìn về hướng xe từ ngoài cổng chạy vào phi trường.

Bỗng đâu, có một chiếc tắc xi chạy đến, Tấn bước ra khỏi xe, ông kỹ sư mừng quá:

- Con ơi! Lẹ lên đi con! Người ta kêu tên con ba lần rồi, chạy lẹ lên con!

Tấn chỉ còn thời giờ ôm cặp da, xách áo choàng ngoài, và hành lý để vội vã phóng đến quầy ghi vé, không kịp nói một lời từ giả với ông bà kỹ sư và người vợ yêu quý, cũng không nói được lời cảm ơn ông nhạc gia như anh mong muốn.

Anh là người chót nhứt bước lên cầu thang máy bay, vừa thở hổn hển và quay lại nhìn về phía sau lần chót!

Trong bài thơ "Chùa Hương", thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp tả một cô gái 16 tuổi đi chùa cùng với "thầy me", và đoạn cuối, cô gặp một chàng trai tuần tú, văn hay, cô khẩn nguyện:

"Em cầu xin Giới Phật

Sao cho em lấy chàng".

Đoạn kết luận, nhà thơ viết:

"Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin hai người lấy nhau... Lấy nhau rồi là hết chuyện".

Thiên tình sử của chàng trai lính chiến và cô gái bên song cửa, nếu đến đây kết thúc như chuyện cô gái đi Chùa Hương, thì đời quá đẹp!

Tiếc thay, đường đời lắm nỗi chông gai, nhứt là trong thời ly loạn, cộng thêm nề nếp xã hội nho phong, cưới nhau rồi, tưởng được gần nhau, không ngờ hai kẻ yêu đương lại "ngàn trùng xa cách", ngày đêm cô phòng vắng lặng, chờ một ngày xum họp còn quá xa vời!

CHƯƠNG 9

Ngàn trùng xa cách

Đời Sinh Viên

Tiết tháng ba vào cuối đông, tuyết vẫn còn nhẹ nhẹ rơi trên đường phố Paris.

Từ khung cửa nhỏ nhìn ra, Tấn thấy cảnh trời âm u, anh càng nhớ thương người vợ trẻ bên nhà. Tại đây, tuy không có tiếng súng nổ, đạn rít bên tai, nhưng anh thầm luyến tiếc thời gian "ngang dọc nơi chốn sinh lầy", lúc đó anh không đi tìm mà gặp được một bóng giai nhân, rồi hai người yêu nhau bằng đôi mắt, bằng nhớ nhung, kể đến là "hôn nhân như chạy giặc" để phải vội vàng chia tay sống xa nhau vạ dậm.

Anh đảo mắt nhìn vào toàn thể căn phòng, vào tủ quần áo, mấy quyển sách gối ngang trên bàn học, hình vợ anh treo trên tường... , anh càng chăm chú nhìn hình ảnh người vợ, người mà anh ngày đêm thương nhớ!

Trong trường, ngoài đường phố, có bao nhiêu gái đẹp hấp dẫn, tóc vàng, mắt nâu, nói chuyện quyến rũ, nhưng anh chỉ có một hình ảnh trong tâm tư: đối với anh, "không ai duyên dáng bằng cô gái Cần Thơ của anh".

Còn phải lâu lắm, lâu lắm, cũng bảy, tám năm, anh mới gặp lại, chờ cho đến khi nào đỗ đạt xong. Anh cảm thấy như bị cảnh tù ngục với "bản án 7 năm khổ sai và đày qua Paris". Hoặc anh có thể về thăm nhà, nhưng làm sao có tiền, trong khi còn phải lo trả tiền nhà, tiền ăn, tiền học?

Nghĩ đến bà mẹ bên nhà, anh cảm thấy có lỗi với bà rất nhiều.

"Xin má tha tội bất hiếu cho con!", câu nói đó, anh lập lại nhiều lần mỗi khi nhớ đến dáng vóc gầy mòn của bà mẹ mù lòa, quanh quẩn suốt ngày bên bờ nương, mấy hàng dưa xanh của xứ Bến Tre, anh thấy lòng se thắt lại.

Anh thấy anh có lỗi, vì đã chạy theo tiếng nói của con tim, quên bà mẹ, quên lời chỉ dạy của bà từ bấy lâu để đến ngày hôm nay phải xa cách mẹ hiền. Bỗng nhiên, hai dòng nước mắt từ từ chảy ra, anh lấy giấy ra viết thư an ủi bà.

Paris, ngày 20 tháng Ba, 1956

Kính thưa Má,

Con có nhận thư anh Hai gửi qua cho con. Theo thư đó, anh Hai nói là hôm Tết vừa rồi, nhà mình có bà con đến thăm viếng đông đảo, nhưng má cứ buồn hoài, nhắc đến con rồi má khóc. Con xin má hiểu cho hoàn cảnh con, con được đi đây là ơn phước Chúa ban cho con và gia đình mình đó má!

Thưa má nghĩ coi, nếu con còn trong nhà binh thì má lo lắng cho con càng nhiều hơn nữa, má lo lắng từng đêm, từng ngày cho mạng sống của con. Bây giờ, con được yên nơi yên chốn trong cảnh thanh bình của xứ người là quá tốt rồi, con xin má đừng buồn nữa.

Bao nhiêu người giàu có ở Sài Gòn, có con bị động viên, họ tìm cách hối lộ đủ mọi cách mà không trốn khỏi. Trong khi đó, con được giải ngũ. Còn nhiều gia đình chạy chọt cho con đi Pháp học mà không được, trong khi con không tốn một đồng xu, lại được đi.

Con đi đây là lo tương lai cho con, một ngày nào đó đạt xong, con sẽ trở về công thành doanh tại. Con mong má hiểu như vậy mà vui lên.

Nghĩ lại, con cũng cảm ơn ba vợ con, nhờ ông khó khăn, ép buộc, đốc thúc con, và nhờ tình yêu của con đối với Mỹ, con mới được cảnh hạnh phúc này ngày hôm nay, tuy là một hạnh phúc không đầy đủ.

Cuối thư, con xin cầu nguyện Đức Mẹ ban phước lành cho má, xin má giữ gìn sức khỏe, con hun má, con kính thăm anh chị Hai và bà con cô bác trong xóm mình,

Con,

Sau khi viết thư tỏ bày mọi thắc mắc cho mẹ, anh thấy nhẹ nhàng hơn trước. Tuy nhiên, anh vẫn phải lo lắng nhiều việc, nào là học hành, nào là đắn đo ăn xài ít tốn kém càng nhiều càng tốt.

Với số tiền chút ít đem qua, anh phải ráng tiện tặn, ăn uống kham khổ. Mấy tháng về sau này, anh tìm được một chân rửa chén hai đêm cuối tuần tại

một nhà hàng Ý Đại Lợi; nhờ đó, anh có thêm tiền bù đắp cho việc chi tiêu, nhưng phải vất vả lắm.

Phương tiện di chuyển của anh là đi Métro hoặc đi bộ như phần đông người chung quanh, anh không đi xe buýt, vì loại xe này chạy chậm, anh không đủ thời giờ.

Nói là ở Pháp, nhưng anh chưa bao giờ viếng những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Tour Eiffel, Sacré Coeur, lâu đài Versailles... , hoặc ra khỏi Paris.

Vào lễ Phục Sinh (Pâques) vừa rồi, anh đến viếng nhà thờ "Notre Dame de Paris" là nhà thờ lớn nhất tại Paris. Nằm trên bờ sông Seine, nhà thờ Notre Dame trông thật đồ sộ, xây cất từ thế kỷ thứ 13, tức lối 700 năm về trước. Anh chợt nhớ đến Nhà Thờ Đức Bà ở Sài Gòn, nhỏ hơn, khiêm nhường hơn và tại nơi đó, bao lần trong thời niên thiếu, anh đã vô đọc kinh xem lễ, nghe đọc bằng tiếng Việt Nam.

Tại Paris, nơi anh lang vãng nhiều lần nhất là mấy sạp bán sách cũ dọc theo hai bên bờ sông Seine, tại đây, anh có thể tìm mua được đủ loại sách cũ anh cần có để học, lại rẻ tiền. Có điều làm anh ngạc nhiên vô cùng là trí nhớ mấy ông bán sách: không hiểu bằng cách nào, khi sạp này không có sách đó, ông chủ có thể chỉ cho anh đến ngay gian hàng khác để mua cuốn sách anh cần.

Ăn trong phạm xá sinh viên, anh gặp bạn bè Việt Nam giúp đỡ, chỉ dẫn, hoặc khi có tiệm nào cần người làm, họ mách bảo cho anh.

Trong sự giao tiếp với bạn bè, có một ít người muốn tuyên truyền chủ thuyết Cộng Sản và mời anh vô chi bộ đảng Cộng Sản Pháp tại Paris.

Vì tánh anh hiền lành, ít nói, lúc đầu anh không trả lời, họ tưởng anh đồng ý nên đem thêm sách về Liên Bang Xô Viết khoe với anh cảnh sống mới của nước Nga. Anh nghiêm nét mặt trả lời:

- Tôi không có đọc nhiều sách về Cộng Sản, nhưng tôi biết vài điều căn bản của thuyết đó, tôi là người theo đạo Thiên Chúa, tôi biết chủ nghĩa Cộng Sản là vô thần, một trong ba cái "tam vô", vô tổ quốc, vô gia đình, vô tôn giáo.

Hai anh sinh viên không ngờ anh cũng biết về Cộng Sản, lên tiếng bênh vực:

- Đó là chuyện về sau, chuyện tương lai, vì lúc đó, với chủ nghĩa Đại Đồng, ai cũng no cơm ấm áo, chánh phủ lo hết, con người hạnh phúc đầy đủ, sung sướng quá rồi, cần gì tổ quốc, gia đình hay tôn giáo? Anh có biết tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ con người không?

- Tôi còn phải lo học hành - anh trả lời - tôi còn phải lo cho cuộc sống của tôi, tôi phải giữ đạo của tôi, xin mấy anh để tôi yên.

Sau việc đó, cũng có vài sinh viên Việt Nam khác mời anh vào "Hội Việt Kiều Yêu Nước" (Hội của Cộng Sản Hà Nội). Anh phản bác:

- Ba má mấy anh cho mấy anh qua Tây là để đi học, chứ đâu phải để hoạt động chánh trị. Từ trong nước mới qua đây, tôi biết rõ Cộng Sản quá rồi, tôi không thể nhập hội mấy anh!

Anh nghĩ thầm: "Đã qua tới Pháp rồi mà cũng không yên với mấy ông Cộng Sản!"

Tha Hương Ngô Cổ Tri

Một ngày nọ, Tấn đang đi lang thang trên "Boul Miche" (chữ tắt của Boulevard St Michel), một đại lộ nằm trong khu buôn bán sầm uất, có nhiều gian hàng bày bán dọc hai bên lề đường, và là nơi có đông sinh viên ngoại quốc đến ở đi học.

Bỗng anh nghe có tiếng gọi tên anh: "Tấn! Tấn!"

Giật mình, anh ngoảnh mặt lại, nhìn thấy người bạn quen, anh cất tiếng hỏi:

- A! Lợi, Lợi, phải không!

Sở dĩ anh hỏi như vậy vì theo cách trang phục mùa lạnh ở Paris, anh không thể nhận ra anh bạn mình trong chiếc áo choàng nỉ màu xanh thẫm, cổ quần khăn ấm gần bít cả mặt, đầu lại đội nón kết.

- Chớ còn ai nữa - anh bạn trả lời, và ngạc nhiên, anh bạn hỏi tiếp - mà tại sao anh ở đây?

Tấn cũng ngạc nhiên không kém:

- Còn anh, tại sao anh ở đây?

Lợi là bạn học với Tấn ở Khóa 1 Sĩ Quan Thủ Đức. Sau vài câu thăm hỏi, hai bạn cùng nhau tấp vào quán cà phê bên đường.

Lợi bắt đầu câu chuyện:

- Tôi ra đơn vị hai năm, sau đó có khóa học ở Pháp về Matériel (ngành Quân Cự), tôi xin đi học đây. Còn anh, sao ở đây, lại đi học chuyên môn gì phải không?

Tấn làm thinh, vì chuyện đi qua Pháp của anh không đơn giản và nếu nói ra cũng không đủ thời giờ, anh cười cười. Lợi có vẻ yêu đời, không chờ câu trả lời của Tấn, vui miệng kể tiếp chuyện của mình:

- Qua đây tôi thích quá, đời nhà binh đi đó đây, qua Pháp lại được tăng tiền lương,

tôi đi chơi cùng hết, đi cho biết với người ta... Noel rồi, tôi đi Cannes, Nice... , mê luôn!

Tấn mỉm miệng cười cười, theo dõi từng lời nói của anh bạn đồng hương và không phát biểu gì theo tánh trầm lặng thông thường của anh.

- Tôi học ở Fontainebleau - Lợi kể tiếp - chương trình một năm, còn tám tháng nữa... , ở dưới trường tụi này học, không có chỗ nào giải trí, tôi thường lên Paris chơi!

Sau đó, nhớ lại một mình đang độc thoại, Lợi giựt mình:

- Còn anh qua đây học gì, ở đâu?

Tấn lại cười cười:

- Chuyện của tôi dài dòng lắm... , tôi ở Paris, bây giờ, ghé lợi nhà tôi chơi, nói chuyện ấm cúng hơn, xong rồi hai anh em mình đi ăn!

Sau khi đổi hai chuyến Métro (xe điện đường hầm), Tấn và Lợi cùng về nhà Tấn.

Đây là một khu gồm nhiều dãy nhà lâu cũ kỹ, cho mượn rẻ tiền. Thang lầu đi theo như vòng khuy ốc, nhưng vì quá lâu, bậc bước lên mặc dầu bằng đá đã bị soi mòn theo vết giày bước lên xuống hơn mấy trăm năm. Dãy nhà không có thang máy vì theo lối kiến trúc cổ xưa, gồm 15 tầng, phòng Tấn thuộc tầng 12.

Khi lên lầu, Lợi thấy có một bà vừa chống gậy vừa ngồi bệt xuống nấc thang để nghỉ mệt. Lợi nói nhỏ vào tai Tấn:

- Mình còn trẻ, leo lên đã thấy mệt rồi, huống chi người lớn tuổi!

Tấn vừa thở vừa nói:

- Bởi vậy, tôi ở đây, ngày đi học, tôi chỉ lên xuống một lần, trừ ngày nào đi làm cho nhà hàng là hai lần thôi.

Lợi than thở:

- Mười hai tầng lầu, leo mỗi chân quá!

Phòng chỉ lớn vừa đủ để một giường ngủ, một cái bàn, sát vách là một cái bếp nhỏ với lò nấu ăn bằng hơi đốt, và một bồn nhỏ để dùng cho mọi việc: rửa mặt, rửa chén, làm bếp... Không có nhà vệ sinh trong phòng, người mượn phòng phải ra hành lang bên ngoài, có nơi công cộng chung cho mỗi tầng lầu.

Đó là giang san của Tấn sau khi anh đến Pháp ở tại Paris đi học.

Hồi thời đó, (khoảng thập niên 1950), không có nước nóng trong nhà. Mùa đông, không thể rửa mặt đánh răng bằng nước lạnh từ vòi nước chảy ra, anh phải nấu nước nóng trong một cái ấm. Trước khi ngủ, mặc dầu có sưởi, nhưng độ quá thấp, (13 độ C, cỡ 50 độ F), anh phải sưởi giường ngủ bằng một túi nước nóng đặt vào giường ngủ, nếu không có, sẽ giống như nằm trên tảng nước đá.

Và cũng vì đó, từ khi anh qua đến nay khoảng bốn tháng, anh chưa tắm lần nào, không riêng gì anh, người chung quanh anh cũng vậy. Thông thường, mùa thu, mùa đông, và mùa xuân, trời quá lạnh, con người không đổ mồ hôi,

không có nhu cầu để tắm. Nếu muốn tắm, có thể bỏ tiền ra tiệm tắm hơi, tại đó có nước nóng, vừa tắm hơi và tắm dưới vòi nước nóng.

Anh muốn được căn phòng này là nhờ một trong ba người anh vợ (anh của Mỹ) đang học tại Pháp. Ba anh này không ở Paris, vì mỗi người học mỗi ngành khác nhau, một học về kỹ sư điện ở Grenoble, một học Luật ở Montpellier, và một học y khoa ở Toulouse. Vì cách xa Paris, ba ông anh cũng không thường gặp Tấn để giúp đỡ nhiều hơn.

Khi còn trong quân ngũ, nhờ mấy năm làm việc, Tấn không hoang phí, do đó, có tiền dành dụm để đi học Pháp. Tại đây, mọi việc ăn, ở, học, đều phải tự lo lấy, không một nguồn giúp đỡ nào khác, anh không thể nghĩ đến chi tiêu nào gọi là "xa xỉ", hoặc đầy đủ tiện nghi hơn.

Anh ráo riết lo việc học hành, mỗi ngày, ăn trong các phạn xá sinh viên rẻ tiền, ít tốn kém, lại tiện lợi. Vì rẻ tiền nên quanh đi quẩn lại cũng có hai ba món, như súp củ hành, thịt trầu chiên, thịt dồi (saucisse) hấp, khoai tán... , do vậy dễ nhàm chán.

Khi Lợi đến nơi, nhìn cảnh sống khổ cực của Tấn, Lợi thắc mắc:

- Lạ kìa, như vậy anh đi tự túc hả? Không còn ở trong nhà binh sao?

Tấn làm thinh, Lợi càng ngạc nhiên hơn:

- Anh được giải ngũ rồi hả? Sao kỳ lạ vậy?

Thấy chưa tiện nói ra, nhưng gặp bạn hồi thúc quá, Tấn thú thật:

- Đúng là mình được giải ngũ rồi, qua đây đi học lại, toàn là tự túc hết, mới qua đây mấy tháng thôi, hiện giờ đang học lại ban Tú Tài, không biết năm nay được lên lớp hay không?

Với một giọng buồn buồn, Tấn kể lại chuyện gặp người yêu, tối hậu thơ của ông già vợ là phải giải ngũ và qua Pháp học. Lợi nóng lòng:

- Người ta kêu nhập ngũ, mà sao anh lại được giải ngũ?

Chuyện Cũ

Tấn cho biết việc anh được giải ngũ cũng "trầy vi tróc vảy" lắm. Anh nói là khi đang ở Tiểu Khu Cần Thơ, thì được lệnh đổi về làm việc tại Sài Gòn.

Anh chưa dứt câu, Lợi hỏi tiếp:

- Ngon chưa? Chắc có ai gọi gắm chớ gì?

- Không - Tấn trả lời - mình hên thôi, có ông tướng ở Bộ Tổng Tham Mưu xuống dự lễ, ông muốn tìm một sĩ quan tùy viên, Tiểu Khu đề nghị mình.

- Ô vậy anh là số dách rồi - anh bạn đáp lại.

Sau đó, Tấn kể từng chi tiết cho người bạn:

- Mà tôi đâu muốn đi, ông Đại Úy Tiểu Khu Trưởng nói quá, tôi mới chịu đó chớ! Làm việc với ông tướng một thời gian, tôi kể hoàn cảnh tôi cho ông nghe, tôi xin ông cho tôi giải ngũ, ông la tôi quá, ông nói cho giải ngũ là việc của Bộ Quốc Phòng, Tổng Tham Mưu không làm gì được, tôi chịu thua luôn.

Thỉnh thoảng ông hỏi tôi về việc này, tôi vẫn giữ một mực:

- "Thưa Thiếu Tướng, em không màng danh lợi hay cấp bậc, em cố gắng làm tròn mọi việc Thiếu Tướng giao phó, nhưng có lúc nào Thiếu Tướng nghĩ đến và thương em, xin Thiếu Tướng chạy giấy cho em giải ngũ!"

Ba bốn tháng trôi qua, một ngày nọ, ông vui miệng nói với tôi là có kỳ thăng thưởng sắp tới, ông tính cho tôi lên Đại Úy, tôi hoảng hồn, nghĩ rằng nếu lên Đại Úy thì khó xin giải ngũ, tôi vội năn nỉ ông:

- "Thưa Thiếu Tướng, nếu thăng cấp, khó xin giải ngũ lắm, chi bằng xin Thiếu Tướng để em ở cấp Trung Úy, như vậy, em sẽ có cơ hội được giải ngũ dễ dàng hơn".

Ông bỏ qua việc thăng cấp. Mấy tháng sau, ông kêu tôi vô văn phòng ông và cho biết ông đồng ý cho tôi giải ngũ, biểu tôi làm giấy tờ, ông sẽ chuyển lên Bộ Quốc Phòng với ý kiến "Thuận". Không những đồng ý, ông còn gọi gắm các cấp quân sự và dân sự giúp đỡ mọi sự dễ dàng cho tôi tự túc đi Pháp học...

Bởi vậy, khi nghe tôi bỏ áo nhà binh và đi học Pháp, nhiều người chưa tin, cả ông già vợ tôi nữa.

Sau khi nghe bạn kể, Lợi lắc đầu:

- Tình yêu chơn thật có khác! Chuyện của anh thật là ly kỳ!

Từ mấy tháng nay ở Paris, Tấn không có bạn bè để tâm sự, hôm nay, "tha hương ngộ cố tri" (xa quê hương, gặp bạn cũ), hai bạn Tấn và Lợi cùng ôn lại những ngày sống ở Quân Trường Thủ Đức, rồi cùng cười khi nhớ lại những nắng trưa gay gắt tập trận trên đồi Tăng Nhơn Phú, có lúc tối ăn chè "chui" do mấy bà trong trại gia binh lén lút bán và bị sĩ quan huấn luyện viên rượt chạy...

Kể đó, hai người bạn rủ nhau đi ăn. Lợi hỏi:

- Ở Paris, có chỗ nào bán phở hay hủ tiếu không, mình đi ăn, tôi mới qua đây mà thèm món ăn Việt Nam quá, ở trường ăn đồ Tây hoài, chán phèo!

Tấn không hăng hái lắm:

- Ở đây, không có tiệm nào bán phở hay hủ tiếu gì hết, nhưng có tiệm Ý bình dân này, có món xúp bò, ăn để đỡ nhớ quê hương!

Hai bạn bước vào tiệm và kêu món xúp bò với mì sợi (nouille). Tấn cho biết là tại Paris, chỉ có nhà hàng Ý bình dân này nấu món xúp với mì sợi mà thôi. Tấn còn thêm:

- Thật sự, nếu nó không bán món này, nó cũng đổ, vì toàn là thịt, xương, gân đã nấu hết nước ngọt, nó dùng nước lèo để làm mấy món xúp khác!

- Chắc giống như xí quách bên mình chứ gì? - Lợi hỏi.

- Đúng vậy, xí quách bên mình họ dùng xương heo, cũng có người mua về ăn, đôi thì cái gì cũng ngon.

Lát sau, hai đĩa xúp "mì sợi" được đem ra. Nhìn món ăn, Lợi hơi thối chí, nghĩ trong bụng:

- Dòm thấy chán quá, không có rau thơm rải trên mặt?

Lợi nói như trên vì anh nhớ đến mấy tô phở Việt nam, có màu xanh của hành lá, ngò, ngò gai, rau quế, lại có hành trần, nhưng đây chỉ có vồn vện một mớ mì sợi hơi giống như bánh phở, đĩa xúp chỉ là một màu tẻ nhạt với nước lèo

màu ngà lấp lánh chất mỡ trên mặt, và trong đó là mấy miếng thịt bò, xương, gân, sụn.

Không có tương ngọt, tương ớt, chanh, lại ăn bằng muỗng, nĩa và nếu có lạt, rắc muối tiêu lên. Cạnh đó, có thêm khay bánh mì.

Tuy nhiên, nhìn thấy hơi nóng bốc lên, mùi thịt thơm khá hấp dẫn, Lợi cảm thấy an ủi đôi chút.

- Hôm nay, trời lạnh - Lợi cho biết - đi bộ hơi nhiều, mình đang đói, ăn xúp nóng với mì này cũng có lý lắm chứ!

- Đây là lần thứ hai tôi vô tiệm này - Tấn thêm vào - lần trước, tôi với vài bạn sinh viên vô đây ăn cho đỡ nhớ phở bên mình!

Lát sau, hai đĩa xúp chỉ còn sót lại xương, mì sợi hết, nước súp cạn tới đáy, mấy khoanh bánh mì trên khay cũng không còn. Lời phát biểu sau cùng của hai bạn là: "Ăn được quá!"

Lợi nói với nụ cười:

- Đang đói, trời lạnh, gặp xúp nóng, ăn quá ngon... , lần sau, tôi trở lên Paris làm một bụng nữa!

Lời nói của Lợi cho thấy là món ăn ngon tùy thuộc vào hoàn cảnh nào đó.

Trường hợp di tản sau tháng tư 75 và bữa ăn của tù khổ sai "cải tạo" chứng minh hùng hồn cho nhận xét trên.

CHƯƠNG 10

Người Ở Lại

Lại Di Chuyển

Từ ngày Tấn rời khỏi Sài Gòn, Mỹ vẫn tiếp tục đi học. Lúc nào ít bài vở, Mỹ viết thư thăm chồng.

Ông kỹ sư hằng ngày đi làm bằng chiếc xe gắn máy. Ngày nghỉ, ông ở nhà lo sắp đặt nhà cửa, trồng hoa, nhưng luôn luôn "để mắt" đến cô con gái, vì ông nghĩ rằng ông có bốn phận thay cho chàng rể lo lắng cho con và ngăn ngừa mọi điều đáng tiếc có thể xảy ra. Ông thường dặn bà kỹ sư để ý đến con gái hơn:

- Tụi con trai Sài Gòn quý quá lắm, bà nhắc chừng con hãy cẩn thận, đi học rồi về nhà, không nên đi đâu hết, không được hẹn hò với ai, cả bạn gái nữa!

Ba tháng sau, ông được lệnh đổi lên Thủ Dầu Một làm Trưởng Ty Canh Nông trên đó.

- Rồi việc học hành của con, ông tính sao đây? - bà kỹ sư hỏi chồng.

Không đợi ông trả lời, bà đề nghị:

- Hay là mình gửi nó ở nhà chú thím Sáu cho nó ăn cơm tháng để học cho xong Tú Tài?

Ông kỹ sư trả lời ngay:

- Chú thím Sáu là bà con xa với mình, tôi không tin cậy lắm đâu, vả lại, tôi có bốn phận đối với thằng rể mình, vì tôi nó phải đi xa, tôi phải lo cho vợ nó, con Mỹ phải bỏ học theo mình về Thủ Dầu Một, nó phải ở chung với mình để mình lo cho nó!

Bà kỹ sư vui vẻ:

- Thôi như vậy càng tốt... , con mình nó có chút nhan sắc, thanh niên theo dữ lắm, ông tính như vậy là phải!

Thế là cả nhà ông bà kỹ sư, bà nội, Mỹ và Dì Tư dọn về Thủ Dầu Một. Lần này cũng vào căn nhà dành cho trưởng ty, nằm trong khuôn viên Ty Canh Nông, giống như lúc trước ông ở Cần Thơ.

Cành Vàng Lá Ngọc

Thủ Dầu Một là một tỉnh nhỏ. Việc gia đình ông kỹ sư mới dọn về, không đầy một tháng sau, đa số cư dân trong thành phố đều biết: tiếng đồn vang là nhà ông có cô con gái rất đẹp. Nhiều chàng thanh niên đón đường Mỹ đi chợ để xem dung nhan.

- Chà! Đẹp thùy mị quá! - một anh phê bình.

- Đôi mắt cô đen quá! - anh khác phát biểu.

Ngày khác, bà kỹ sư và cô con gái đi chợ mua trái cây về cúng, bà đến gian hàng bán măng cụt. Sau khi bà mua hai chục và trả tiền xong xuôi, bà bán măng cụt mở lời khen bà:

- Bà có cô con gái ngộ quá, dễ thương quá, vậy mà cháu có nơi nào chưa vậy bà?

Không muốn cho người ngoài để ý đến cô con gái mình, bà kỹ sư nói ngay:

- Nó có chồng rồi!

Bà bán hàng không vừa:

- Chà! Uống quá ha... , tôi có thằng cháu con chị Năm tôi, nó mới ra "chuẩn quý, chuẩn quết" gì đó, thằng này coi được lắm đó bà!

Bà kỹ sư cùng con gái bỏ đi.

- Bà này thiệt vô duyên! - bà kỹ sư nói nhỏ với cô con gái - đã nói có chồng rồi, mà còn tính làm mai làm mối?

Nhà ông kỹ sư nằm trong một góc của Ty Canh Nông, cửa hông nhà thông ra hành lang đến văn phòng ông. Trong giờ làm việc, thỉnh thoảng ông ghé về nhà uống nước trà.

Một ngày nọ, khi ông bước vô nhà, ông thấy có hai cậu trai vội vàng đi ra, ông lấy làm lạ, ngó theo, không ai khác hơn là mấy anh kỹ sư trẻ làm việc dưới quyền ông.

Ông suy nghĩ: "Lạ kìa, mấy cậu này sao dám vô nhà mình". Ông nói lớn tiếng với bà vợ:

- Nhà mình, sao bà để mấy cậu đó vô vậy?

- Thì tôi có để ý gì đâu, nhân viên của ông vô xin chút nước uống, chẳng lẽ tôi không cho hay sao?

- Mà nó có gặp con Mỹ không? - ông tỏ ra lo lắng.

Bà vợ trấn an ông:

- Con Mỹ đi chợ chưa về!

Ông yên tâm hơn, ông thấy rắc rối quá khi có một cô con gái đẹp. Ông tưởng theo như thông thường, sau khi dựng vợ gả chồng cho con, nhứt là con gái, cha mẹ không còn lo lắng nữa. Trường hợp của ông, ông còn lo nhiều hơn: ông là người có lương tâm, có tinh thần trách nhiệm trong mọi việc, ông tự cho mình có bốn phận "bảo vệ" cô con gái cho đến khi chồng cô trở về với mảnh bằng cao đẳng.

Lần khác, ông trở về nhà thình lình, bắt gặp hai chàng trai đó đang cầm tách trà vừa nói chuyện với Mỹ. Ông nổi nóng lên, nói với mấy cậu trai:

- Trong giờ làm việc mà sao hai chú em lại bỏ đi chơi?

- Thưa ông trưởng ty - một cậu trả lời - tụi em khát nước quá, qua đây kiếm chút nước uống chứ đâu có đi chơi!

- Tôi yêu cầu mấy cậu về sau, khi nào khát nước, nhớ đem theo nước uống, mời mấy cậu về làm việc!

Sau khi hai cậu trai bỏ đi rồi, ông kỹ sư la rầy con gái:

- Tại sao con rót nước cho họ uống?

- Thưa ba, họ xin mình chút nước uống, con không cho hay sao?

Bà kỹ sư xen vào:

- Ông này kỳ cục thiệt, hơn viên sở ông đến xin nước uống, không lẽ mình từ chối?

Thấy mình vô lý, ông kỹ sư làm thinh, nhưng vô cùng bức tức. Ông nghĩ, không lẽ đổi hai cậu kỹ sư canh nông trẻ đó đi để xin về mấy ông kỹ sư già? Trong sở, không riêng gì hai anh kỹ sư trẻ đó, còn một số thư ký văn phòng, chuyên viên cũng trẻ và không kém "hào hoa phong nhã"? Ông để ý họ thường ngó qua nhà ông, nhứt là lúc nào có Mỹ đang ra sân phơi quần áo.

Đi làm việc trong sở, lúc nào ông cũng để ý xem chừng có ai "chọc ghẹo" con ông hay không; ông khổ tâm lắm, nhưng không biết làm sao hơn. Lại thỉnh thoảng ông đi công tác một hai ngày, ông dặn bà kỹ sư trước khi đi:

- Bà ráng canh chừng con, trong sở, họ bàn tán với nhau về chuyện con Mỹ có chồng mà chồng đi vắng, dặn con đừng ra phía sau nhà; nó có đi đâu, bà phải đi với nó. Con mình tuy nó đàng hoàng, nhưng "cha mẹ sanh con, không sanh lòng", mình phải chần chừ nó, chớ không, có bề gì, tôi không còn mặt mũi nào nhìn mặt thẳng rể mình.

Lối Thoát

Một ngày kia, Mỹ đề nghị cùng mẹ:

- Má ơi! Con ở nhà hoài, cũng buồn, có mấy bạn con viết thư khuyên con xin đi dạy học, con thấy nghề này hợp với con lắm, má thấy sao?

Bà kỹ sư mừng lên:

- Con nói cũng có lý! Nếu con tính được, má sẽ nói cho ba con biết, chắc ba con đồng ý đó!

Sau khi ông kỹ sư về, bà mừng rỡ cho ông biết ý định của con. Tưởng ông vui lên, không ngờ ông bác ngay, ông cho biết là ông đã nghĩ đến việc này rồi:

- Con nó tính như vậy cũng hay đó, nhưng bà nhớ, nó là gái có chồng, chồng nó đi học xa, nay mai con mình đi dạy ở nơi nào đó, làm sao tôi với bà lo

cho nó được? Đường đời có nhiều cạm bẫy, rủi có chuyện gì, còn trách nhiệm của mình với thằng rể, thôi đi, mệt lắm bà ơi!

Như vậy là mộng của Mỹ tiêu như mây khói, giống như điều chưa bay lên đã đứt dây rơi xuống đất.

Một ngày khác, Mỹ bàn với mẹ:

- Má ơi má! Nếu ba má không muốn con đi làm chỗ nào xa ba má, má nói với ba coi bên Tòa Hành Chánh tỉnh, họ có cần thư ký không, để con nộp đơn xin đi làm. Nếu làm được ở đó, con cũng ở chung với ba má, đỡ tốn kém mà con có việc làm cũng vui!

Bà kỹ sư nghe con nói có lý, tỏ ra vui mừng, nhưng bà còn dè dặt:

- Để bữa nào, ba con vui, má hỏi ba con!

Tuần lễ sau, thấy lâu quá mẹ chưa trả lời, Mỹ hỏi:

- Việc con hỏi má, má có nói với ba chưa má?

- Má có nói với ba con rồi, ba nói mấy ông thư ký bên tòa hành chánh "dê" lắm...

Mỹ thắc mắc không hiểu:

- "Dê" là sao má, mà sao gọi là "dê"?

Bà mẹ cười cười:

- Con tôi sao nó khờ quá, "dê" mà hổng biết là gì? Nghe nói có mấy cô vô văn phòng tỉnh xin thị thực chữ ký giấy khai sanh, giấy hôn thú gì đó, lần nào mấy ông thư ký cũng nói xa nói gần, nói bóng nói gió, khen đẹp, khen dễ thương, làm mấy cô đỏ mặt...

Suy nghĩ giây lâu, bà nói tiếp:

- Ý ba con là muốn để ba má lo cho con, không muốn con đi đâu hết, trừ khi nào chồng con học xong xuôi rồi, hai đứa ra riêng ở đâu tùy ý.

Bài Toán Khó

Có một lần, ông kỹ sư về Sài Gòn vì công việc của sở, theo lễ chiều tối về. Không ngờ xong công việc sớm, ông trở về nhà khoảng ba giờ trưa, ông thấy trong nhà có ba bốn cậu trai đang ngồi, kỹ sư có, thơ ký có, chuyên viên họa đồ có, ông bực mình bước vô nhà không nói một lời. Mấy chàng thanh niên bẽn lẽn "chuồn" mất.

Đây không phải là lần thứ nhứt họ vô nhà này.

Hồi đời ông trưởng ty trước, ông này bình dân và thân thiện với nhân viên, quen dĩa đó, họ qua nhà ông trưởng ty la cà cho vui, vì tại tỉnh nhỏ, công việc không nhiều, công chức có thói quen "làm việc cà rề", chơi nhiều, làm ít. Có nơi, thay vì năm giờ tan sở, lổi bốn giờ, họ đã tan hàng lần lần. Có khi ngày thứ bảy (lúc đó còn làm việc ngày thứ bảy), họ bỏ sở hẹn nhau đi chơi. Nhiều khi, họ còn khoe với bạn bè của sở khác:

- Sở tụi này vui lắm, gặp ông trưởng ty bình dân, hiền lành, cứ thứ bảy là mấy đứa tụi này hẹn nhau đi câu cá, đem đồ ăn theo, nhậu nhẹt!

Nghĩ lại, đất nước trong hồi nghiêng ngả, theo lẽ phải cố tâm làm việc, nhưng công chức chánh phủ quen giữ thói "tà tà", cứ ngày hai buổi, đến tháng lãnh lương, ai sống chết mặc ai. Có người nghĩ rằng:

-Chống Cộng là việc của quân đội, mình là công chức, không cần để ý!

Trường hợp sau đây là một thí dụ điển hình:

Có một ông trưởng sở bưu điện tại một quận nhỏ, ông bắt tay cả hai bên Cộng Hòa và Cộng Sản, có nghĩa là ông vừa làm việc ăn lương chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa, vừa thân thiện với cả bên kia, vì nếu không, du kích Việt Cộng sẽ "cạch" ông (ám sát) không biết lúc nào.

Nếu chỉ ép mình giao du thân mật vì mạng sống của ông, đó là điều có thể tha thứ, đằng này, ông còn cho bên kia biết tin tức lúc nào sẽ có điều động hành quân để "bên kia" chạy trốn trước.

Chuyện trớ trêu là sau thời cuộc tháng tư năm 1975, ông trưởng ty này và bà vợ được con bảo lãnh qua Mỹ năm 1990 theo diện đoàn tụ. Bà con, bạn

bè đến thăm ông từ Việt Nam mới đến Mỹ, và hôm đó, có đãi tiệc mừng. Đến khi tửu hậu trà dư, ông kể cho bạn bè nghe chuyện của ông sau khi Cộng Sản vô:

- Nói thiệt, hồi đó qua làm việc "lèn èn" lắm, trưởng ty bưu điện một quận hẻo lánh không có việc nhiều, qua đi chơi hoài, thỉnh thoảng đi nhậu lai rai, lâu lâu có mấy anh du kích tham gia, mình không thân thiện với họ, họ đâu để mình yên...

Rồi ông cười cười, nói thêm là nhiều khi ông báo trước cho họ biết có hành quân:

- Mấy em lo chạy trước đi, mai hay mốt, có hành quân lớn ở khu vực mình đó!

Một trong số bạn dự tiệc mỉa mai ông:

- Vậy, bác bỏ xứ chạy qua Mỹ làm chi? Sao không ở lại Việt Nam?

Ông không ngần ngại trả lời:

- Mình đâu có biết tụi nó tàn ác, gian xảo quá vậy cháu? Ở xứ mình, ai không muốn, nhưng làm sao chịu nổi với tụi nó?

Sau đó, ông kể tiếp là sau tháng tư 75, khi quân Cộng Sản vô trong quận nơi ông ở, chúng nói ông là "công chức ác ôn", lục soát nhà, lấy vàng bạc và bắt nhốt ông. Nhờ có mấy tay du kích được ông giúp đỡ khi trước bảo đảm, ông được thả ra với điều kiện: giao căn nhà của ông tại quận cho "nhà nước làm trụ sở".

- Qua hoảng quá, - lời ông tiếp - tụi nó nói nhà qua là xương máu của dân, qua phải làm giấy "tặng" nhà cho họ. Chạy lên Sài Gòn ở nhà đứa con lớn, sau đó, gia đình thằng lớn vượt biển, hai vợ chồng qua ở lại giữ nhà. Nhưng nhà nước biết được, họ tịch thu nhà trên, cho hai vợ chồng cán bộ nào đó ngoài Bắc mới vô ở, đuổi qua ra sau nhà bếp. Đến chừng vợ chồng qua nộp hồ sơ đi Mỹ, qua phải làm giấy "tự nguyện" giao cho họ luôn cái nhà!

Giải pháp thỏa đáng

Ông kỹ sư muốn chấn chỉnh lại tình trạng làm việc tiêu cực của nhân viên dưới quyền, nhưng đã quá quen rồi, họ cho ông kỹ sư mới là khó, gắt gỏng, ông cũng muốn lấy lòng họ, đành làm ngơ.

Đó là những việc làm cho ông bức dọc, thêm vào, ông còn phận sự "bảo vệ" cô con gái ông.

Vì vấn đề nhân sự như trên, ông cảm thấy mệt mỏi. Lâu ngày, ông thấy rối trí, không lẽ suốt ngày canh chừng con gái, mặc dầu cô không làm điều gì vượt ra ngoài lễ giáo? Nhưng biết đâu, ông nhớ lại lúc trước mời thầy đến dạy con, không ngờ tạo cơ hội cho "chúng nó tò tí với nhau"!

Không lẽ cứ để nhà ông dễ dàng như ông trưởng ty trước, ai muốn vô ra tùy ý, không lẽ ra lệnh cấm họ đến nhà? Đó là chọc cho "chúng ghét", nhưng nếu không ngăn cản họ, có ngày ông gặp "rắc rối", ông không còn tin tưởng nơi ông nữa. Một bài toán đố khá nhức đầu!

Bà kỹ sư để ý chồng hơi đổi tánh lúc sau này, thấy ông lo âu nhiều hơn trước, bà đoán biết nỗi khổ tâm của ông, muốn khuyên lơn ông, nhưng ngại phật ý chồng.

Một ngày nọ, sau nhiều tuần lễ buồn bực, với vẻ nghiêm nghị, ông kỹ sư nói ra nỗi ray rứt của ông trong mấy tháng gần đây và hỏi bà vợ:

- Bà có nghe con gái mình than thở gì không?

Đây là câu hỏi bà trông đợi từ lâu, bà chần chờ trong giây phút... rồi nhỏ nhẹ trả lời:

- Tội nghiệp cho con lắm ông à! Mình phải cho nó bay nhảy với bạn bè, cho nó có bạn gái ngoài đời, tối ngày mình nhốt nó trong nhà, nó bức bối, thấy thua kém chị em, thấy thương quá!

- Nhưng nó có chồng rồi, - ông kỹ sư nhắc lại - chồng nó không có ở đây, mình phải dòm ngó nó chứ!

Bà tiếp tục:

- Hồi đám cưới, mình có tính với con là có thể sau này cho nó qua Pháp ở với chồng nó! Chồng đâu thì vợ đó, vợ đâu thì chồng đó, cha mẹ nào lại chia duyên rẽ thúy như vậy, cũng tại cái bằng cấp mà hai đứa nó xa nhau, mình nên tính sao cho trọn hết đôi bề!

Ông kỹ sư làm thình, gật đầu ra dáng nghĩ ngợi, như tự cho mình là người có lỗi. Giây lâu, ông chậm rãi trả lời:

- Tôi thấy đuối sức quá rồi, không thể canh chừng con hoài được! Bây giờ dứt khoát là phải cho hai đứa nó sống chung với nhau, lo cho nhau, theo như bà nói "chồng đâu vợ đó". Dầu sao, mình cũng nên hỏi ý con, nó muốn qua Tây ở với chồng hay là muốn chồng nó trở về đây, để mình định liệu!

Qua ngày sau, bà vô buồng con gái, trước là ngồi nói chuyện chơi, sau bà bắt qua đầu đề chánh. Bà nói cho con biết ý định của ông bà, để con chọn lựa. Mỹ giật mình, theo lẽ phải vui, nhưng nàng ngó xuống đất, không trả lời, nàng ngờ ngàng vì câu chuyện quá đột ngột.

Đang biển yên, gió lặng, không ngờ dưới mặt nước êm đềm kia, sóng ngầm đang cuồn cuộn chảy. Và đây là lúc "sóng thần" nổi dậy: vừa nghe mẹ nhắc đến tình cảnh mình, nàng òa lên khóc, khóc nức nở... Bà mẹ nhích ngồi sát con:

- Con tôi sao dễ khóc quá, làm như con nít mới lên ba!

Bà vuốt vai con, trong khi đó, bà cũng rơm rớm nước mắt. Thế mới biết, tiếng cười và tiếng khóc rất dễ lây lan.

Mỹ khóc, vì nghĩ đến cảnh chán đơn gối chiếc của mình, nàng cảm thấy tủi thân, càng tủi thân hơn, vì thấy mình đã có chồng, còn ăn bám vào cha mẹ. Hơn nữa, nàng nhận ra rằng tình yêu của cha mẹ đối với nàng vẫn một mực từ trước đến sau, khi nghe mẹ nói bỏ tiền ra mua vé máy bay và sắm sửa cho nàng qua Pháp. Vẫn trong tiếng khóc, nàng ấp úng:

- Con làm buồn ba má quá nhiều! Con biết ba má thương con, lo cho con lắm, con không muốn ba má khổ cho con nhiều hơn nữa!

Tiếng khóc che lấp những gì nàng nói kế tiếp.

Bà kỹ sư trù mẩn thúc giục con:

- Trong hai cách đó, con lựa chọn cái nào?

Gần nửa giờ sau, bà cùng con bước ra khỏi phòng, bốn mắt đỏ hoe, nhưng nét vui tươi hiện lên thấy rõ.

Vừa đi, bà vừa nói:

- Thôi, như vậy là hay lắm! Ba con chắc sẽ vui lòng, để má nói cho Nội biết luôn.

Đến giờ ông kỹ sư về, bà cho ông biết ngay tự sự.

Mắt sáng lên, ông mỉm cười, gọi con gái ra, hỏi kỹ thêm lần nữa. Mỹ ngập ngừng, lập lại những gì đã thưa với mẹ:

- Dạ, con không muốn đi Pháp, con muốn ảnh về ở với con.

Ông nhìn thẳng vào mắt con:

- Ba má rất vui mừng, để ba viết thư cho chồng con!

Đêm hôm đó, ông ra bàn giấy, lấy giấy ra, cặm cụi viết, và ngày sau, đích thân ông ra bưu điện bỏ vào thùng thư.

Ông cảm thấy lòng thanh thản, vì đã tìm được đáp số thỏa đáng cho bài toán rắc rối của ông.

CHƯƠNG 11

Lá Rụng Về Cội

Chuyện Bất Ngờ

Một buổi chiều nọ, sau khi tan lớp học để về nhà, Tấn lật đặt bước lên nấc thang lầu để về căn phòng anh trên tầng thứ 12, tay ôm xấp thơ vừa lấy ra từ thùng thơ. Như thường lệ, anh xem qua trước "nơi gửi", xong mới xé thơ ra, nhưng lần này, anh nóng lòng vì thấy có một bao thơ với nét chữ hơi thất thường, người gửi là nhạc gia của anh.

Từ trước đến nay, có bao giờ ông kỹ sư gửi thơ cho anh đâu? Anh rất ngạc nhiên, gấp rút mở cửa vào phòng, quăng xấp thơ lên giường, trù thơ ông kỹ sư. Anh hồi hộp xé dọc rìa bao thơ, nghĩ trong bụng chắc có chuyện không lành cho gia đình bên Việt Nam. Anh đọc "như chớp" từ trên xuống dưới, anh chưa tin hẳn, anh đọc lại lần thứ nhì từng chữ, và tiếp lần thứ ba... , thơ viết dài hai trang giấy.

- Lạ kìa - anh suy tính vừa ngó qua ngó lại - sao lại có việc này?

Bỗng nhiên, anh hình dung lại bóng dáng ông nhạc gia anh, một người nghiêm nghị, ít cười, ít khi đùa giỡn với ai. Anh nhớ lại ngày lên phi trường, vì trễ giờ, anh không kịp nói với ông lời từ giả, cả lời cảm ơn ông. Anh muốn nói cảm ơn ông vì nhờ ông mà anh được giải ngũ và đi Pháp học. Tuy ông không có bàn tay "phù phép", nhưng điều kiện bắt buộc của ông đối với anh là một động cơ giúp anh thắng mọi trở lực.

Và ngày hôm nay, càng đọc lại thơ ông gửi cho anh, anh thấy như bay bổng lên cao, anh chưa thấy lúc nào đời tươi thắm như hôm đó. Anh cảm thấy nhớ ông kỹ sư vô cùng, suy nghĩ trong bụng: "Quả ông là người cha lúc nào cũng nghĩ đến hạnh phúc của con, tuy đôi khi ông nghiêm khắc trong việc giữ đúng nho phong; ông lại là người quân tử, giữ lời hứa, trọng lễ nghĩa".

Anh đọc lại đoạn chót trong thơ:

"... .. Ba má quyết tâm giúp đỡ hai con, vợ chồng con sẽ gần gũi nhau, sớm khuya lo cho nhau, không còn kẻ Đông người Tây nữa. Cao đẳng hay phi cao

đẳng, bây giờ không thành vấn đề, miễn sao hai con được gần nhau, yêu thương nhau là ba má mừng!"

Nghĩ lại, vài tháng nay, anh ráo riết "sôi kinh nấu sủ" để chuẩn bị kỳ thi Tú Tài sắp tới... Anh bận việc học đến nỗi quên viết thư cho vợ bên nhà.

Từ khi ra đời, ngoài tình thương yêu đối với mẹ, tiếng sét ái tình đối với Mỹ đã làm cho anh không còn tự quyết định cho cuộc đời anh. Vì nàng, anh phải từ bỏ cuộc sống chinh nhân, vì nàng, anh phải rời quê cha đất mẹ, và bây giờ cũng vì nàng, anh bỏ dở việc học hành.

Kể từ nay, anh sẽ là chủ cuộc đời của anh, không còn bị ngoại cảnh nào hạn chế nữa. Anh sẽ về sống chung với người vợ yêu quý của anh, nối lại cuộc đời ngăn cách cả đại dương! Anh không còn bận tâm đến cấp bằng cao đẳng nữa.

Anh sẽ cởi bỏ mọi xiềng xích đã trói buộc anh từ khi đặt chân lên đất Pháp, nào là sách vở, việc học hành, căn phòng nhỏ hẹp và cuộc sống cô đơn...

Nhìn chung quanh, dường như tất cả là màu hồng, anh vui sướng quá! Anh sẽ là cánh bướm tự do bay chờ ngày lên đường về nước.

Hay chỉ là giấc mơ?

Anh đọc tới đọc lui hàng chữ trong thư:

"Con ráng thu xếp, về càng sớm càng tốt!"

Tuy nhiên, vì chưa tin hẳn anh lắm, anh không hiểu lý do vì sao có sự thay đổi "180 độ" của nhạc gia?

- Hay là bên nhà có biến cố gì chẳng mà nhạc gia không tiện nói ra?

- Hay là vợ anh có bệnh tình gì chẳng?

Nghĩ đến đó, anh càng thêm rối trí, anh lật đật đánh điện tín về cho vợ, chờ xác nhận xem có đúng theo lời trong thư của nhạc gia hay không. Trong khi đó, anh lo thu xếp đồ đạc, trả phòng, và cả tuần lễ tiếp theo, anh trông ngóng từng ngày điện tín màu xanh của vợ.

Mãi hơn mười ngày sau, anh nhận được thư vợ, thay vì điện tín.

Qua lời lẽ trong thư, Mỹ cho biết bên nhà vẫn bình an vô sự. Có đoạn, Mỹ nói rõ thêm chi tiết:

". ... Thấy cảnh cô đơn của em, ba má cũng rầu lắm, má hỏi em có muốn qua Pháp ở với anh hay không, ba má đồng ý trả tiền máy bay, mua sắm cho em, nhưng em tủi thân quá, em nhớ tới anh, em khóc quá chừng. Em buồn vì thấy em lớn rồi, có chồng rồi, mà còn bám víu vào cha mẹ! Em cũng cảm thấy mất tự do, vì ba em không muốn cho em đi đâu hết, đi là phải có ba má! Má nói rõ là em tùy ý định liệu, hoặc qua ở với anh, hoặc anh trở về với em. Đi Tây thì em cũng muốn lắm, nhưng ngặt nỗi làm sao có tiền đủ sống hai người?

Nếu em đi học lại, càng khó hơn nữa, vì chữ Pháp em còn yếu kém, làm sao học nổi ban Tú Tài của Pháp? Em không muốn là gánh nặng cho anh, anh lo đủ thứ làm sao học hành cho được, chi bằng tiện nhứt là anh trở về, sống với nhau, nghèo khó, cực khổ có nhau, đâu phải có bằng cấp cao là có hạnh phúc đâu?

Sau đó, ba má với Nội đồng ý với em. Em mừng quá, em tưởng mình trúng số độc đắc đó anh!". .

Tấn thở phào, cánh cửa tự do giờ đây thật sự mở rộng, anh muốn la lên:

- Ta sẽ rời Paris, ta sẽ xa Paris, ôi Paris tù ngục!

Quà cho Quê Hương

Nhớ lại, anh còn tiền dành dụm cũng khá nhiều, vì lúc rời Sài Gòn, được đặc ân cho đổi nhiều tiền Việt Nam để đổi lấy đồng quan Pháp theo hối xuất chánh thức; lại nữa, anh tính còn ở Pháp nhiều năm, anh không xài phung phí. Thì đây là dịp để "Ơn Đền Nghĩa Trả", không ngoài việc mua sắm vật dụng về tặng cho gia đình và bà con quyến thuộc.

Anh thao thức nhiều đêm, suy tính phải mua những gì để tặng cho người vợ hằng mong nhớ, cho bà mẹ mù lòa vắng bóng con từ lâu, cho gia đình bên vợ và bên anh.

Vì biết mình không lanh lợi lắm, ít giao thiệp, không có kinh nghiệm mua sắm, anh nghĩ phải cẩn thận là tốt hơn. Trước hết, anh vào các tiệm bách hóa

nổi tiếng ở Paris, đảo qua đảo lại cả buổi trời để có cái nhìn tổng quát về những món gì sẽ mua tặng người thân yêu.

Dầu thơm, hàng vải, đồ trang sức, kem thoa mặt, quần áo... món nào cũng đẹp, đủ màu sắc, quá hấp dẫn!

Anh nhớ lại có nghe người bạn nói lúc trước: "Muốn mua mỹ phẩm, hãy vào mấy tiệm ở khu Champs Élysées, nơi đó có đủ loại, đủ kiểu, hợp thời trang nhất". Thế là anh bỏ ra một buổi chiều, ra Champs- Élysées, là khu buôn bán sang trọng nhất Paris.

Cũng nên biết là tại mấy cửa hàng bán mỹ phẩm ở khu Champs-Élysées, phần lớn chủ nhân là người quốc tịch Pháp gốc Syrie, Liban (thuộc địa của Pháp); mặt mày, dáng dấp, nước da của họ giống như người Pháp, nhưng tóc, mắt đen hơn.

Bắt đầu từ Arc de Triumph, anh đi dọc theo một bên đại lộ, ghé vào mấy tiệm bán mỹ phẩm. Họ tiếp đãi anh rất nồng hậu. Khi anh hỏi một món nào, họ đem ra hơn chục loại, anh nhìn lên món nào trên tủ kiếng, họ vội mở tủ lấy ra ngay để anh xem, anh rảo qua kệ khác, họ lo lắng cho anh như bóng với hình, sẵn sàng tìm cho có món hàng anh muốn, anh thấy họ trù mến anh quá, anh đâm ra lo, tìm cách thoái lui.

Có thể hiểu tâm trạng của Tấn vào lúc đó, anh là một người xuất thân từ nhà dòng tu, từ đồng ruộng sông Cửu Long, nay lạc lõng vào thế giới văn minh mỹ phẩm nổi tiếng nhất của nước Pháp, sao anh không sợ? Túi tiền của anh nào dám sánh với tiền rừng bạc biển của đào kép tài tử màn bạc, vương tôn công tử vùng dầu hỏa Trung Đông thường lai vãng mua sắm nơi đó?

Tấn mệt mỏi trở về phòng.

Cuối tuần, có anh Hai của Mỹ từ Grenobles đến chơi ngày thứ bảy, vì Tấn có báo là sẽ trở về Việt Nam. Tấn kể lại việc đi mua sắm ở Champs-Élysées, anh Hai lắc đầu vừa cười:

- Em to gan thật! Anh ở đây mấy năm trời mà có dám bén mảng đến khu đó đâu?

- Em thấy giá ở đó thật là mắc, - Tấn nói thêm - một chai Chanel Essence số 5 tại đó là 300 quan, trong khi ở Samaritaine cũng đồng hiệu, đồng cỡ có 200 quan thôi!

Anh Hai giải thích thêm:

- Khu Champs-Élysées, toàn là "máy chém", họ tiếp đãi lịch thiệp lắm, mà giá rất cắt cổ, em ra được khỏi tiệm mà không mua một món nào là giỏi đó!

Anh Hai còn tiếp:

- Em vô Samaritaine, Lafayette mua, đồ tốt, giá cả phải chăng hơn!

Liên tiếp mấy ngày sau, Tấn bỏ thời giờ, như con én liệng từ gian hàng này sang gian hàng khác, lựa đồ mua. Anh chọn được cho vợ một số quần áo phụ nữ, vòng đeo tay, hàng may áo dài, kem thoa mặt, son phấn và một ít nước hoa, có cả chai Chanel số 5.

Tình Mẫu Tử

Đó là đối với vợ, còn bốn phận làm con, anh phải làm thế nào để làm vui lòng bà mẹ? Đêm hôm đó, sau khi đọc kinh xong trước khi đi ngủ, nhìn hình Đức Mẹ... , anh suy nghĩ: "Phải có một món nào đặc biệt, xứng đáng cho má mình! Monoprix, Samaritaine, Lafayette, thường quá! Hay là mình đi đến thánh đường Lourdes thỉnh cho má một tượng Đức Mẹ, nghe nói Đức Mẹ Lourdes linh thiêng lắm?"

Nhưng anh còn đắn đo vì sợ tốn kém cho chuyến đi.

Từ Paris đến Lourdes, đi xe lửa cũng mất 10 tiếng đồng hồ, ít nhứt ở lại một ngày, phải trả tiền một đêm khách sạn, hơi "xót ruột". Nhưng anh quyết định phải đi, đi để về báo cáo cho mẹ biết là anh có đi hành hương đến một "nơi linh thiêng", để cầu nguyện cho bà.

Sau khi dọn hời giờ giấc xe lửa, anh tính lấy toa xe lửa làm "khách sạn" ngủ qua đêm. Anh sẽ rời Paris 9 giờ tối, "ngủ ngồi" ở toa hạng ba, giá rẻ nhứt, sáng đến Pau (thành phố Lourdes nằm trong quận Pau) khoảng 7 giờ. Sau khi chơi ban ngày tại Lourdes, anh sẽ trở về Paris theo chuyến xe rời khỏi Pau 8 giờ tối,

"ngủ ngời" trọn đêm thứ nhì cho đến khi về tới Paris. Suy tính xong, anh mỉm cười: "Hay lắm! Đỡ tốn tiền phòng ngủ mà có trọn cả ngày viếng thăm Lourdes!"

Anh lật bản đồ, xem tài liệu du lịch để có khái niệm tổng quát về thánh địa Lourdes.

Lourdes nằm trong địa phận Pau, miền tây nam nước Pháp, sát chân dãy núi Pyrénées, 80 cây số phía Bắc biên giới Pháp - Tây Ban Nha. Đó là một nơi hành hương cho tín đồ Công Giáo, và cũng là một trong số các trung tâm du lịch lớn nhất thế giới.

Tục truyền rằng hồi thế kỷ thứ 19, có Đức Mẹ hiện về làm phép lạ, người Pháp gọi Đức Mẹ ở đây là "Bernadette de Lourdes".

"Đức Mẹ Lourdes", tên thật là Marie-Bernarde Soubirous, là chị lớn trong số chín người con của một gia đình nghèo, thuở nhỏ sức khỏe ẻo lả, đau ốm luôn, vì bệnh suyễn và các bệnh khác. Marie-Bernarde sinh ngày 7 tháng 1, 1844, mất ngày 16 tháng 4, 1879, (35 tuổi), được phong thánh ngày 8 tháng 12, 1933, tên thánh là Bernadette. Truyền thuyết cho rằng Đức Mẹ nhập vào cô gái này và ban nhiều phép lạ, cứu chữa nhiều người lành bệnh.

Đúng giờ vào buổi sáng, đoàn toa xe lửa chạy vào đậu tại sân ga Pau, anh hớn hờ chực sẵn ở lối ra. Sau khi tạt vào nhà vệ sinh rửa mặt cho tỉnh người, anh ghé vào một tiệm cà phê, vừa ăn sáng vừa hỏi xem cho biết sự tình. Có xe buýt chở khách hành hương đi vào Lourdes.

Cảm giác đầu tiên của anh là vui thích quá!

Anh thấy tại đây, nhà thờ xây cất và chạm trổ gần giống như phần nhiều nhà thờ tại Pháp. Nhà thờ Lourdes có ba lầu chuông, một lầu cao sừng sững ngay giữa, và hai lầu thấp phía trước, nhưng nổi bật nhất bên ngoài là hang Núi Đức Mẹ trên một khoảnh đất vô cùng rộng lớn.

Chung quanh vách hang Núi, có treo vô số tấm bảng bằng cây, bằng đá cẩm thạch, trên đó có khắc chữ "Merci" (Cảm ơn) và nhiều cây nến, gậy...

Mỗi ngày, có cử hành hai lễ ngoài trời tại Núi Đức Mẹ: sáng từ 10 giờ đến 12 giờ, chiều từ 3 giờ đến 5 giờ. Khách hành hương gồm người bệnh từ các

khách sạn quanh khu nhà thờ, các nơi khác tới, họ ngồi xe lăn, hoặc nằm trên giường lưu động có người đẩy, có người đứng chống nạng, ngoài hàng trăm ghế chật ních người.

Tấn lặng lẽ đứng phía sau cùng. Nhìn bệnh nhân, và khách hành hương, anh nhớ đến mẹ, anh đọc kinh cầu nguyện cho sức khỏe của bà.

Không đợi hết buổi lễ, anh đi dạo khắp khuôn viên nhà thờ... nhìn nhà tắm cho khách đến tắm trả tiền, mong nước thánh sẽ trị lành bệnh tật, nhiều vòi nước để khách hành hương tự do lấy đem về uống cho hết bệnh.

Ngoài ra, có nhiều gian hàng bán vật dụng kỷ niệm, từ chai nước "thánh", đến râu chuỗi lần hạt, đủ cỡ, đủ màu, hình và tượng Đức Mẹ Bernadette, Núi Đức Mẹ, nhà thờ Lourdes, sách vở về Lourdes, v. v...

Vì biết đôi mắt mẹ anh không thấy rõ, anh chỉ mua một râu chuỗi lần hạt, hai chai nước "thánh" có nhãn hiệu đền hoàng, lại thêm hai chai nước "thánh" do anh đích thân hứng từ vòi nước tại hang Núi. Đây là quà cho mẹ anh, hy vọng sau khi dùng nước "thánh", đôi mắt của bà sẽ khá hơn!

Trong khi y khoa bó tay, thuốc vô phương cứu chữa, dầu sao một tia hy vọng tin tưởng cũng có thể giúp con người thêm sức mạnh để phấn đấu, nếu không lành bệnh thì tâm trí còn được an ủi sẽ có một ngày... tươi sáng hơn!

Chim bay về tổ

Trở về Paris, anh lo mua thêm tặng vật cho bà con cô bác. Người thứ ba trong thứ tự ưu tiên tặng quà là ông cha vợ.

Đi dọc bờ sông Seine, anh đến các gian hàng bán sách, nơi đây có bày bán tranh của nhiều họa sĩ, tuy không tên tuổi, nhưng tác phẩm của họ cũng "sống động" lắm. Anh muốn lựa cho nhạc gia anh một bức ảnh mà anh nghĩ là ông sẽ ưa thích, đó là hình con cò. Nhưng anh thất vọng vì có tranh hình con cò, nhưng khung cảnh không phải là đồng quê Việt Nam.

Sau cùng, anh vô một tiệm chuyên bán đồ kỷ niệm bằng thủy tinh, nơi đó có chằng bày đủ loại tượng nhỏ bằng pha lê rất mỹ thuật, đủ hình chim chóc, thú vật như công, hạc, cò, nai, cọp, chó, mèo... Anh không dẫn đo về giá cả, mua

tượng một con cò đang cất cánh bay, anh thích lắm vì nghĩ nhạc gia anh sẽ vừa ý với con cò này. Tưởng tượng đến nụ cười của nhạc gia khi anh về Việt Nam tặng cho ông món quà, anh thấy vui sướng quá!

Máy bay vừa cất cánh rời khỏi phi trường Orly; anh nhìn lại Paris lần cuối, cho đến khi sông Seine và Tháp Eiffel chỉ còn là bóng mờ.

Đối với người khác, Paris là một thành phố hoa lệ, Paris là thành phố "Ánh Sáng", nhưng đối với anh, Paris không có gì làm anh quyến luyến, anh chỉ mong sao cho mau đến Sài Gòn để tìm lại "bầu trời nhung nhớ của anh".

Nhớ lại gần một năm về trước, anh đi từ Việt Nam qua Pháp, anh mệt mỏi quá nên chỉ ngủ và quên hết chặng đường dài. Lần này, trên đường về lại quê hương, anh trông từng phút, thấy chuyến bay lâu quá, sau khi ghé qua các trạm ngừng Beyrouth, Karachi, Calcutta, và còn chặng chót là Calcutta-Sài Gòn.

Từ trên mấy tầng mây xanh, máy bay lần lần hạ thấp, anh nhìn qua khung cửa sổ, thấy màu nước đục ngầu của sông Đồng Nai; kế đến, sông Sài Gòn uốn lượn trên đồng ruộng, khi ẩn khi hiện dưới cây cối um tùm, sau cùng nhà cửa hiện rõ nét hơn...

Lòng mừng khắp khởi, tưởng tượng đến bóng dáng người vợ yêu mến đang thập thò đón mình tại phòng đợi phi trường Tân Sơn Nhất, anh cảm thấy nôn nao!

CHƯƠNG 12

Châu Về Hiệp Phố

Tình yêu lứa đôi nảy mầm trong khói lửa, chàng nàng vượt mọi trở ngại trên đường đời, đi đến cưới nhau, nhưng chưa được gần nhau; sau cùng, được "châu về hiệp phố". Ngày đầu gặp lại, hai kẻ yêu đương quấn quít bên nhau, hạnh phúc tràn đầy...

Nhưng, đối với Tấn, anh còn một tình yêu cao quý khác, anh phải về quê thăm mẹ để nghe lại tiếng dùi hiền từ thuở nào:

"Lời Mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào,

Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng Mẹ yêu".

(Y Vân: Tình Mẹ)

Bóng mẹ yêu

Ba ngày sau, Tấn cùng vợ về quê Bến Tre.

Tay xách tay mang quà lưu niệm mua từ Pháp, thêm vào một mớ trái cây độc đáo của xứ Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, nào bòn bon, măng cụt, chôm chôm, chàng nàng vui vẻ đi xe đò từ Thủ Dầu Một xuống bến An Đông, Sài Gòn, đổi xe đò Lục Tỉnh đi Mỹ Tho, rồi qua bắc Rạch Miễu, đi xe lam về nhà. Tuy đi đường xa cực nhọc, Tấn nói chuyện nhiều hơn thường lệ. Anh chỉ cho vợ xem xứ Bến Tre của anh, những nơi thời anh còn đi học...

Mỹ đã từng quen với cảnh vật của dòng sông Cửu Long, màu nước đục, lục bình với hoa màu tím, đồng ruộng bát ngát, nhưng điều làm cho nàng thích thú nhất là mấy hàng dừa xanh cao vút, nối tiếp nhau, nàng có cảm giác lạc vào chốn thiên thai, nhất là bên cạnh nàng là "người mình nhớ, mình thương".

Riêng Tấn, anh tưởng tượng cảnh gặp lại mẹ, anh sẽ ôm bà thật lâu để thỏa tình thương nhớ. Anh sẽ lấy ra râu chuối bỏ vào tay bà, anh sẽ khoe mấy chai nước thánh từ Lourdes... , chắc mẹ anh sẽ vui lòng lắm. Ngoài ra, anh có dịp trình diện cô dâu cho bà con lối xóm, lại có chút quà cho gia đình, anh thấy vô cùng sung sướng.

Chàng, nàng hôn hờ bước vô sân nhà. Từ trong, có tiếng anh Hai nói với vợ:

- Thằng Ba, nó về rồi kìa! (là Tấn, cách xưng hô trong gia đình).

Vừa nói, anh vừa chạy ra, hỏi Tấn:

- Ủa, em nhận được tin anh gọi cho em rồi hả?

- Tin gì? - Tấn ngạc nhiên hỏi lại.

- Thì tin cho biết là má mất rồi!

Tấn rụng rời tay chân, miệng lắp bắp, không nói ra lời.

Anh cùng vợ bước vô nhà, thấy hoa tươi và hoa cườm phúng điếu còn để quanh bàn thờ; nhìn lên, có hình mẹ trên đó, anh nghẹn ngào:

- Tại sao vậy anh Hai? Em đâu hay biết gì? Má chết hồi nào, tại sao?

Anh Hai càng ngạc nhiên hơn nữa:

- Chớ em không được tin anh gọi cho em sao, mà sao em về đây?

Tấn ngẩn ngơ, Mỹ bàng hoàng...

Anh Hai của Tấn nghĩ rằng em mình từ Pháp trở về là do điện tín anh gọi qua báo tin mẹ qua đời. Trong khi vợ và hai đứa con anh phụ với vợ chồng Tấn sắp xếp đồ đạc, anh Hai buồn bã kể lại.

Theo câu chuyện, bà mẹ đau từ hơn hai tháng nay vì bệnh tim trở nặng. Một ngày đó, bà ngã quỵ trong khi đang quét nhà và hai ngày sau, buông hơi thở cuối cùng tại bệnh viện. Lập tức, anh nhờ người đánh điện tín qua Pháp cho Tấn hay. Hai ngày sau, bà mẹ được chôn cất xong tại nghĩa trang gia đình gần đó.

- Trước khi mất, - lời anh Hai kể tiếp - má cứ nhắc em hoài, anh với chị Hai em khuyên hoài mà má không nghe, má nói "ước gì tao thấy mặt thằng Ba (là Tấn), tao nhớ nó quá!"

Càng nghe, Tấn càng đau khổ, nước mắt không vơi. Vợ Tấn cũng khóc sụt sùi. Mỹ nhớ lại chỉ thấy bà một lần khi bà lên Sài Gòn dự lễ cưới, lần đầu

và đâu ngờ đó là lần cuối. Riêng Tấn, anh cảm thấy "tội lỗi" đối với bà, anh càng buồn hơn nữa vì với những món quà anh nhọc công mua từ vùng thánh địa, tính là mẹ sẽ vui, nào ngờ mẹ không còn sống để nhận! Đang suy nghĩ vẩn vơ, anh giật mình khi nghe anh Hai hỏi:

- Em không biết má chết, mà sao em về đây? Chùng nào trở lại bên đó?

Tấn trả lời yếu ớt:

- Em về đây luôn, không trở qua nữa!

Anh Hai càng ngạc nhiên hơn, nhưng thấy Tấn do dự không trả lời, anh cũng không hỏi thêm. Lát sau, anh nói tiếp:

- Thôi như vậy càng tốt, chồng đâu vợ đó, anh chị mừng cho hai em, mà cũng mừng cho anh chị, từ nay, anh em mình được gần nhau.

Tấn làm thinh.

Sau hiểu ra là điện tín (télégramme) có gửi đi từ Bến Tre, phải qua Sài Gòn, và từ đó qua Paris, cũng phải mất hai, ba ngày mới đến tay người nhận, có lẽ trong lúc đó, Tấn đã rời khỏi Paris để về Việt Nam rồi.

Sau khi lấy ra xôi chuối và mấy chai nước thánh để lên bàn thờ, Tấn cùng vợ quỳ xuống, Tấn đưa tay lên làm dấu thánh giá, và cả nhà xúm lại đọc kinh.

"Kính mừng Maria đầy ơn phước... ..

... .. Amen"

Mỹ hơi bỡ ngỡ, ngồi yên, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn, vì không quen nghi thức đọc kinh bên Công Giáo.

Vào buổi chiều, cả nhà ra thăm mộ: đất đắp còn mới, hoa phúng điệu úa tàn ngổn ngang trên bãi cỏ héo, vài cây đèn cầy đốt nửa chùng còn sót lại buồn bã đứng chờ vợ... Cuộc đời con người đâu có cao sang quyền quý thế nào, lúc ra đi, chỉ còn là "sè sè nắm đất bên đường" hoặc nếu thiêu đốt, chỉ là nắm tro tàn, cũng có thể là chìm trong lòng biển cả!

Gia đình đứng trầm ngâm trước ngôi mộ, sau đó, cùng nhau đọc kinh Cầu Hồn cho mẹ.

Qua ngày sau và liên tiếp những ngày còn ở lại Bến Tre, mỗi sáng và chiều, Tấn cùng vợ đến dự lễ Cầu Hồn cho Anna tại nhà thờ. (Anna là tên thánh của bà mẹ)

Cuộc sống

Danh vọng, người lính chiến đã bỏ; bằng cao đẳng, chuyện quá xa vời, đến giai đoạn này là tình yêu và sự thật của cuộc đời. Túp lều tranh và hai quả tim vàng phải chăng là hình ảnh trong trí tưởng tượng của nghệ sĩ hoặc những kẻ mới bắt đầu yêu nhau?

Sau hai tuần trong hạnh phúc yêu đương, thiên đường lần lần biến thành trần tục. Một sự thật phủ phàng, không phải vì nàng kém đẹp hơn, cũng không phải vì nàng ít dịu dàng hơn, mà chính do tâm tư của người trong cuộc.

Tấn còn nhiều mối lo khác, anh phải lo cho sự sống, không thể có quả tim vàng trong túp lều tranh khi bụng đói.

Cuộc sống chung với gia đình nhạc gia chỉ là tạm bợ, anh phải tìm con đường tự lập hơn, mặc dầu ông kỹ sư thông cảm hoàn cảnh của anh:

- Hai con cứ tự do ở chung với ba má, nhà còn nhiều chỗ rộng! Ở tại tỉnh này, ba má cũng không có bà con với ai, gia đình mình hủ hỉ với nhau thì vui chớ có sao đâu?

Tuy biết cha mẹ thương con, nhưng Tấn cũng ngại vì anh còn tự ái của anh, không thể sống nhờ vả vào gia đình bên vợ. Anh bàn với vợ:

- Thủ Dầu Một là một tỉnh nhỏ, khó kiếm việc làm, để anh về Sài Gòn vài bữa, bề nào Sài Gòn cũng là thành phố lớn, ở đó có nhiều cơ hội hơn!

- Rồi anh ở đâu? - Mỹ hỏi chồng.

- Em đừng lo, anh ở tạm nhà người quen, năm mười ngày nữa, anh về với em!

Tuy nói câu đó, nhưng Tấn rất lo, vì vốn tánh nhút nhát, anh không quen biết nhiều bạn bè ở Sài Gòn, và nếu có quen đi chẳng nữa, anh cũng ngại ngùng, không muốn cho bạn bè biết hoàn cảnh của anh, trong đó có ông bà Năm là người đã giúp đỡ anh rất nhiều trong lễ cưới. Luôn cả ông Tướng là người anh mang ơn gần như trời biển, anh cũng không dám gặp. Anh sẽ "ăn làm sao, nói làm sao" bây giờ? Anh sợ người ta nghĩ:

- Tưởng gì, giải ngũ để đi Tây học, lại bỏ cuộc!

Chính mặc cảm đó làm cho anh thấy hổ thẹn và cô đơn hơn.

Nhưng, anh còn một nơi nương tựa cuối cùng, đó là Cha Nhà Dòng Chúa Cứu Thế. Anh đến gặp Cha... Đúng như mong đợi, linh mục vui lòng cho anh ở căn phòng lúc trước, nay vẫn còn trống.

- Không sao - lời của linh mục - con cứ ở đó, nếu có được việc làm, cứ ở đó, chừng nào con tính đem vợ xuống, con hãy mượn nhà riêng.

Linh mục cho anh mượn chiếc xe đạp cũ kỹ bỏ lâu năm trong nhà kho. Anh bỏ ra nửa ngày, lo tu bổ chiếc xe, cho dầu mỡ, chùi rửa lại cho sáng bóng hơn. Qua ngày sau, sáng sớm, anh đã ra khỏi nhà.

Ôi! Còn thuở nào ngồi trên xe Jeep hiên ngang chạy trong thành phố, với bộ quân phục uy nghi, nay anh chỉ là một người thất nghiệp lang thang đi tìm việc! Nhưng anh không lấy thế mà buồn. Cuộc đời anh, anh đã hy sinh vì tình yêu, anh không hối hận, còn tự hào là khác, vì cưới được một người vợ đẹp, học thức, đoan trang, trong một gia đình danh giá. Đối với những trở ngại khó khăn nhứt trong quá khứ, anh đều vượt qua được, sá chi tìm một công việc?

Đi rong một lúc, anh ghé lại sạp báo, mua hai tờ nhật báo, đảo mắt nơi mục "Cần người làm" và ghi vào sổ tay mấy địa chỉ. Anh tiếp tục đạp đi. Rủi cho anh ngày hôm đó, trời mưa to gió lớn; không có áo mưa, anh bỏ cuộc, ráng đạp xe về nhà, mình mẩy đầm ướt.

Qua ngày sau, anh tính đến mấy địa chỉ ghi vào sổ ngày hôm qua. Đang cong lưng đạp xe dọc theo bến Chương Dương, vùng Cầu Kho, thình lình anh nghe có tiếng gọi quen quen:

- Ông thầy! Ông thầy!

Anh ngó lại:

- Ủa Lâm! Sao em ở đây?

- Sao ông thầy ở đây?

Hạ sĩ Lâm lúc trước là lính làm việc với anh ở Tiểu Đoàn Khinh Binh, là "tà lọt" (người phục dịch) của anh trong hơn một năm, lúc đó anh là Thiếu Úy. Hai thầy trò không gặp nhau từ khi Tấn đổi về Tiểu Khu Cần Thơ. Sau khi hỏi qua hỏi lại vì ngạc nhiên không ít, Lâm mời anh vô ngồi trong chòi vừa cát, gạch, bên bờ sông. Lâm vui vẻ:

- Gặp lại ông thầy, em mừng quá, ông thầy không còn ở trong nhà binh hay sao?

Không đợi Tấn trả lời, Lâm cho biết là anh được giải ngũ vì bị thương nặng ở chân, hiện còn đi khắp khếnh. Anh về Sài Gòn hơn tháng nay, hiện ở nhà người chú. Chú của Lâm là nhà thầu xây cất, có một vừa mua bán gạch, ngói, cát... bên bờ sông, nhờ Lâm đứng trông nom.

Vì biết đây là một "thằng em út" sống chết có nhau lúc trước, Tấn "bật mí" chút tâm tình về việc anh giải ngũ và chuyện gia đình cho Lâm biết tuy không đi vào chi tiết, anh cũng tỏ ý muốn tìm việc làm. Nghe đến câu sau cùng của Tấn, Lâm mừng ra mặt:

- Hay quá! Vậy thì may cho em quá!

- Sao lại may cho em? - Tấn vừa hỏi vừa cười cười - tôi kiếm việc làm mà sao may cho em?

Lâm phân trần:

- Ông thầy biết em, em đâu có chữ nghĩa gì, cả đời lớn lên chỉ biết "bóp cò bóp bóp", chỉ biết đánh giặc, em có nói với chú là em không hợp với nghề gạch ngói này, gì đâu mà cứ đếm tiền với ghi sổ, ngán quá... chú biểu em cứ tiếp tục làm, chỗ này phải có người tin cậy mới được, chừng nào chú tìm được người,

hãy hay. Em làm đây chưa được nửa tháng, vậy để trưa chiều, em nói với chú để thầy thay em, em nói ông thầy là thầy của em, chắc ông đồng ý.

Ba ngày sau, Tấn đi xe đò về Thủ Dầu Một. Anh bước vô nhà với vẻ mặt dầu dàu.

- Sao, anh đi có mệt không! Có gì buồn mà im lặng vậy anh?

Mỹ vừa hỏi vừa chăm chú nhìn nét mặt chồng. Tấn làm thinh.

- Máy bữa rày, anh ngủ ở đâu, làm em ở nhà lo quá chừng hà!

Với giọng đều đều, Tấn cho biết:

- Anh ở trong Nhà Dòng, Cha cho anh ở đậu.

- Rồi công chuyện làm ăn của anh ra sao?

Tấn trả lời xuôi xị:

- Cũng được...

- Cũng được là sao, làm gì mà bí mật với em quá vậy?

Đến đây, Tấn không nín được nữa, anh bật cười lớn tiếng, chạy lại ôm nàng:

- Được rồi! Có việc rồi! Anh làm bộ nói láo chơi với em, thấy em lo tội nghiệp em quá!

- Vậy mà làm người ta lo gần chết! Anh chộc quê em hoài!

Tấn kể cho Mỹ nghe về việc gặp hạ sĩ Lâm và được chú của Lâm chấp nhận cho cai quản vựa cát, gạch, ngói ở bến Chương Dương.

Mỹ vừa mừng, vừa nũng nịu trách:

- Anh ác lắm ghen! Anh biết vì ai mà người ta khóc bao nhiêu nước mắt rồi không, anh muốn em khóc bao nhiêu lần nữa đây?

Tấn hồi hận:

- Lâu lâu, làm cho em hồi hộp một chút, xin lỗi em!

Rồi anh kể tiếp về công việc làm:

- Làm ở đây, hơi vất vả chút chút, vì phải có mặt từ 6 giờ sáng tới 7 giờ chiều...

Tấn chưa nói hết câu, Mỹ xen vào:

- Cực quá phải không anh?

- Có sao đâu em, mình có việc làm là tốt...

Nói đến đây, anh ngập ngừng, vì anh không muốn nói hết sự thật.

Công việc anh vừa tìm được là một việc tầm thường, quá dễ so với trình độ học vấn của anh, lương bổng quá khiêm nhường, nhưng anh nhận vì hãy còn "chân ướt, chân ráo", có thể xem như một tấm ván để bước qua những ngày tháng khó khăn.

Nhớ lại hồi còn trong quân đội, với lương căn bản của một Trung Úy độc thân, anh lãnh mỗi tháng 2 ngàn năm trăm đồng, quần áo, xe di chuyển do quân đội cung cấp. Hiện giờ, lương anh chỉ bằng phân nửa số lương trên, nghĩa là chỉ hơn một nhân công phù động⁶ đôi chút. Trong khi đó, muốn vô công chức chánh ngạch hay công nhật, phải trải qua nhiều giai đoạn: tìm danh sách công việc, nộp đơn, đợi đến ngày thi, cũng mất cả năm.

Hơn nữa, vì tự ti mặc cảm, anh rất ngại đến xin việc tại các cơ quan chánh phủ hay quân đội, sợ gặp người quen. Ngày nào đường đường là một chiến sĩ hiên ngang, ngày nay, anh thấy thân phận mình quá bẽ bàng đối với bạn bè. Anh muốn trốn tránh tất cả. Đó là lý do khiến anh chấp nhận ngay công việc trông nom vựa cát, gạch, một nơi trong bóng tối, ít gặp ai và ít ai để ý.

Bù lại, công việc tại đây cũng nhàn hạ, chỉ đứng bán và thu tiền hay trả tiền mua cát, mua gạch do họ giao tới cho mình, tuy nhiên, thời gian làm việc

⁶ Nhân viên phù động là nhân viên làm việc cho chánh phủ, quân đội, với tánh cách tạm thời. Lương bổng tính theo số ngày làm việc, mỗi ngày 40 đồng theo thời giá vào lúc đó.

trong ngày kéo dài quá lâu: gần 12 tiếng đồng hồ, từ sáng sớm đến gần chiều tối.

Sợ Mỹ hiểu thấu nỗi lo âu của anh, anh mỉm cười nói tiếp:

- Anh đã cực khổ từ lâu, anh đã từ bỏ mộng cao sang quyền quý để được gần em, đó là mơ ước của anh, có em bên anh, anh không đòi hỏi gì hơn nữa!

Chàng nàng nắm tay nhau, nhìn vào mắt nhau, lặng thinh, nước mắt nàng long lanh như hạt kim cương lặn trên đôi má, nàng gục đầu vào vai anh. Hồi lâu, nàng vụt nhớ:

- Ngày mai, chủ nhật, anh với em xuống Lái Thiêu ăn bánh tằm bì rất nổi tiếng ở đó, ăn để mừng ngày anh có việc làm!

Cả nhà tối hôm đó ăn một bữa cơm thật vui vẻ.

CHƯƠNG 13

Hạnh Phúc Yêu Đường

"Túp lều tranh"

Hai tháng sau. Anh mượn được căn nhà nhỏ tại khu Cầu Kho, gần vựa gạch anh làm việc. Vợ cũng về ở chung với anh.

Từ sáng sớm, anh đã ra khỏi nhà với chiếc xe đạp của linh mục Nhà Dòng cho, đến sụp tối mới về. Chỗ làm việc là bên bờ sông, trên đó có cất một chòi lá ngăn đôi, phía trước là nơi tiếp khách, có bàn và một băng cây dài để khách ngồi, băng hiệu là Nam Sơn. Bên trong có một ghế bố ngồi bật ngửa làm chỗ nghỉ ngơi. Cửa sau và cửa trước là một tấm tre đan, đẩy lên hạ xuống.

Bên ngoài, mấy đồng cát, ngói, gạch đỏ, gạch xi măng... được chất từng cụm ngay hàng thẳng lối... Nhiệm vụ của anh là đứng bán, thu tiền, không khuân vác, vì đó là trách nhiệm của người mua; ngoài ra, xe giao gạch, ngói tới, anh nhận, anh chỉ nơi nào, họ sắp vào đó. Cứ hai ngày, ông thầu khoán cho người ghé lấy tiền, ghi sổ sách kế toán. Anh còn có một nhiệm vụ nhỏ khác là chiều chiều, đón ghe cát từ Cát Lái về ngang, anh kêu họ vô khi cần mua cát: người trên ghe bưng cát đổ thành đồng trên bờ sông.

Suốt ngày, anh ở ngoài trời, sắp xếp lại ngay ngắn đồ đạc. Không ai kiểm soát anh, lúc mệt hay vắng khách, anh vô chòi ngả lưng trên ghế bố nghỉ chốc lát. Đến hết giờ làm việc, anh sập cửa xuống, bỏ đó ra về.

Lạ là vào thời đó, đồ đạc bỏ ngoài trời, không ai canh gác, mà không bị mất mát chi cả. Không riêng gì vựa của anh, dọc theo bờ sông còn nhiều chủ khác, cũng không có trộm cắp. Lạ hơn nữa, thời đó, dân chúng xài toàn tiền mặt, nhưng không có ai dí súng, đưa dao ra đoạt tiền. Càng hay hơn là không có chức quyền nào đến hỏi "thủ tục đầu tiên".

Có ngày, anh ở lại để đón ghe cát đi ngang để mua. Trong câu chuyện làm ăn, anh được nghe chủ ghe cát than thở về nghề nặng nhọc này:

- Thầy Hai biết không, (họ kêu Tấn là thầy Hai, theo như cách xưng hô thông thường trong Nam), làm nghề này đắp đổi qua ngày là mừng lắm đó, thầy Hai. Sáng sớm phải cho ghe ra, tới cồn cát Cát Lái cũng gần đứng ngọ, tôi với hai thằng con lớn nhào xuống xúc cát lên ghe... mà cát nặng lắm, làm chừng một tiếng đồng hồ phải nghỉ xả hơi, rồi làm tiếp cho tới xế xế, muốn hốt nhiều mà không dám, sợ chìm ghe; khi ghe chở cát, ghe không nhảy sóng vì quá nặng, mình phải dòm trời, dòm đất, coi có mưa giông, gió lớn không, nhiều khi xúc cát rồi phải đổ bớt vì trời xấu...

Vừa nói, ông nhấm nháp chút trà nguội trong cái chén, lấy tay quạt mồ hôi trên trán rồi kể tiếp:

- May là ghe cát nào cũng thả buồm⁷, chớ nếu mình chèo thì càng mệt hơn nữa.

Có lúc đi trên sông Sài Gòn, thấy tàu lớn, mình phải tấp vô gần bờ, không thì chân vịt của tàu lớn làm nổi sóng, ghe mình có thể chìm như chơi! Thầy Hai thỉnh thoảng coi nhứt trình có nói ghe cát bị chìm là vậy, chìm ghe là tiêu tan vốn liếng, nhưng đã lỡ theo nghề này từ mấy mươi năm, phóng lao phải theo lao, khổ lắm thầy Hai ơi!

Tấn rất xúc động khi biết tình cảnh của người chủ ghe!

Trên đường về, anh so sánh nghề ghe cát với công việc nhàn hạ của anh, anh cảm thấy anh là người tốt số và cũng từ đó về sau, khi có thuốc men, thuốc bổ, anh để dành biếu cho gia đình mấy ông chủ ghe.

Vừa gạch, cát của anh cũng là nơi được các em bé bán hàng rong chiếu cố.

- Chú mua giùm em mấy bánh cam đi chú!

- Khoai lang mới luộc, ngon lắm chú Hai!

Tấn không muốn ăn, nhưng các em cứ nài nỉ, làm Tấn cũng động lòng sau khi nghe mấy em kể lại hoàn cảnh của mình.

Em bán khoai mì kể rằng:

- Em mà bán không được, về nhà má em đánh em, nói lo đi chơi không lo đi bán.

Cậu bán bánh cam:

- Chú mở hàng giùm em đi chú, mấy lần trước, nhờ chú mở hàng, ngày đó em bán mau hết lắm! Nếu không, em đi cả buổi, phải bán hết mới được về nhà.

Nhiều khi vì thương cho tình cảnh của mấy em, Tấn mua về nay món này, mai món nọ, để phải nghe vợ cằn nhằn:

- Ở nhà có đủ đồ ăn rồi, sao anh mua đem về hoài vậy?

Nhưng sau khi nghe anh nói rõ lý do, Mỹ cũng động lòng trắc ẩn:

- Cũng tội nghiệp quá chớ! Gặp em, chắc em cũng không nỡ từ chối!

Có một lần, có chị bán hột vịt lộn đến khoe hàng khá hấp dẫn:

- Hột vịt lộn này mới úp mề⁸, ngon lắm, chú mua về cho thím hai hột đi chú!

⁷ thời đó, ghe thuyền chưa có máy đuôi tôm

⁸ hột vịt lộn "úp mề" là hột vịt mới ấp, chưa tượng hình con vịt con

Tấn nhớ lại bến Ninh Kiều, Cần thơ, người ta ưa ăn hột vịt lộn, anh mua về hai trứng. Anh hôn hờ bước vô nhà, khoe món quà, nghĩ rằng vợ thích ăn, không ngờ vợ từ chối:

- Anh ăn đi anh, em không ăn được...

Tấn hơi giựt mình:

- Ở Cần Thơ, người ta thích món này lắm mà?

- Ở nhà em, không ai ăn hột vịt lộn hết, Nội với má không cho ăn, nói mình tu theo Phật, sát sanh vịt con, tội lắm!

Thỉnh thoảng, Mỹ đi bộ đến, đem cơm trưa để cùng ăn với chồng. Gió mát trong lành từ dòng sông thổi lên từng hồi vào "túp lều lý tưởng", chàng, nàng tưởng mình như đang cắm trại trên một bờ biển nào. Không sơn hào hải vị, hai người chia xẻ cơm với thịt kho, kèm theo dưa chuột, tuy toàn món ăn đạm bạc, nhưng thấy thật ngon. Cùng nhắc lại xứ Cần Thơ buổi đầu gặp gỡ, chàng nàng cảm thấy vui sướng quá!

Hạnh phúc là đâu, có phải chăng là những việc tầm thường nhưng ta biết tận hưởng?

Cũng có những buổi chiều, nàng ra đón chàng về. Lúc đó, nắng chiều xé bóng, mây đỏ bít cả chân trời, hai người đứng kề vai nhau hướng về mấy chiếc thuyền buồm lộng gió từ xa, nhìn từng đoàn chim bay, chàng buột miệng nói:

- Cảnh thật thơ mộng! Nhưng nếu không có em thì còn gì mộng mơ nữa, phải không em?

Tấn cũng có tâm hồn lãng mạn lắm chứ, tuy rằng anh quên hay không biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương cũng có ý thơ tương tự:

*"Em ơi, lửa tắt bình khô rượu,
Đời vắng em rồi, say với ai?"*

Khách Quý

Một ngày chủ nhật nọ, hai vợ chồng trẻ đón khách quý đến nhà, đó là bà Nội và ông bà kỹ sư, quá giang xe người bạn xuống Sài Gòn. Biết con mình đơn chiếc, bà kỹ sư khệ nệ bung vào một nồi bánh canh cua giò heo, cùng một ít nem Lái Thiêu; Mỹ phụ xách trái sầu riêng và măng cụt để lên bàn... , lại thêm một số chén, đĩa, tô, làm từ lò gốm ở Thủ Dầu Một. Nàng mừng rỡ, Tấn vừa vui vừa lo, vì sợ không đón tiếp ông bà gia cho phải đạo, mặc dầu đã được thông báo trước.

Ông kỹ sư đi tới đi lui trong căn nhà ọp ẹp nền gạch vách ván, nhìn bàn ghế thuộc loại rẻ tiền, ông nói vào tai bà vợ trong khi vợ chồng Tấn bận trong nhà bếp:

- Con mình nó sống cực khổ như vậy mà chúng nó vui, mình mừng cho nó!

Bà Nội chêm vào:

- Má thấy con Mỹ nó cười hoài, coi bộ nó vui lắm đó con!

Đến giờ ăn, thấy không đủ ghế ngồi, ông kỹ sư phụ kéo bàn ăn sát vào bộ ván, để có chỗ ngồi đủ năm người.

Sau nhiều năm trời lặn độn, Tấn giờ này cởi mở hơn, nói chuyện nhiều hơn trước, anh kể chuyện đi làm, chuyện Mỹ cùng anh ra bờ sông ngắm cảnh, trong khi Mỹ lảng xảng, quá mừng vì cha mẹ đến thăm.

Lên bàn ăn, đầu tiên là bánh tráng cuốn nem với rau sống chấm nước mắm, kế là mỗi người một tô bánh canh cua giò heo nóng bốc hơi. Bà kỹ sư khen nem Lái Thiêu:

- Thường người ta thích nem Thủ Đức, má thấy nem Lái Thiêu cũng ngon lắm, bởi vậy má mua cho con hai chục để dành ăn.

Bữa ăn vui vẻ chấm dứt sau khi tráng miệng bằng trái cây nổi tiếng của Lái Thiêu, nào măng cụt, bòn bon, nhứt là mấy múi sầu riêng bùi và ngọt, thơm phức cả nhà. Ông kỹ sư lộ vẻ hài lòng ra mặt:

- Ba má thấy tụi con sống nghèo khó mà giữ được tiếng cười, ba má vui lắm. Đời không cần gì phải giàu có, mình biết an phận, không đứng núi này, trông núi nọ là hạnh phúc đó con!

Một tin vui

Như thường lệ, buổi chiều, khi về nhà, Tấn tự động mở cửa bước vô. Nhưng hôm nay, vợ ra trước cửa đón anh. Vừa thấy chồng, nàng hớn hở khoe lớn tiếng:

- Anh ơi! Bữa nay em có một tin vui!

Tấn giựt mình, nhìn nàng từ đầu xuống chân:

- Thiệt sao em! Em thấy trong mình em thế nào mà nói là tin vui?

Mỹ không hiểu:

- Anh nói gì kỳ vậy?

- Chớ không phải là... là...

Thấy Tấn ngập ngừng, nàng nói tiếp:

- Em đổ anh đó, anh nói đúng, em thương anh!

Tấn còn đang phân vân:

- Có chắc không mà em nói là tin vui?

- Một trăm phần trăm! - nàng nũng nịu.

Tấn không hiểu, vì nghi rằng vợ mình có thai, anh nói tiếp:

- Phải đi bác sĩ cho người ta thử mới biết chắc em à!

- Ô! Không phải, anh kỳ thiệt, người ta nói chuyện đàng hoàng mà!

Tấn cười lên:

- Có thai không phải là chuyện đàn ông sao?

- Không, đây là chuyện đàn ông khác!

Và nàng bắt đầu kể lại cho chàng nghe tin vui.

Theo câu chuyện, sáng nay khi đi chợ, Mỹ đi ngang một trường tiểu học, nàng nhìn thấy một tấm bảng trên đó có viết vài hàng chữ bằng phấn "Cần một giáo viên dạy tiểu học", nàng bước vô, gặp bà chủ trường. Mỹ hỏi thăm bà về việc tìm người dạy học, bà chủ trường vui vẻ mời nàng vào văn phòng nói chuyện. Bà cho biết là thầy giáo đang dạy bị động viên và bà muốn mượn cô giáo hơn là thầy giáo, để tránh khỏi gặp trường hợp động viên nữa. Sau khi Mỹ cho biết qua về trình độ học vấn của mình, bà chủ đồng ý với điều kiện cho xem bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp.

- Em về nhà - lời nàng kể - trở lại đưa cho bà xem bằng của em, bà đồng ý trả lương cho em như thầy giáo trước, bà muốn em đến dạy càng sớm càng tốt, nếu được thứ hai tới càng hay, bà nói là bà vui lắm, em cũng mừng quá!

Tấn khen vợ:

- Không ngờ cô gái Cần Thơ của anh cũng lanh lợi, giỏi giảo quá chừng!

- Em mừng lắm, vì có tiền phụ với anh, có việc làm cũng đỡ buồn.

Sẵn đà vui vẻ, Tấn tiếp theo:

- Anh còn phải khen em một chuyện khác...

Tấn ngập ngừng, nàng nóng ruột, hỏi:

- Chuyện khác là chuyện gì?

- Sao em biết nấu ăn, em học hồi nào?

- Dễ ợt! Anh biết sao không?

Nàng bắt đầu nhắc lại thời thơ ấu ở Cần Thơ, và lúc sau này khi lên Thủ Dầu Một. Thuở còn đi học, nàng ưa để ý đến cách nấu ăn nhưng không thực hành, mãi đến sau ngày đám cưới và về Thủ Dầu Một ở, nàng bắt tay vào việc, vì bà kỹ sư muốn cho con tập nấu nướng để sau này chu toàn nhiệm vụ người vợ trong gia đình.

- Má chỉ cho em từng ly từng tí, - lời Mỹ - má nói người vợ phải biết nấu ăn, để tạo hạnh phúc cho gia đình... Có lần, má kể câu chuyện vui là hai vợ chồng nghèo, nấu canh bầu nhưng không có tiền mua tôm, phải mót râu tôm ngoài chợ, đem về nấu canh, vậy mà họ ăn rất ngon, câu ca dao này, em nhớ hoài:

"Canh bầu nấu với râu tôm,

Vợ chan, chồng húp, hít hà khen ngon".

Tấn mở tròn đôi mắt, ôm chầm lấy nàng:

- Cha! Em của anh hôm nay cũng biết đọc văn thơ nữa! Mừng cô giáo, mừng cô đầu bếp của anh!

Ông Thầu Khoán

Tấn làm việc tại vựa cát, gạch, gần một năm.

Lâm thỉnh thoảng có ghé lại thăm và cho biết ông chú của Lâm (ông thầu khoán) rất mến và tin cậy ông thầy của mình. Sau đó, Lâm về Cái Vồn ở và cưới vợ tại đó.

Như thường lệ, ông thầu khoán cứ hai ba tuần đến xem hoạt động của vựa cát, gạch, ông nhiều lần tỏ ra hài lòng về tánh siêng năng và chơn thật của Tấn.

Ngoài ra, cách hai ba ngày, có thầy thơ ký của ông thầu khoán đến thanh toán sổ sách xuất nhập với Tấn. Hôm đó, thầy ngồi lại chơi hơi lâu, sẵn dịp, thầy cho biết ông chủ thầu sắp đóng cửa vựa cát gạch này. Tấn hơi giựt mình, nhưng tỏ vẻ bình tĩnh như không để ý, xem như không có chuyện gì xảy ra.

Khi thầy thơ ký ra về, Tấn bắt đầu lo trong bụng: "Phen này, mình phải đi tìm việc khác!" Và anh vẫn cố gắng lo làm việc như thường lệ. Anh cũng không muốn cho vợ biết, sợ nàng lo.

Mỹ để ý thấy anh ít nói hơn thường lệ, hỏi anh, anh tránh né:

- Tại mấy bữa rày làm việc hơi nhiều, anh mệt, chớ không có gì!

Mặt khác, anh mua báo, xem cột "Cần Người", mong tìm được một hãng thuê mướn người.

Đến kỳ ông thầu khoán đến phát lương, trong câu chuyện, Tấn hỏi ông:

- Tôi nghe dường như ông sắp dẹp chỗ này? Nếu đúng vậy, xin ông cho tôi biết sớm để tôi lo liệu.

Không dài dòng, ông thầu khoán vô đề ngay:

- Đúng như vậy, thầy Tấn à! Chính vì vậy mà hôm nay tôi đến đây gặp thầy. Thầy biết tại sao không?

Tấn ngơ ngẩn nhìn ông, ông mỉm cười nói tiếp:

- Tôi vừa trúng một "mẻ khá lớn"!

Tấn chưa hiểu, lấy làm lạ không biết mẻ lớn là mẻ gì; ông thầu khoán nói tiếp:

- Tôi vừa trúng thầu xây cất một Trại Định Cư ở vùng Vũng Tàu. Công việc sẽ bành trướng thêm ra, vì vậy, tôi không còn thời giờ để lo cho vựa cát nữa. Trong vòng ba tháng tới, tôi phải khởi công xây cất, tôi cần thêm chuyên viên họa đồ, thầy thợ, tôi xin thầy ở lại giúp tôi một tay.

Theo lời ông, ông sẽ bán vựa gạch, cát này, ông mời Tấn về văn phòng ông làm việc, trông coi thợ thuyền và phụ trách lương bổng cho họ. Công việc đòi hỏi đôi lúc phải di chuyển đến tận nơi xây cất để phát lương hay giải quyết chuyện lặt vặt.

- Thầy đừng lo - ông cho biết - tôi sẽ trả lương xứng đáng cho thầy, ngoài ra, khi thầy phải đi công tác ở công trường xây cất, tôi sẽ lo chỗ ăn ở cho thầy...

Với lại, từ Sài Gòn xuống Vũng Tàu không xa, ba tiếng đồng hồ là tới, có thể về trễ thôi. Đây là công việc làm ăn lâu dài, hết công tác này, tôi còn nhiều công trình xây cất khác, anh em mình không sợ thất nghiệp đâu, chỉ sợ mình không đủ sức làm thôi. Chủ nhật tới, mời thầy đến văn phòng tôi lối 10 giờ sáng, mình sẽ bàn chi tiết và lương bổng của thầy luôn thể.

Nghe ông thầu khoán nói, Tấn cảm thấy lòng nhẹ nhõm... Làm việc bấy lâu nay với ông thầu khoán, Tấn biết chắc ông là người tốt bụng.

Ông xuất thân từ một gia đình nghèo khó, quê ở Cái Bè (Mỹ Tho). Cha chết sớm, ông phải nghỉ học khi vừa đậu bằng Tiểu Học tại quận Cái Bè. Gia đình gồm có mẹ, ba anh em trai và hai em gái, tất cả đều phụ giúp mẹ trong việc làm ruộng, làm rẫy, và bán trái cây, như thơm, nhứt là cam Cái Bè, một loại cam có tiếng.

Thấy làm ăn tại quê nhà chật vật và cuộc sống thường bị du kích quấy nhiễu, nay đến xin tiền, mai kêu vô hội "Cứu Quốc", ông bỏ nhà lên Sài Gòn tìm kế sanh nhai. Với căn bản học vấn Tiểu Học, ông tìm được dễ dàng một chân thợ ký cho một hãng bốc dỡ hàng tại bến tàu. Làm việc được nửa năm, ông suy tính: "Làm nghề "cạo giấy" tuy nhàn hạ, nhưng không có tương lai, chi bằng mình kiếm một nghề lao động rồi từ đó tiến lên".

Ông bỏ nghề thợ ký, theo bạn bè làm nghề thợ hồ; với tánh siêng năng và chịu khó tìm tòi, ông học được kinh nghiệm và sau mấy năm, ông đích thân đi lãnh công việc thợ hồ cho riêng ông.

Nhờ tánh tiêu xài rộng rãi, thương mến bạn bè, ông được lòng các người cộng sự với ông, ông lần lần khá lên và cưới vợ, cùng quê Mỹ Tho.

Mấy năm sau, ông mở cửa hiệu tại căn nhà nhỏ của ông ở vùng Chợ Đuối, lấy hiệu Nam Sơn, ông thường nói với bạn đồng nghiệp:

- Làm ăn, mình phải có bằng hiệu mới được nhiều người biết, mới có mỗi nhiều hơn.

Trước cửa hiệu, ông trưng bày một ít cát, bao xi măng, gạch, ngói, tôn... , nhờ đó thu hút được một số khách nghèo, mua lẻ về sửa nhà. Ông cũng vẽ thêm một tấm bảng: "Tại đây, có lãnh xây cất nhà cửa". Với đà làm ăn khá hơn, ông mở thêm vừa cát, gạch ở bờ sông, tại bến Chương Dương, cũng lấy tên là Nam Sơn (nơi Tấn làm việc).

Được khách tin cậy, ông vững lòng tin hơn, một mặt ông mượn thêm người phụ ông trong việc xây cất, mặt khác, ông đi tìm mối tại các cơ quan chánh phủ, nhờ đó, ông "ăn nên làm ra", trở thành người giàu có. Văn phòng Nam Sơn sau này được xây bằng gạch, ông còn có một số nhà xây cất theo lối kiến trúc tân thời, để ở và cho mượn.

Thần Tài thích giúp kẻ giàu, gặp lúc chánh phủ Hoa Kỳ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam, đem theo một số công chức, doanh nhân, nhà cửa của ông cho mướn chạy như "tôm tươi", với giá cả rất hậu, tiền thuê vô như nước.

Điểm hay của ông là không quên cội nguồn nghèo khó của mình. Ông rất bình dân, mặc dầu có tiền của, ông vẫn khuôn vác hay làm việc tay chân như một người thợ, bạn bè và người làm việc dưới quyền rất mến ông.

Lâu lâu có dịp về thăm quê ở Cái Bè, ông thường mua bánh trái ở Sài Gòn và quà cho bà con lối xóm, ông được cảm tình của nhiều người.

Đối với thầy thơ ký Tấn, ông biết thầy người có học, thật thà, ông rất tin nơi thầy, xem như ruột thịt trong nhà. Thỉnh thoảng đi nơi nào cần tiếng Tây, tiếng Mỹ, hay cần có kiến thức cao để đối đáp và tìm hiểu, ông Nam Sơn mời Tấn cùng đi.

Được sự quý mến của ông Nam Sơn, Tấn thấy đời sống dễ chịu hơn. Vì vậy, sau khi được đổi về làm việc với ông hơn một năm, anh mướn một căn nhà gạch gần đó để tiện đi làm. Mỹ tiếp tục dạy học ở trường tiểu học tư thực được hai năm, sau đó, cô nghỉ việc vì có thai cháu đầu tiên và từ đó ở nhà luôn. Hai năm sau, lại sanh thêm cháu gái khác. Tuy chỉ còn một đầu lương của chồng, nhưng gia đình vẫn tiếp tục sống trong hạnh phúc.

Cuộc sống êm đềm trôi qua... , cho đến một ngày, ngày đó không riêng gia đình Tấn phải khốn đốn, đó là ngày 30 tháng Tư 1975.

CHƯƠNG 14

Biến Cố 30 tháng Tư 75

Đi hay ở?

Ban Mê Thuật là thành phố đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa thất thủ ngày thứ hai 10 tháng ba 75, và sau đó, lần lượt Pleiku, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng di tản. Ông thầu khoán chạy về Cái Bè, quê ông, gởi anh em ruột ông cất một số tiền bạc, vòng vàng. Thờì còn làm ăn thịnh vượng, ông cũng có tiền gởi qua ngân hàng bên Pháp.

Tình hình càng ngày càng bất ổn, ông họp với gia đình hai con của ông, một trai và một gái:

- Tình thế này, mình không thể ở với Cộng Sản, mình phải tính đường đi... , nhà cửa, phố, công trình làm ăn mấy mươi năm nay, chắc chắn là mất rồi, ba má gom góp tiền bạc, chia cho tụi con để mỗi gia đình giữ một ít, rồi mình kiếm ghe đi!.

Mọi người đều băn khoăn, chưa quyết định đi hay ở, và nếu có đi, sẽ đi đâu, đi bằng cách nào?

Khoảng ngày 10 tây tháng tư, hàng loạt người di tản lũ lượt từ Nha Trang trên Quốc Lộ 1 về hướng Sài Gòn, ông Nam Sơn cho con biết là ông vừa mới liên lạc được với vài gia đình thân thiết tại làng Phước Tỉnh, thuộc tỉnh Vũng Tàu, gần khu định cư ông xây cất cho chánh phủ hơn mười mấy năm về trước. Đồng bào ở đó toàn là người Bắc di cư 1954, chuyên nghề đánh cá, họ rục rịch bỏ xứ ra đi bằng chính ghe thuyền đánh cá của họ.

Tuy là người Nam, ông Nam Sơn được một số người Bắc ở đó thương mến, vì tánh ông vui vẻ, bất thiệp, ăn xài rộng rãi, hơn nữa, lúc trước ông có đến làng này để mướn nhân công cho công trường xây cất của ông. Ông thông báo cho các con ông chuẩn bị.

Mặt khác, ông cho gia đình Tấn hay:

. - Mấy mươi năm hợp tác với nhau, - ông Nam Sơn tâm sự với Tấn - tôi thương thầy như người trong nhà, nếu thầy muốn đi, mình sẽ xuống làng Phước Tỉnh đi luôn.

Tấn còn đang do dự, nghĩ mình là người dân thường, lo làm ăn sinh sống, của cải chẳng có gì, gánh nặng gia đình chỉ gồm có vợ và hai con gái lúc đó lên 11, 13 tuổi, anh phân vân:

- Việc này là quan trọng, ông cho tôi về hỏi ý kiến nhà tôi!

- Phải - ông Nam Sơn trả lời - hai ông bà có tính gì thì cho tôi biết sớm!

Tấn trở về nhà, cho vợ biết ý định của ông thầu khoán:

- Tình hình bây giờ lung tung quá, em tính sao? Người ta giàu có, mình thì tiền bạc đâu mà đi ngoại quốc, hơn nữa, ở Pháp, Mỹ, làm ăn khó lắm, không phải là phê như Việt Nam mình đâu?

Mỹ nhìn hai con đang ngồi học gần đó, thở ra:

- Em cũng không biết tính làm sao bây giờ? Hay anh chờ em về Cần Thơ gặp ba má, hỏi ý kiến ông bà xem sao! Em đi một ngày, mai em về!

Tấn đồng ý cho vợ đi.

Nhà ông bà kỹ sư lúc sau này ở Cần Thơ, nơi ông đã làm trưởng ty Canh Nông trong hơn tám năm, trước khi đổi về Sài Gòn và lên làm trưởng ty Canh Nông Thủ Dầu Một. Sau thời gian bảy năm làm việc tại Thủ Dầu Một, ông nghỉ hưu trí, tính trở về quê ông ở Vũng Liêm để sống tuổi đời còn lại. Nhưng tình hình ở đó không được an ninh, ông bà quyết định trở lại Cần Thơ, mua một mảnh đất tại quận Châu Thành và xây nhà trên đó.

Một căn nhà nhỏ xinh xắn, nằm trong quận lỵ: nơi sân trước, ông trồng đủ loại bông hoa ông ưa thích như bông hồng, bông búp, bông vạn thọ... ; sân sau, ông trồng cây ăn trái như cam, ổi, mận... Bên trong nhà, trang trí rất đẹp, với những món quà lưu niệm trong thời gian ông đi đó đây làm việc, không thể thiếu hình tượng và tranh con cò ông trân quý từ lâu. Trên bàn thờ, sau này, có thêm hình Bà Nội: bà qua đời vì tuổi già hai năm sau khi ông dọn về Cần Thơ.

Ông kỹ sư lúc sau này vui tuổi già bằng cách chăm sóc cây kiểng, chim yến, đọc sách; bà lo việc lật vật trong nhà.

Nghe tiếng động ngoài cổng rào, ông xếp quyển sách đang đọc, lấy kiểng ra, nhìn về phía trước:

- Bà ơi! Con Mỹ nó về kìa!

Bà kỹ sư từ nhà sau ra đến phòng khách, Mỹ ôm hun mẹ:

- Thừa ba má, con mới về! Ba má mạnh khỏe không?

Bà mẹ không trả lời, hỏi con ngay:

- Tình hình trên đó ra sao mà con dám về đây, con đi một mình hả?

Mỹ vừa bước vô nhà, vừa nói:

- Dạ con đi một mình, mai trở về gấp... , ở đây sao yên tĩnh quá, trên Sài Gòn, thiên hạ chộn rộn lắm ba má à!

Lúc đó cũng ba, bốn giờ chiều, bà mẹ nóng lòng hỏi con tiếp:

- Con ăn gì chưa, để má làm món gì cho con ăn?

- Dạ, con không đói đâu má, con về đây để hỏi ý kiến ba má nên đi hay ở?

Ông kỹ sư giựt mình:

- Đi đâu?

- Dạ, hổng biết đi đâu nữa - Mỹ ngậy thơ trả lời - nghe người ta tính đi thì đi chớ không biết đi đâu?

Ông kỹ sư vừa cười lớn tiếng vừa lắc đầu:

- Không biết đi đâu mà đòi đi, lạ không? Mình là thường dân, quanh năm suốt tháng lo làm ăn, mắc gì phải đi? Con vô nhà nghỉ ngơi đi, lát nữa, ba nói hơn thiệt cho má con với con nghe!

Sau khi thắp nhang vái trước bàn thờ Bà Nội, Mỹ tả cảnh Sài Gòn cho cha mẹ nghe, một mặt cô phụ với bà làm cơm chiều.

Mâm cơm đã dọn lên, gồm có cá lóc kho, canh chua đầu cá nấu với bạc hà, Mỹ đôi bụng ăn thấy ngon lành. Cả nhà ăn hơn nửa bữa cơm, ông kỹ sư bắt đầu câu chuyện:

- Chắc con muốn hỏi ý kiến ba về việc tụi con nên đi hay ở, phải không? Ba nói rõ cho con biết, cả đời ba má sống với đồng ruộng miền Nam, ba má không đi đâu hết. Ba là công chức, chánh phủ nào cũng cần chuyên môn của người công chức, chánh phủ mới, đầu chánh thể nào đi nữa, vẫn cần người biết việc. Họ (Cộng Sản) cũng là người Việt Nam, đầu tàn ác như người ta đồn đãi. Lúc kháng chiến, họ sống trong nhà dân chúng, cây kim sợi chỉ trong nhà, họ không rớ tới, nói chi tới lấy cái gì khác. Theo ba thấy, tụi con cũng đi làm thuê làm mướn cho người ta, lương ba cọc ba đồng, mình có bóc lột ai đâu mà sợ đến đổi phải bỏ xứ ra đi? Mà nếu tụi con có đi, tiền đâu sanh sống, cướp giựt của người ta à? Ba có ở bên Tây ba biết, làm ăn khổ cực lắm mới ra đồng tiền, khí hậu lạnh lẽo khắc nghiệt, chỉ chết lạnh mà thôi.

Ông kỹ sư còn nói dài dòng hơn nữa, vợ con ngồi lặng thinh nghe, không phát biểu ý kiến nào.

Tản cư

Ngày 20 tháng 4, 1975, sau khi giao nhà cho gia đình người cháu trông nom, ông bà thầu khoán cùng gia đình các con có mặt tại Phước Tỉnh.

Toàn thể khu vực Phước Tỉnh như ngày đại hội, nhưng khác hơn đại hội, vì ai cũng gồng gánh, tay xách tay mang, mặt mày ngơ ngác lo âu... Ghe thuyền đậu nghẹt, đầy nhóc đồ đạc; trên bờ biển, cửa hàng buôn bán náo nhiệt, rác rến bừa bãi đầy khắp mọi nơi.

Ông Nam Sơn có vẻ mệt nhọc vì không quen cảnh sống thất thường mấy ngày qua. Ông than phiền với các con:

- Đợi hoài, không biết chừng nào đi, hay là để ba má về Sài Gòn vài bữa, chừng nào gần tới ngày đi, ba má trở xuống, ba cũng nóng lòng muốn về Sài Gòn lo vài việc nữa. Nếu kiếm được máy bay, ba má sẽ đi luôn, tụi con ở đây có gì rục rịch, cứ theo gia đình bác Ninh (gia đình thân tại Phước Tỉnh) mà đi.

Thế là chú tài xế lái chiếc xe nhà đưa ông bà về Sài Gòn.

Trên đường Vũng Tàu - Sài Gòn, đồng bào tị nạn chen lấn nhau đi hớt hơ hớt hải, cả hai hướng, xe phải cực nhọc và cẩn thận lắm mới đi tới được.

Về tới Sài Gòn, ông Nam Sơn chạy đó đây thăm hỏi tin tức. Thấy dân chúng xôn xao, ông bà càng sợ hơn trước. Ông đến mấy người Mỹ quen, họ đã cao bay xa chạy từ lâu. Ông tìm cách vô phi trường may ra có được chỗ ngồi trên máy bay, rồi cuộc bị chặn tại cổng bên ngoài. Ông đến nhà một số bạn bè, đa số cửa đóng then cài vì họ đã di tản.

Tối hôm đó, ông run quá, vì Việt Cộng pháo kích vào phi trường. Ông tâm sự với bà vợ:

- Mình à! Mình không thể đợi nữa, tụi nó vô gần tới Long Khánh, mai mình phải xuống ngay Vũng Tàu, đi chung với con mình, với gia đình ông Ninh.

Bà vợ ông càng lo hơn:

- Vậy mai mình đi càng sớm càng tốt, để tôi xuống lo mấy ổ bánh mì thịt, phần ông, ông dặn chú tài xế mai đi! Coi mòi này, tôi thấy nguy quá rồi! Mình ở lại là kẹt với đám tụi nó thì khổ lắm!

Sáng hôm sau, trên đường đi từ Long Thành đến Vũng Tàu, từng hàng xe lớn, xe nhỏ, xe cam nhông, xe lam... đậu dọc bên lề, kéo dài cả hai, ba cây số trước khi tới cây cầu Cỏ May, (qua khỏi Bà Rịa). Người lớn, trẻ nít đi bộ hai bên đường, vì cây cầu bị Việt Cộng phá sập, lưu thông gián đoạn.

Ông thầu khoán nói nhỏ với bà vợ:

- Mình trở lại Sài Gòn là chết, chi bằng bỏ xe đây, đi bộ đến cầu, tìm ghe quá giang qua sông, rồi chuyển sang xe lam chạy xuống Vũng Tàu, nhập chung với con cùng mấy gia đình Phước Tỉnh mà đi!

Như người máy, vợ ông chỉ biết làm theo ông vì bà không còn tỉnh táo để cho ý kiến hay cãi lại ông.

Ông dặn dò chú tài xế:

- Thôi, tới đây là anh chị chia tay chú. Ngoài số tiền anh chị cho chú lúc trước đây, chú lấy chiếc xe hơi này về bán lấy vốn làm ăn.

- Cám ơn ông bà - chú tài xế cảm động trả lời - chúc ông bà đi gặp nhiều may mắn, nhưng để em xách phụ đồ cho ông bà đi bộ tới bờ sông, chùng nào có ghe đưa qua bờ bên kia rồi, em trở về Sài Gòn cũng không muộn!

Đánh Tư Sản

Có lệnh của "nhà nước" kêu gọi quân nhân các cấp, công chức "ngụy" trình diện...

Tấn không đi, vì anh giải ngũ quá lâu, gần 20 năm rồi. Mất việc làm với ông thầu khoán, anh đi xe đạp quanh thành phố xem biết sự tình. Anh tạt vào nhà ông bà thầu khoán, hỏi thăm tin tức về gia đình ông. Không ngờ người ra mở cửa là bà thầu khoán, anh giật mình:

- Ủa, sao bà còn đây? Còn ông đâu, tôi tưởng ông bà đi rồi chứ?

Bà kéo Tấn vào trong nhà:

- Khổ quá thầy Tấn ơi! Không đi được, ổng buồn bực ở trên lầu suốt ngày, nghe nói họ sẽ "đánh tư sản", là đến khám nhà nào làm ăn buôn bán...

Tấn không đợi bà nói hết câu, vội hỏi:

- Sao nghe nói ông bà đi ghe với bà con di cư ở Phước Tỉnh mà!

Bà mời Tấn lên lầu gặp ông, hai ông bà kể chuyện vượt biển bất thành cho Tấn nghe.

Sự thật là sau khi đường Sài Gòn - Vũng Tàu bị gián đoạn vì cầu Cỏ May sập, ông bà Nam Sơn đi bộ và tìm dò qua sông để từ đó đi xe lam về Phước Tỉnh. Ông buồn bã kể lại:

- Đến chiều tối, tôi đến nơi, nhưng thuyền bè đã nhổ neo đi hết, tôi quỳnh quá, xoay sở mãi cũng không tìm được tàu, đồ đạc bị cướp giật nữa, may còn được tiền với chút ít vàng và nữ trang, nhờ bỏ trong bao giấy dầu, mới còn về tới trên này.

Gần hai tháng sau từ ngày "giải phóng", có lệnh kiểm kê tài sản, nhà ông bị lục soát trong hai ngày. Nhờ ông bà lo sợ trước nên đã tẩu tán tiền của cho con

cái, bà con cất giữ, chỉ còn lại một ít để tùy thân. Toán đánh tư sản tìm mãi không ra tiền và vàng bạc mà họ nghĩ là to lớn, họ làm dữ và tra gạn ông:

- Tiền của anh cất dấu ở đâu? Tại sao chỉ có bao nhiêu đó thôi?

Ông phân trần:

- Máy ông đâu có làm ăn, máy ông đâu có biết, công chuyện làm ăn của tôi có tiếng mà không có miếng... , bao nhiêu tiền của, tôi đều bỏ ra mua đất xây nhà, tôi không giữ tiền mặt, cũng không giữ vàng... , đó, nhà cửa và phố xá của tôi, máy ông đều biết hết, máy ông cứ lấy, tôi không có gì phải dấu diếm!

Nhờ có lẫn lộn với đời, ông có đủ kinh nghiệm để đối đầu một cách khôn khéo với bọn người có gian mà không có ngoan, chúng nghe ông nói có lý, không thể hạch hỏi gì thêm mặc dầu sự thật ông còn cất dấu nhiều vàng bạc. Nhưng chúng nạt ông:

- Tội anh tày trời, anh là đại tư bản hút máu nhân dân, giờ này, cái gì của nhân dân, phải trả lại cho nhân dân!

Họ tịch thu nhà ông ở và ba căn nhà lầu bên cạnh (cũng của ông), đuổi ông bà ra khỏi nhà, đem xe chở ông bà thả xuống vùng kinh tế mới ở Trảng Bôm. Đến nước đường cùng, ông bà liều chết bỏ trở về Sài Gòn, nương náu ở nhà người bạn, lẽ tức nhiên không có "hộ khẩu".

Tháng sau, thấy ở trốn chui, trốn nhủi khổ sở quá, ông bà về quê ông ở Cái Bè, nhà người em. Mãi đến ba năm sau, 1978, có phong trào nhà nước thu tiền người Tàu cho đi "ngoại quốc bán chánh thức", ông bà tìm cách đi. Theo cách này, ai có tiền nộp cho nhà nước được "quyền trốn" ra khỏi xứ, các đồn bót công an sẽ dành mọi sự dễ dàng để tàu thuyền ra hải phận quốc tế.

Nhờ đó, ông bà chạy tìm mấy người Tàu đóng mỗi người hai cây (cây vàng) để được cải danh thành người Tàu và đóng cho nhà nước mỗi người 10 cây để xuống tàu lớn, từ đó ông bà trốn qua được Mã Lai.

Gia đình ông kỹ sư

Riêng về ông bà kỹ sư, khi Việt Cộng "tiếp thu" Cần Thơ, ông vẫn bình chân như vại, sống ngày hai bữa như không việc gì xảy ra mặc dầu thành phố náo

động khác thường: nào là biểu tình hoan hô, đả đảo, với cờ xí ngợp trời, nào là bộ đội đội nón tai bèo, mang dép râu đi lẫn lộn với một số khác đội nón cối, về mặt ngơ ngơ ngáo ngáo...

Quanh chợ tỉnh lỵ, mấy nhà buôn bán khổ sở vì người của "Cách Mạng", từng nhóm nhỏ, đến các cơ sở kinh doanh, lục soát tiền bạc và kiểm kê tài sản, chỗ nào có bằng hiệu buôn bán không bị bỏ sót. Tuy nhiên, tiệm buôn nào có môn bài dưới năm ngàn đồng, được nhẹ tay hơn, nghĩa là họ lấy vàng bạc rồi bỏ đi; đối với cơ sở có môn bài trên năm ngàn đồng, toàn bộ tài sản, nhà cửa bị tịch thu và gia đình chủ nhà bị đi "kinh tế mới". Phần đông thương gia người Tàu buôn bán lớn nằm trong trường hợp này.

Một ngày nọ, một toán người đội nón cối đến nhà ông bà kỹ sư, trong số này có hai tay nắm vùng, gọi là "cách mạng 30" hay "tụi 30", họ biết rõ gia đình và thân thế ông bà kỹ sư ở Cần Thơ từ bấy lâu nay. Toán người này tự động mở cửa hàng rào được gài lại bằng cái then không khóa, xông xả vô nhà.

- Phải anh là công chức cao cấp "Ngụy" không? - anh toán trưởng hỏi ông kỹ sư.

Anh này còn trẻ, khoảng dưới ba mươi tuổi, trong khi tuổi ông kỹ sư hơn sáu mươi. Ông kỹ sư hơi ngạc nhiên vì lời nói thiếu lễ độ của anh trưởng toán trẻ tuổi đáng con cháu mình:

- Phải, mà tôi về hưu hơn bảy năm nay rồi!

- Về hưu hay không, nhưng anh là "Ngụy", "ngụy cao cấp", anh biết không? Anh có nợ máu với nhân dân... , theo lẽ anh phải trình diện học tập cải tạo mà anh không đi, chúng tôi có lệnh khám xét nhà anh, xem anh có cất dấu tài liệu "Ngụy" hay dấu diếm tiền bạc bóc lột của nhân dân hay không?

Ông kỹ sư sững sốt, cãi lại:

- Tôi suốt đời chí thú làm ăn, có cướp giựt của ai hay bóc lột ai đâu mà có nợ máu?

Tên trưởng toán nạt lớn:

- A! Anh này bố lão, dám cãi với "Cách Mệnh", anh là "Ngụy ác ôn" mà nói không bóc lột nhân dân hả?

Anh ra lệnh cho ông bà kỹ sư vào một góc nhà và hất hàm ra dấu cho bộ hạ lục soát.

Cả mấy chồng sách tiếng Pháp về Canh Nông do ông kỹ sư "cưng" và cất giữ từ mấy mươi năm nay bị lấy ra khỏi kệ, xé và quăng bừa bãi trên nền gạch bông. Hàng chục tờ tạp chí Paris Match, Marie-Claire... bị xem là "văn hóa đồi trụy", cũng chung số phận.

- Đấy, anh xem đấy, toàn là tài liệu đế quốc thực dân, phản cách mệnh!

Ông kỹ sư ngó bà vợ, lắc đầu; ngán ngấm cho tình đời, ông nói nhỏ với bà:

- Thôi, tới nước này, để cho chúng làm gì thì làm, cãi lại tụi nó vô ích!

Sau khi lục soát trong buồng ngủ, chúng đem ra tiền bạc, và vàng, hột xoàn ngày cưới xưa kia của hai ông bà. Sở dĩ ông bà không đem cất dấu nơi nào khác, vì ông tin tưởng "cách mạng không lấy của người dân cây kim sợi chỉ"; do đó, ngoài tiền tiết kiệm gửi trong ngân hàng (kể như mất), tất cả tài sản còn lại của ông bà đều bị đem ra ghi trên tờ liệt kê tài sản.

- Đấy, tiền bạc, vàng vòng này từ đâu mà có, không phải của bóc lột nhân dân là gì?

Biết cãi cũng không thay đổi sự việc, ông kỹ sư nhìn của cải dành dụm mấy mươi năm nay phút chốc đổi chủ, ông lặng thinh thở dài... Hình ảnh và cảm tình đẹp mà ông dành cho "Cách Mạng" bấy lâu nay bỗng tiêu tan theo mây khói!

Riêng bà kỹ sư thì nước mắt tuôn trào, bà ghen ngào, tức tử, tiếc cho số nữ trang kỷ niệm ngày cưới hai ông bà cùng tiền bạc do sự cần kiệm suốt cả cuộc đời...

Qua ngày sau, xe nhà nước chở một số gia đình gồm có thành phần gọi là "ngụy ác ôn" và "tư bản bóc lột" xuống Bãi Xào (Sóc Trăng) khai thác vùng "kinh tế mới", ông bà kỹ sư có mặt trong đó.

Ý của nhà nước Cách Mạng là mở ra một nông trường tập thể, kiểu như Liên Bang Nga Sô Viết, nhưng vì mới chiếm được miền Nam, chưa kịp chuẩn bị, không đủ người, nên nhà nước "đem con bỏ chợ" giữa đồng ruộng mênh mông, chỉ có vài người cai quản, "sống chết mặc bây". Trong lúc đó, "Cách Mạng" lo tập trung "đánh tư sản", lấy vàng, hột xoàn, đồ đạc, không chú ý canh giữ những "tên vô sản" tại vùng kinh tế mới, mục đích duy nhất là "búng" các thành phần "ác ôn" đó ra khỏi nơi cư ngụ của họ để dễ chiếm đoạt nhà cửa và toàn bộ tài sản.

Ông bà kỹ sư là người sống lâu năm tại Cần Thơ, được nhiều người biết và thương mến. Do đó, trong cảnh hoạn nạn này, ông bà được một anh trong ban cai quản nhận ra. Anh lén nói nhỏ với ông kỹ sư:

- Ông nhớ em không, em là Hai Chơn nè, làm việc với ông hồi trước, em nhớ ông là người hiền lành, ở tốt với mọi người... , ông bà ở đây chịu không nổi đâu, chịu khó vài ngày, rồi muốn trốn đi đâu, em làm giấy giả cho ông bà đi! Ông bà đừng ngại, em nhớ ơn ông bà hồi trước giúp đỡ em!

Ông kỹ sư không nhớ rõ Hai Chơn là ai, nửa tin, nửa ngờ, suy nghĩ:

- Không biết phải là bọn nó giả dạng để hại mình hay không?

Ông làm thinh, Hai Chơn nói tiếp:

- Ông bà tính lợi đi, mai em trở lại!

Sau khi Hai Chơn đi rồi, ông kỹ sư hỏi ý bà vợ:

- Bà thấy sao?

- Bây giờ mình tới nước cùng rồi, - bà kỹ sư chậm rãi trả lời - nhà cửa, tiền bạc, của cải không còn, tại nó hại mình nữa có lợi gì cho tại nó đâu?

Ông kỹ sư vui lên:

- Bà nói có lý, tôi cũng nghĩ như vậy, người ta có bụng tốt giúp mình mà mình nghĩ xấu cho người ta là không nên.

Qua ngày sau, Hai Chơn trở lại gặp ông kỹ sư:

- Ông bà quyết định chưa để em lo!

Ông kỹ sư nói nhỏ vào tai Hai Chơn:

- Không nói dấu gì chú em, quê qua ở Vũng Liêm, có cách nào chú em giúp cho qua về đó, qua đội ơn chú em lắm!

Vài ngày sau, thừa lúc nửa đêm và mưa lâm râm, Hai Chơn dẫn hai ông bà đến một chiếc ghe thương hồ⁹, đậu gần đó. Ghe thương hồ này là một tiệm chạp khô lưu động, chèo đi bán khắp nơi trên sông trong vùng Hậu Giang.

Hai Chơn cho ông biết là có đầy đủ Giấy Chứng Minh Nhân Dân và Giấy Di Chuyển giả và đã nói chuyện xong với ông bà chủ ghe, hai người này sẵn lòng giúp đỡ. Trước khi chia tay, Hai Chơn còn nhét vô túi ông bà kỹ sư chút ít tiền làm lộ phí. Ông bà chủ ghe là người chơn chất, thật thà, biết hoàn cảnh của người gặp nạn nên khuyên ông kỹ sư:

- Tôi coi chú thím như người trong nhà, ở đây với tụi này, có mắm ăn mắm, có muối ăn muối, chừng nào ghe về tới Vũng Liêm rồi hãy hay.

Trên đường ghe đi, có nhiều trạm kiểm soát, để đề phòng rắc rối, ông bà "cựu kỹ sư" xuống khoang ghe lánh mặt, mặc dầu có giấy tờ đầy đủ. Ghe đi nơi này đậu lại hai ba ngày rồi chèo đi nơi khác, phải mất ba tuần lễ, ông bà mới về tới Vũng Liêm, là quê của ông.

⁹ Trong Nam, có một số gia đình hành nghề buôn bán lưu động trên những chiếc ghe, lấy đó làm nhà, đó là "ghé thương hồ". Có ghé bán chạp khô, có ghé bán lu, khạp, nôi. . . có ghé bán chiếu, đệm v. v. Ghe di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh nọ, quanh năm suốt tháng.

CHƯƠNG 15

Yêu Em Cho Trọn Cuộc Tình

Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc?

Tấn không bị đi "cải tạo", không bị đi "kinh tế mới", nhưng gia đình gặp nhiều khó khăn. Từ ngày "giải phóng", anh thấy người dân không được "giải phóng" theo như "nhà nước" rêu rao hằng ngày, trái lại còn bị kềm kẹp, ràng buộc, mất tự do nhiều hơn trước.

Đi từ tỉnh này qua tỉnh nọ, phải xin phép; buôn bán không còn dễ dàng, phải gia nhập hợp tác xã; mua thức ăn, phải có sổ hộ khẩu; con đi học phải đóng tiền, học sinh phải nộp gạch, kẽm gai, giấy cho nhà trường; muốn xin giấy tờ hộ tịch, phải chờ đợi lâu, phải "đút lót", cùng vô số điều khắc nghiệt khác, gia đình anh đâm ra hoang mang vô cùng.

Chiếc xe gắn máy PC 50 giúp anh đi làm hơn chục năm nay nằm trong góc sau khi Cộng Sản vô chiếm miền Nam. Nhà nào có xe hơi, giờ đây, xe nằm ụ: có người cho đội xe hồng bánh lên, có nơi lấy vải che xe cho khỏi bụi. Lý do: không còn xăng dầu để chạy nữa. Xăng dầu dành riêng cho xe nhà nước, cho hợp tác xã xe chở mướn, xe chuyên chở công cộng. Giống như cảnh ở miền Bắc, người thay cho trâu bò kéo cày, kéo bừa làm ruộng.

Vì thương vợ, Tấn gánh hết mọi việc cực nhọc, khó khăn, rắc rối, nhứt là khi phường xóm cần làm công tác vệ sinh thành phố.

Thỉnh thoảng, nhà nước ra lệnh dân chúng đi "thủy lợi", mỗi gia đình phải cử một người, Tấn thay mặt cho gia đình lãnh công việc nặng nhọc này. Đây là một cách trưng dụng người, không trả tiền công, không cấp thức ăn hay nước uống, người đi phải tự túc, kể cả đồ nghề để làm một công tác của nhà nước.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ cuốc xẻng, chút cơm nguội cùng ít khô mắm, anh đạp xe đến nơi để cùng chung với dân chúng đi "thủy lợi" như anh, trầm mình xuống nước cả ngày, bưng chuyền tay nhau từng cục bùn, ngăn bờ, đắp đê, khai mương, hoặc trồng cây, theo lệnh của "đầy tớ nhân dân" (cán bộ).

Trong cuộc sống chật vật, vợ anh không thể ngồi yên để chồng làm mọi việc. Vì thế, hằng ngày, nàng phải chực sẵn cuốn sổ hộ khẩu, đợi có phường xóm thông báo bán thực phẩm là chạy đến để chen lấn, nộp sổ, nếu không lanh chơn lẹ tay, món hàng sẽ không còn; những món rất tầm thường như rau cải... , cũng phải chầu chực cả buổi.

Nàng cảm thấy xấu hổ cho cảnh giành giật, xô đẩy nhau, nhưng nếu không chịu khó, tìm đâu mua?

Cứ một đêm trong tuần, nàng phải bỏ việc nhà, đi "họp tổ" để nghe lời cán bộ giáo huấn về đường lối "Cách Mạng", chống "Tư Bản Mỹ"... Nàng về nhà than phiền với chồng về những điều nghịch lý mà cán bộ lập đi lập lại thành sáo ngữ:

- nhân dân là chủ, cán bộ là đầy tớ nhân dân;
- nước ta dân chủ gấp trăm lần các nước Tây phương...

Riêng về hai cô con gái, chúng phải đi theo hội đoàn của phường xóm, nay biểu tình, mai đi ủy lạo, một đi họp Thanh Niên, việc học hành bị trở ngại rất nhiều. Cha mẹ dường như mất quyền kiểm soát đối với con.

Bản tánh vốn thật thà, không lanh lợi, Tấn thấy khó sống dưới chế độ mới. Nhiều người nói nhỏ với anh:

- Sống với Cộng Sản, phải mảnh mung, luôn cúi, nói láo... , mình mà không làm được, khó sống với tụi nó!

Anh chị cầm cự một thời gian cho đến ngày 2 tháng Chín 75, có lệnh đổi tiền mới của "Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa". Sau đợt đổi tiền đó, như mọi người, tiền mặt trong nhà chỉ còn giữ được hai trăm đồng tiền Hồ; nhờ còn dấu chút vòng vàng, anh chị đem ra bán lần lần.

Một ngày khác, anh bàn với vợ:

- Chắc anh phải tìm đường đi, em thấy được hôn?
- Em không muốn anh bỏ mẹ con em, đi thì đi hết!
- Khó lắm em ơi! Tiền bạc đâu đủ để "chung" cho người ta mà đi hết gia đình?

Việc bàn thảo không đưa tới đâu, bị bỏ dở vì không tìm ra lối thoát, trong khi Tấn hằng ngày đi chiếc xe đạp chạy vòng quanh Sài Gòn mua thuốc tây hoặc thứ gì bán được đem vô Chợ Lớn giao cho các mối mua đi bán lại.

Thời đó, vì thấy kinh tế tụt hậu quá, "nhà nước" cho phép gia đình nhận quà của thân nhân từ nước ngoài gửi về, mỗi gói là 1 ký lô, tuy không phải dễ dàng, vì phải qua sự kiểm soát của cán bộ và thường bị cắt xén, xin xỏ, nhưng cũng giúp được nhiều. Thấu hiểu cảnh thiếu thốn tại quê nhà, thân nhân ở ngoại quốc thường mua thuốc men gửi về, trước là gia đình có thuốc trị bệnh, sau là có thể bán ra ngoài kiếm tiền sanh sống.

Tấn đi rong quanh chợ Bến Thành, tìm những bà bán thuốc có những sập hay ngòai chòm hóm bên lề đường. Sau khi có một số khá nhiều, anh đem đi xa bỏ mối, nhờ đó, anh cũng kiếm được chút ít tiền sống qua ngày. Nhưng anh phải cẩn thận lắm khi qua các trạm kiểm soát, "đút lót" là chuyện hằng ngày.

Một ngày nọ, trên đường đi lên Thủ Đức, đến cầu Gò Dưa, anh bị Công An chặn xét, họ lục soát cùng mình anh, thấy nhiều loại thuốc men, họ giữ anh lại, đem về đồn Công An Thủ Đức và buộc anh về tội buôn lậu "đồ quốc cấm". Anh móc hết tiền bạc ra, năn nỉ xin tha:

- Xin các anh cứ giữ hết tiền bạc, cho tôi về với vợ con, tôi không bao giờ dám tái phạm!

Thấy mặt mũi anh đen thui vì sạm nắng, mồ hôi đầm ướt cùng mình, họ thả anh ra sau hơn cả buổi giam giữ. Họ buộc anh phải ký tên nhìn nhận tội và để lại tất cả tiền bạc, thuốc men, cả chiếc xe đạp, gọi là thế tiền phạt.

Anh lại xuống nước:

- Tôi chỉ có chiếc xe đạp làm chân đi đó đây, xin cho tôi lại chiếc xe này...

Họ nạt anh ngay:

- Chiếc xe này là tang chứng quan trọng, có nó, anh mới đi buôn lậu được, hay là anh muốn bị nhốt thêm vài ngày nữa?

Anh hoảng quá, lạng thình vừa suy nghĩ:

- Mình phải ra khỏi nơi hắc ám này cho lẹ, nếu không, chúng đối ý bắt giam vài ngày nữa là khổ thân!

Anh hồi hải rảo bước ra chợ Thủ Đức, đến bến xe lam chạy về Sài Gòn. Mặc dầu không có đồng xu dính túi, anh năn nĩ ông lái xe lam chở hành khách:

- Tôi bị Công An bắt mới được thả ra, tôi không có tiền trả tiền xe, chú vui lòng giúp tôi, cho tôi về Sài Gòn, tôi về nhà lấy tiền đem ra trả cho chú.

Thấy hoàn cảnh đáng thương của anh, ông tài xế xe lam chẳng những không lấy tiền, còn kêu gọi bà con bạn hàng giúp đỡ, kẻ cho gói xôi, người cho nước uống, người khác cho anh vài trái chuối... , nhờ đó, anh cầm cự về tới nhà.

Con Đường Sống

- Nguy rồi em à!- lời nói đầu tiên khi anh bước vô nhà mà không có chiếc xe đạp - vốn làm ăn tiêu tan hết rồi!

Mỹ cùng con chạy lại ôm chồng và cha, không ngăn được dòng lệ. Anh kể lại chuyện bị bắt rồi nói tiếp:

- Vợ chồng mình cầm cự được hai ba năm rồi, bây giờ tiêu tan vốn liếng, chắc phải bán đồ đạc trong nhà để gầy lại vốn làm ăn, nếu không, phải tính về quê ở cho yên, rồi từ đó, tìm đường vượt biển!

Mỹ tỏ ra an tâm hơn:

- Em thấy tội cho anh quá, nhưng họ thả cho anh về là em mừng rồi, em thấy làm ăn như vậy bấp bênh quá, hay là mình về Vũng Liêm ở với ba má, ở đó, có đủ rau cải, mắm, khô, tôm, cá, khỏi chạy ăn từng bữa?

Tấn lo lắng:

- Khổ là phải chạy chọt xin hộ khẩu ở dưới mới về ở được!

Mỹ trấn an chồng:

- Anh đừng lo, ở quận nhỏ, nhứt là quê bên nội em, dễ lo lót để xin hộ khẩu hơn ở Sài Gòn.

Mỹ nhớ lại lần trước, nghe tin cha mẹ trốn vùng kinh tế mới về sanh sống ở quê nhà, cô có đi Vũng Liêm thăm. Lần gặp gỡ đó, cô thấy cha mình ít nói hơn trước, suốt ngày trầm ngâm, buồn cho thế sự. Sống ẩn dật, ông ít tiếp xúc với ai, vì có mặc cảm "tội lỗi", đã "nhẹ dạ" đặt niềm tin vào "Cách Mạng".

Lần đó, ông kỹ sư có dặn con:

- Tụi nó là dân ăn ngược nói ngạo, là quân ăn cướp... , nếu ở Sài Gòn gặp khó khăn, sống không nổi, tụi con nên về quê nội ở (là Vũng Liêm), có gia đình đùm bọc lẫn nhau.

Mỹ lặp lại lời cha nói cho Tấn nghe, anh cho ý kiến:

- Mình chịu đựng với tụi này quá sức rồi, chắc chịu không nổi nữa, hay là mình dọn về ở với ba má, rồi từ đó, mình tìm đường trốn ra ngoại quốc!

Gia đình lại khăn đùm khăn gói, di tản về Vũng Liêm.

Sau năm năm "giải phóng", đồng bào vẫn lũ lượt bỏ nước ra đi, bất chấp nguy hiểm. Chuyện tàu chìm, đói khát trên biển, sóng to gió lớn, gặp hải tặc cướp vàng, tiền, hãm hiếp và giết chết người không làm cho người tìm "tự do" chùn bước.

Trái lại, tin tức lạc quan của người đến bờ "hạnh phúc" gửi về quê nhà càng làm cho dân chúng quyết tâm ra đi, "thà chết còn hơn sống với Cộng Sản".

Tấn là một trong số người đang tính đường ra đi.

Anh tìm cách thuyết phục vợ để cho một mình anh đi trước, vợ và hai cô gái, lúc đó được 18 và 16 tuổi, sẽ đoàn tụ sau khi anh lập được "đầu cầu" ở một nước tự do. Mỹ không chịu:

- Em muốn anh đi đâu phải có mẹ con em, em không thể để anh đi một mình, thà sống chết có nhau!

Anh viện lẽ vì tài chánh eo hẹp và vì an toàn cho phụ nữ, nói tiếp:

- Mình sống với tụi này, người không ra người, ngợm chẳng ra ngợm, để anh hy sinh đi trước, may ra tìm được cảnh tự do, sung sướng hơn, con mình cũng có cơ hội tiến thân, chớ suốt ngày bị bắt đi "hoan hô, đả đảo" như hiện giờ,

còn học hành gì được? Còn riêng anh, là đàn ông trong nhà, anh không lo được gì cho em hết, để em phải cực nhọc, cơm bữa đói bữa no, anh hổ thẹn lắm!

Mỹ chận ngang:

- Đâu phải mình em cực khổ đâu, bao nhiêu người quanh mình đều khổ hết!

Nhưng Tấn không chịu ngưng:

- Nếu phải xa em, anh cũng đau lòng lắm, nhưng mình không có cách nào hơn!

Nàng miễn cưỡng xuôi theo ý chồng.

Trước đó, hai vợ chồng cũng có tham khảo ý kiến cha mẹ. Lần đó, ông kỹ sư không dám quả quyết "đi hay ở" như lần trước.

- Việc đi hay ở, - lời ông kỹ sư - đó là tùy ý hai con. Lúc trước, khi Cộng Sản sắp chiếm Sài Gòn, ba khuyên các con không nên đi, giờ này, ba sợ phải lỗi lầm như xưa, thôi để các con định liệu. Đi chui cũng như đánh bạc, may ít rủi nhiều, tùy hai đứa con định, có điều con nên nhớ, ba má lúc nào cũng thương yêu và lo cho gia đình con ngày nào ba má còn sống.

Tấn nhứt quyết đi vì không muốn vợ mình phải khổ sở. Nhưng Vũng Liêm không phải là nơi thuận tiện cho ghe thuyền xuất phát, anh thỉnh thoảng phải về Bến Tre là quê của anh để kiểm đường đi, nơi đây có bốn cửa biển: Cửa Đại, Cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông và Cửa Cổ Chiên.

Đến năm 1980, "nhà nước" không còn cho đi "bán chánh thức" nữa, vì Quốc Tế tố cáo Cộng Sản Việt Nam xuất cảng người bất hợp pháp. Sau thời kỳ đó, ai đi "chui" sẽ bị Công An bắt.

Tuy vậy, Tấn đã tìm được mối đi, mỗi người phải nạp cho chủ ghe bốn lượng vàng và chờ ngày lên đường...

Vượt Sóng

Tháng sáu 1981... Sau khi từ giã ông bà kỹ sư, anh nhìn lại vợ con. Trong giờ phút chia tay, có thể anh đã bỏ cuộc nếu anh không nghĩ đến người vợ yêu

quý cần sống trong không khí tự do, anh còn nghĩ đến tương lai cho hai con, trong khi chúng còn quá ngây thơ, chưa hiểu cuộc "đổi đời" là gì.

Lúc đó, vợ anh ghen ngào, nửa muốn cho anh đi, nửa muốn giữ anh ở lại. Nàng không khỏi bồi hồi, lo cho chuyến đi không biết thành hay bại? Tự nhiên, nước mắt nàng tuôn trào, giống như khi xưa hai người thương nhau mà phải xa nhau vì "phi cao đẳng bất thành phu phụ", cũng như khi chàng phải vượt trùng dương đi Pháp lo cho sự nghiệp. Anh sát mặt vào má nàng:

- Lúc nào, anh cũng yêu thương em, như lúc đầu gặp em!

Hai người ôm nhau hồi lâu, chàng an ủi nàng:

- Anh cầu nguyện Chúa giúp cho anh, em ở nhà chờ tin vui của anh, mình sẽ đoàn tụ một ngày gần đây! Vì tình yêu em, anh phải đi tìm cuộc sống tự do hơn!

Anh mạnh dạn bước ra khỏi nhà và từ đó về Bến Tre xuống thuyền vượt biển.

Vào một đêm tối mịt, một chiếc ghe lớn đậu sẵn sàng tại một bờ buội rậm gần cửa biển Hàm Luông, đợi "ghé con" đem người đến. Trong cảnh âm u, từng chiếc ghe nhỏ chở lối bốn năm người lặng lẽ cặp ghe lớn... Sau khi thuyền trưởng đếm đủ số người, ghe bắt đầu nổ máy. Có khoảng gần ba mươi người, vừa người lớn, trẻ con, cả nam lẫn nữ, tất cả chui xuống khoang, nằm im thin thít.

Ghe vượt ra khỏi những hàng dừa bát ngát, tận phía xa là biển rộng mênh mông... , tiếng gà gáy nhường cho tiếng sóng biển rào rạc, đêm tối âm u lần lần sáng ra nhờ sao chiếu đầy trời không mây, vùng hồng hiện phương đông báo hiệu niềm hy vọng cho mọi người.

Ai cũng mừng rỡ vì thoát hiểm, thoát khỏi Công An. Tuy nhiên, Tấn nghĩ đó chỉ là mới bắt đầu, còn bao nhiêu điều bất trắc, của thiên nhiên như mưa bão, của kỹ thuật như máy móc, của người như giặc cướp chẳng hạn. Tấn nghĩ đến vợ con, và muốn quay trở về, nhưng đó chỉ là một ý thoáng qua.

Đa số lên sàn ghe thỏ không khí trong lành, từng nhóm chia nhau phần ăn hay nước uống, hoặc bàn chuyện băng quơ sẽ làm gì khi đến bến, có người nằm ngủ cong queo bên cạnh người thân yêu.

Sau hai ngày bình an vô sự, ghe gặp thời tiết xấu... , thay vì nhắm về hướng Tây Nam để xuống Nam Dương, ghe bị gió và nước đẩy về hướng Tây, trên một lộ trình mà chủ tàu và tất cả người tị nạn đều muốn tránh.

Nhiều câu chuyện thương tâm cho người vượt biển thường xảy ra trên hải trình này: hải tặc Thái Lan cướp giật tiền bạc, vàng vòng, hãm hiếp đàn bà con gái, hay giết người quăng xuống biển. Cũng có lúc gặp ghe đánh cá Thái Lan tốt, họ tiếp tế nước uống và thức ăn cho ghe thuyền tị nạn.

Ghe vẫn tiến tới giữa trời nước bao la, tiếng máy chân vịt nổ đều đều, con thuyền giống như chiếc lá lác lư giữa dòng vì biển động. Mọi người trên tàu tỏ vẻ bồn chồn, người niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, người làm dấu thánh giá cầu nguyện Chúa... Nhưng cũng được an ủi là máy không bị trục trặc, thức ăn và nước uống khá đầy đủ, ghe không bị rỉ nước.

Tấn tưởng mình như lao vào cơn đánh bạc, anh tự an ủi: "Khi vượt biển tìm tự do, nào ai đoán được những gì có thể xảy ra, chỉ còn biết cầu nguyện!"

Trong khi đó, tại nhà ở Vũng Liêm, Mỹ và hai con sống giữa tình thương của gia đình. Sau khi Tấn đi được gần một tuần, mỗi ngày nàng ra trước nhà, canh giờ ông đi phát thơ. Ông đi thơ này rất vui tánh, ông đi tới đâu là lối xóm đều biết: ông vừa đạp xe vừa hút gió, miệng nói "liền đeo": "Thơ, thơ đây!"

Một ngày khác, thấy ông đi thơ từ xa đến, nàng mạnh dạn hỏi ông:

- Bữa nay có thơ cho tôi không chú?

Ông đi thơ vui vẻ trả lời:

- Cô yên chí, có là tôi chạy lại đưa cho cô liền, cô đừng lo!

- Đừng quên nghe chú!

- Không đâu!

Ông trả lời, vừa đạp xe đi, vừa hút gió...

Ghe của Tấn rời bến hơn hai tuần, nhưng chưa có tin tức tàu cập bến nào.

Một tháng sau, tờ thông tin của một trại tị nạn ở Mã Lai cho biết tin về một chiếc thuyền được Cao Ủy Tị Nạn cứu vớt.

Theo đó, dân chúng tại một hòn đảo thuộc Mã Lai phát giác một chiếc ghe lững lờ gần bờ suốt cả ngày. Cảnh Sát Mã Lai được thông báo, Cao Ủy Tị Nạn cho ca-nô cứu cấp chạy ra, chứng kiến một cảnh hãi hùng: chỉ còn một người lớn tuổi và một cậu trẻ đang nằm thoi thóp, máu me đầy người, và trên sàn ghe, nhiều vết máu đã đông cứng, quần áo, tóc, thịt, óc người văng bừa bãi...

Lập tức, toán cứu cấp chở vào nhà thương hai thuyền nhân trong tình trạng hôn mê, không nói được một lời. Họ được cho vào nước biển và thở bằng bình dưỡng khí. Hai ngày sau, cậu trẻ buông hơi thở cuối cùng vì không chịu nổi vết mã tấu chém vào ngực. Ông lớn tuổi mở hé mắt ra, miệng nói lắp bắp từng tiếng nhỏ nhỏ: "Chết tôi... , cứu tôi... ".

Lần lần hồi phục, nhưng tâm thần vẫn còn mê loạn, ông nói lắp nháp: "Má nó đâu, mấy đứa nhỏ đâu?" Có lúc ông khóc rống lên, có khi ông cười sằng sặc, ai nói gì, hỏi gì, ông cũng nhìn với đôi mắt thần thờ.

Theo viên chức điều tra, câu chuyện được gói ghém như sau theo lời khai nửa mơ, nửa tỉnh của người còn sống sót, đó là tài công của tàu:

"Tàu đã gặp cướp Thái Lan, thuyền nhân bị lột sạch tài sản, phụ nữ bị hãm hiếp và bắt đi, người nào chống cự bị đâm và quăng xuống biển, hai người bị thương nặng còn sống là nhờ bất tỉnh nằm trên sàn tàu trong khi chúng rút lui không kịp đập xuống biển. "

Tin tức loan truyền ra, thuyền nhân tị nạn trong đảo vô cùng xôn xao và căm phẫn. Một số viết thư về Việt Nam, thông báo cho bà con bên nhà biết tên chiếc tàu bị nạn.

Tại Vũng Liêm, ngày tháng trôi qua, người phụ nữ đợi tin chồng ngày càng thất vọng... Thư từ nhà anh Hai của Tấn ở Bến Tre gửi qua cho biết là gia đình người cùng đi trên chiếc ghe rất buồn khổ khi biết hung tin về chiếc tàu vượt biển này.

Mỹ khóc ròng rã mấy ngày đêm sưng cả mắt, hai cô con gái cũng khóc nhiều, ông bà kỹ sư rất đau khổ, đứng ngồi không yên... Kể từ đó, bà kỹ sư là người theo sát cô con gái gần như bóng với hình, tìm mọi cách an ủi con với bớt nỗi buồn.

Vì tôn giáo lúc đó không được phép hoạt động, nàng cùng mẹ đến gặp một bốn đạo quen biết, nhờ hướng dẫn lên gặp Cha nhà thờ trong vùng, xin Cha làm lễ cầu hồn cho "Phao Lồ", là tên thánh của chồng. Người dân thường gọi là "làm lễ chui", tức là lên lút, không riêng gì Công Giáo, Phật Giáo cũng làm "lễ chui", đạo Tin Lành cũng làm "lễ chui"...

Ngoài ra, mỗi đêm, trước bàn thờ Phật, nàng lâm râm khấn nguyện, cầu cho tâm trí được an bình. Nàng muốn dung thân nơi Cửa Thiền và nhờ một bà dì đi với nàng và mẹ đến gặp một sư ông. Sư ông này ở trong một căn chòi do bà con dành cho ông, vì chùa và đất chùa của sư bị chiếm đoạt và sư bị đuổi ra khỏi chùa.

Sau khi được Sư ông giảng về "Sanh Lão Bệnh Tử", nàng cảm thấy tâm thần thơ thới hơn, nàng chấp nhận hoàn cảnh cay nghiệt. Có người thấy nàng lúc sau này tươi tỉnh hơn trước, hỏi nàng, câu trả lời:

- Em biết có Sanh là có Tử, không ai tránh khỏi, chồng em ra đi với tình thương trọn vẹn cho em; với tuổi của anh, tuy là sớm, nhưng mình không thể làm khác hơn đối với cái Nghiệp của mỗi người!

Năm đó, chàng 53 tuổi, nàng 45.

Gần một năm sau, một ngày nọ, có tiếng hút gió của ông đi thơ từ đầu xóm; với giọng vui vẻ như thường lệ "thơ đây, thơ đây!", ông trao cho ông kỹ sư một phong bì. Thơ này xuất phát từ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, của một người con trai ông lúc trước học ở Pháp và sau khi đậu ra trường, qua Mỹ làm việc, tị nạn luôn ở đó.

Ông lật đặt mở ra xem và đọc lại nhiều lần vì có tiếng Việt và tiếng Anh.

Mỹ cùng mẹ vừa đi chùa về, nàng cũng không thắc mắc gì về giấy tờ cha mình đang đọc. Lát sau, ông kỹ sư cho bà vợ và con biết:

- Thăng Tư (anh của Mỹ) đang làm thủ tục bảo lãnh cho con Mỹ với hai con nó qua Mỹ theo diện anh em.

Vào thời điểm này, vì làn sóng thuyền nhân tị nạn Cộng Sản Việt Nam càng ngày càng gia tăng không ngớt, số người chết, bị hãm hiếp, bị cướp bóc trên biển cả lên đến con số đáng ngại, chánh phủ Hoa Kỳ thiết lập ra một chương trình mới, gọi là Orderly Departure Program (viết tắt là ODP), dịch ra tiếng Việt là "Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự". Với thể thức mới này, chánh phủ Hoa Kỳ nhận thân nhân người tị nạn vào Hoa Kỳ một cách chánh thức căn cứ vào hồ sơ hợp lệ xin "Đoàn Tụ Gia Đình".

Theo giấy tờ gửi về, công việc người bên nhà là lục tất cả hồ sơ hộ tịch chứng minh huyết thống gia đình và gửi qua để người anh làm đơn nạp cho chánh phủ Hoa Kỳ. Trong thư cũng nói rõ là việc đoàn tụ phải mất nhiều năm.

Khi nghe đến đó, lẽ ra Mỹ phải vui lắm, nhưng nàng gần như đứng đưng, vì đối với nàng, không còn điều gì có thể làm cho nàng mừng rỡ nữa từ khi biết tin chồng ra đi không bao giờ trở lại.

Thỉnh thoảng, bà kỹ sư nhắc cho con nhớ lại lời sư ông:

- Đừng quá đau khổ về việc đã qua, vì con không thể thay đổi được, nên vui với hiện tại!

Trong suốt mấy tuần lễ sau đó, nàng phụ với cha đi sao lục và thị thực giấy khai sanh, giấy hôn thú... cùng tất cả văn kiện cần thiết cho hồ sơ đoàn tụ.

Ánh sáng hy vọng lấp lánh cuối chân trời, nàng cảm thấy được an ủi, vì biết chắc chắn có một ngày nào, nàng và hai con sẽ được sống trong một nước tự do. Dầu vĩnh viễn xa nhau, nhưng nàng được ấm lòng, biết mệnh của chồng ao ước cho nàng trở thành sự thật.

Tuy rằng niềm vui không trọn, nhưng có còn hơn không!

HẾT